

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

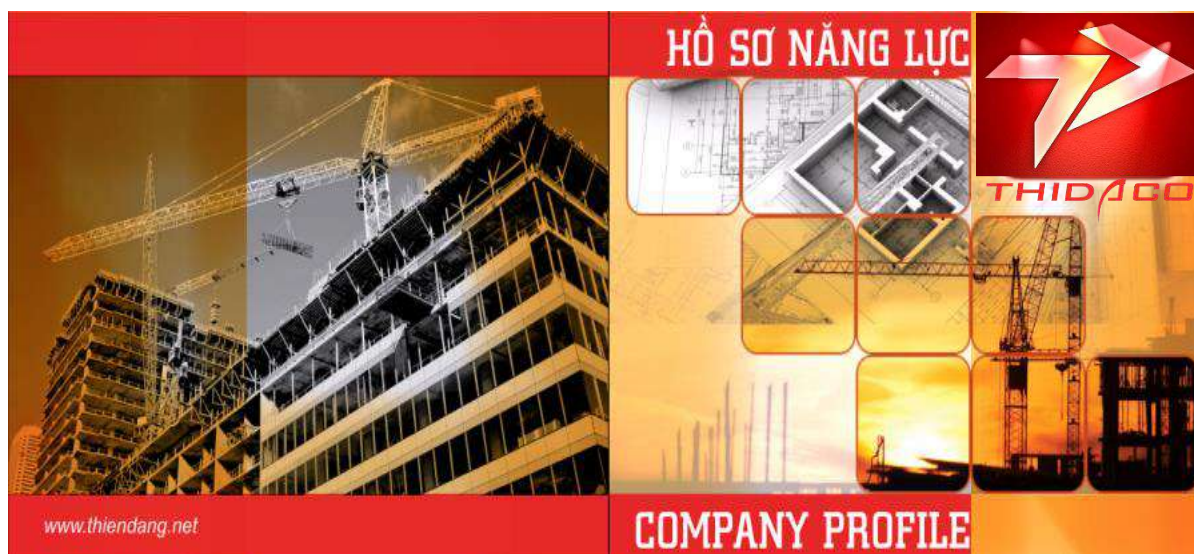
Address: Cao Ốc Văn Phòng tầng 5, Số 55-57 Nguyễn Văn Giai, P.Đa Kao,
Quận 1, TP.HCM.

Tel : +(84-8) 39952989

Fax : +(84-8) 3995 6374

Website : www.thiendang.net

Email : mail@thiendang.net



Lĩnh Vực Hoạt Động

THIẾT KẾ, GIÁM SÁT THI CÔNG, TỔ CHỨC THI CÔNG

- ❖ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
- ❖ HỆ THỐNG PCCC
- ❖ HỆ THỐNG M & E
- ❖ AN NINH TOÀN NHÀ

DANH MỤC HỒ SƠ

TT	Nội dung	Trang
I	HỒ SƠ PHÁP LÝ	5
	<i>Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp Công ty Cổ phần cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu tư</i>	07-10
	<i>Quyết định Về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành công ty</i>	11
	<i>Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO</i>	13
	<i>Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Phòng cháy và chữa cháy của Cục Cảnh Sát Phòng cháy chữa cháy</i>	15-16
	<i>Công bố thông tin về năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng công trình trên Website Bộ Xây Dựng</i>	17
	<i>Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Sở Xây Dựng</i>	19-20
	<i>Công bố thông tin năng lực tham gia hoạt động xây dựng trên trang Website Bộ Tài Chính</i>	21
	<i>Xác nhận đăng ký thông tin hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trên Website Bộ kế hoạch và Đầu Tư</i>	23-24
	<i>Xác nhận đăng ký thông tin Website tại Website Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử Bộ Công Thương</i>	25
	<i>Quy mô hoạt động của Doanh Nghiệp</i>	27-29
II	HỒ SƠ KỸ THUẬT	31
	<i>Sơ đồ tổ chức cơ cấu bộ máy hoạt động và sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự tại công trình.</i>	33
	<i>Danh sách cán bộ chủ chốt: Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt; Bảng kinh nghiệm chuyên môn; Hợp đồng lao động; Quyết định bổ nhiệm và Bằng cấp</i>	35
	<i>+ Vòng Nhật Sáng - Kỹ sư xây dựng</i>	37-45
	<i>+ Trần Thanh Nguyên - Kỹ sư Phòng cháy chữa cháy</i>	47-53
	<i>+ Phạm Quốc Dũng - Kỹ sư điện, điện tử</i>	55-61
	<i>+ Trần Đình Hải - Cán bộ An Toàn lao động</i>	63-69
	<i>+ Đỗ Thanh Tùng - Cán bộ An Toàn Lao Động</i>	71-77
	<i>Danh sách nhân viên thi công tại công trình; kèm chứng chỉ và bằng cấp</i>	79-81
	<i>Bảng kê khai máy móc thiết bị thi công chủ yếu, kèm hóa đơn</i>	83-84
III	BIỆN PHÁP THI CÔNG & BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	85-98
IV	BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ PCCC TẠI CÔNG TRÌNH	99-103
V	NĂNG LỰC THI CÔNG (HỢP ĐỒNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH)	105
	<i>Thi công hệ thống điện - nước và điện nhẹ</i>	107-124
	<i>Thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy và chống sét</i>	125-167
	<i>Cung ứng vật tư điện - điện nhẹ - thiết bị vệ sinh và máy phát điện</i>	169-191
	<i>Thi công trạm biến áp</i>	193-217
VI	HỒ SƠ TÀI CHÍNH NĂM	219
	<i>Báo cáo tài chính năm 2017 và báo cáo kiểm toán</i>	121-229
	<i>Báo cáo tài chính năm 2018</i>	231-239



THIÊN ĐĂNG

*8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-28) 3610 0868 (3 lines)*

HỒ SƠ PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0312067271

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 11 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ 1: ngày 24 tháng 09 năm 2013

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN DANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN DANG CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN DANG CONSTRUCTION INVESTMENT JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cao ốc văn phòng tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.36 100 868

Fax:

Email: mail@thiendang.net

Website: www.thiendang.net

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	4100 (Chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Chuẩn bị mặt bằng	4312
6	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
8	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
11	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại	7490
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy-báo trộm; hệ thống chống sét, thiết bị điện-nước-điện lạnh.	4659
13	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651



STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng.	4649
15	Phá dỡ	4311
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp chi tiết: Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy-báo trộm; hệ thống chống sét, thiết bị điện-nước-điện lạnh (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
18	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
19	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: Thiết kế đồ họa; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
20	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
21	Cho thuê xe có động cơ	7710
22	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1321
23	Đại lý du lịch	7911
24	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
25	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý.	4610
28	Lập trình máy vi tính	6201
29	Quảng cáo	7310
30	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	7020
31	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Giám sát thi công phần phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng-công nghiệp. Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình dân dụng-công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Giám sát lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và thông gió công trình dân dụng-công nghiệp. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước (dân dụng - công nghiệp). Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội ngoại thất công trình. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp III.	7110

STT	Tên ngành	Mã ngành
32	Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1313
33	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1322
34	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).	1410
35	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
36	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	6619

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THUẬN THUYỀN	85/37 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	022769276	
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14		
2	TRẦN TRỌNG MINH	266 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	022972083	
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14		

ch

3	PHẠM TUẤN THỨC	25/32 Công Quỳnh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	020257407
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14	
4	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	11/B2 C/X 155 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	480.000	4.800.000.000	16	023826452
			Tổng số	480.000	4.800.000.000	16	
5	ĐÀNG HỮU THỌ	Hiếu Lễ, Xã Phước Hậu, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	264189671
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14	
6	PHAN THẾ TRUNG	869 Tỉnh Lộ 43, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	023625011
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14	
7	VŨ DUY THIỆN TIỀN	417/69/72M Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	14	021874966
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	14	

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Họ và tên: NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *29/09/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *022769276*

Ngày cấp: *28/05/2003*

Nơi cấp: *CA TP. HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

85/37 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

85/37 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

15. **TRƯỞNG PHÒNG**
Phạm Văn Thanh Hồng
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
Phạm Văn Thanh Hồng

CÔNG TY CP ĐT-XD THIÊN ĐĂNG.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 01- QĐ/TĐ

Tp. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng
- Xét trình độ khả năng của Ông/Bà.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN**

CMND số 022769276

Nơi cấp: CA. TP. HCM

Ngày cấp: 28/05/2003

Địa chỉ thường trú: 85/37 Trần Đình Xu – P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1 – TP. HCM.

Giữ chức vụ: Tổng Giám đốc.

Nhiệm kỳ: 2012 – 2017

Điều 2: Ông: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị về các hoạt động của mình theo quy định của công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Cá nhân liên quan
- Lưu vp.



Nguyễn Trường Chi

CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ:

Cao ốc văn phòng Tầng 5, số 55-57, đường Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thực hiện và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng

Với phạm vi áp dụng:

- Thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy, tầng áp hút khói, chống sét, hệ cơ điện;
- Sản xuất và cung cấp các thiết bị phòng cháy chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ;
- Cung cấp các thiết bị an ninh quốc phòng;
- Tư vấn, giám sát thi công thiết kế phòng cháy chữa cháy; Tư vấn thiết kế, thẩm tra công trình kiến trúc và phòng cháy chữa cháy;
- Dịch vụ đào tạo chuyển giao công nghệ các hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015



Chứng nhận số: VCA.0531.1A

Ngày cấp: 04 - 06 - 2021

Thời hạn hiệu lực: 03 - 06 - 2024



Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc

VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.



Số: 23 /GXN-PCCC

GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở;

Xét đề nghị của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH - CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

XÁC NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0312067271, cấp ngày 21 tháng 10 năm 2020
cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở tại: Cao ốc văn phòng Tầng 5, Số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện pháp luật là ông/bà: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN**

Chức vụ: Tổng giám đốc

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: 079076000346, cơ quan cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 85/37 Trần Đình Xu, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (theo danh mục kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng;
- Cục CS PCCC&CNCH - BCA;
- Công an Quận 1;
- Lưu: VT, Đ2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2022



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Huỳnh Quang Tâm

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ
ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Kèm theo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ
phòng cháy và chữa cháy số/GXN-PCCC ngày/3/2022
của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh)

TT	Ngành, nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Mã ngành	Ghi chú
1	Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy	7110	
2	Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329	
3	Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659	



CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Trang chủ

Công bố

Thông tin

Tìm kiếm

STT	Tên Tổ chức	Lĩnh Vực	Loại và cấp CTXD	Ghi chú
655	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	Khảo sát		
		Lập dự án		
		Quản lý dự án		
		Thiết Kế quy hoạch		
655	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	Thiết kế, thẩm tra thiết kế	- Dân dụng cấp II - Công nghiệp cấp II	
		Giám sát thi công xây dựng	- Công nghiệp cấp II	
		Kiểm định giám định chất lượng CT		
		Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		
655	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	Thi Công xây dựng	- Dân dụng cấp II - Công nghiệp cấp II	

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HCM-00026022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 577/QĐ-SXD-QLNGĐXD ngày 17/4/2019)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0312067271
Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 27/11/2012, thay đổi lần thứ 5 ngày 13/9/2018;
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;
Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: **Nguyễn Thuận Thuyên** Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ trụ sở chính: Cao ốc văn phòng tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 0836100868 Số fax: Không có
Email: mail@thiendang.net Website: Không có
Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Thiết kế xây dựng (kiến trúc, kết cấu, điện, cấp - thoát nước) công trình:
+ Dân dụng: Hạng II;
+ Công nghiệp: Hạng III;
 - Thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Hạng III;
 - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Hạng III.
- Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 17/4/2029./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2019

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG PHÁP CHẾ
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Hoàng Thị Ánh Tuyết

CÔNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Bo Kế hoạch và Đầu tư [VN] | <https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=9570#>

Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

public Đăng nhập

Tìm kiếm >>

Tìm doanh nghiệp Số tham chiếu của đơn hàng

Số lượng: 0 Số tiền: 0 đồng

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ

27/11/2012

Tên người đại diện theo pháp luật
NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Địa chỉ trụ sở chính:
Cao ốc văn phòng tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu dấu

Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện
7710	Cho thuê xe có động cơ
1321	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)
7911	Đại lý du lịch
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý
6201	Lập trình máy vi tính
7310	Quảng cáo
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công phần phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Giám sát lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và thông gió công trình dân dụng - công nghiệp. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước dân dụng - công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội ngoại thất công trình. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp III.
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)
1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)
1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)
7920	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỤC QUẢN LÝ ĐẦU THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2019

XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ THÔNG TIN TRÊN HỆ THỐNG MẠNG ĐẦU THẦU QUỐC GIA

Thông tin doanh nghiệp

Số ĐKKD	0312067271	Ngày ĐKKD	27/11/2012
Tên nhà thầu	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG		
Tên tiếng Anh			
Lĩnh vực kinh doanh	Xây lắp	Phân loại doanh nghiệp	Công ty cổ phần
Số nhân viên	20	Vốn điều lệ	30000000000
Số điện thoại	0836100868	Số fax	
Địa chỉ	Cao ốc văn phòng tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1		
Trang web			
Tỉnh/Thành phố	Thành phố Hồ Chí Minh	Quốc gia	VIET NAM

Thông tin ngành nghề

STT	Tên ngành nghề
1	Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình. - Dân dụng; Công nghiệp
2	Thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
3	Thi công công trình xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
4	Giám sát công trình xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp

Nơi nhận

- Như trên

- Lưu văn thư

Người đại diện

Nguyễn Thuận Thuyền



ONLINE.GOV.VN

CỔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tên đăng nhập (mã số thuế)

Mật khẩu

☐ Lưu tên đăng nhập

Quên mật khẩu

THÔNG TIN CHI TIẾT

THÔNG TIN WEBSITE

Tên Website: http://thiendang.net/

Địa chỉ tên miền: thiendang.net



ĐÃ THÔNG BÁO
BỘ CÔNG THƯƠNG

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thiên Đăng

MST/ĐKKD/QĐTL: 0312067271

Trụ sở Doanh nghiệp: Tầng 8 cao ốc VP, số 85 Nguyễn Hữu Cầu P.Tân Định, Q. 1.Tp.HCM

Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

Quốc gia: Việt Nam

Điện thoại: 02836100868

QUY MÔ HOẠT ĐỘNG

I. Vài nét sơ lược về công ty Thiên Đăng

- Công ty CP ĐT-XD Thiên Đăng khởi đầu do bảy cá nhân tận tụy và tâm huyết, Công ty thành lập năm 2012.
- Công ty nhận được Mã số doanh nghiệp số 0312067271, ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp.
- Trụ sở chính: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu P. Tân Định, Q.1, TP HCM
- Văn phòng giao dịch: 324A/10 Phạm Đình Phùng, P.1, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Điện thoại: 08 3610 0868 (3line)
- Website: <http://www.thiendang.net>
- Email: mail@thiendang.net

II. Các lĩnh vực hoạt động hiện nay

Thẩm tra – Thiết kế – Cung ứng – Xây lắp

1. Trạm biến áp và hệ thống điện

- Hệ thống cung cấp và phân phối điện:
 - + Phân phối điện trung thế, hạ thế, máy biến áp, máy phát điện
 - + Tủ phân phối điện, điện chiếu sáng, điện động lực
- Thiết bị điều khiển tự động, giải pháp điện thông minh
 - + Hệ thống chống sét, camera quan sát, hệ thống an ninh giám sát, hệ thống chiếu sáng sự cố
- Hệ thống điện thoại, âm thanh công cộng, hệ thống mạng

2. Cấp thoát nước và thiết bị vệ sinh

- Cấp nước nóng lạnh, thoát nước mưa, nước sinh hoạt, xử lý nước thải

3. Hệ thống báo cháy và chữa cháy

- Hệ thống chữa cháy, hệ thống báo cháy, vật liệu chống cháy lan

4. Hệ thống thông gió và điều hòa không khí

- Hệ thống sưởi ấm, thông gió, điều hòa không khí, thiết bị phân phối gió, ống gió

5. Xây dựng dân dụng và công nghiệp

- Xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng
- Tư vấn giám sát, thẩm tra thiết kế

III. Hệ thống chất lượng

- Công ty CP ĐT-XD Thiên Đăng đặt mình là Chủ đầu tư khi tư vấn, thiết kế để sản phẩm đạt được các yêu cầu về chất lượng, thời gian, hiệu quả trong đầu tư và khai thác.

- Công ty CP ĐT-XD Thiên Đăng không ngừng cải thiện hệ thống chất lượng với mục tiêu đề ra là đạt tiêu chuẩn tốt nhất.

- Công ty CP ĐT-XD Thiên Đăng được công bố thông tin về năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng công trình:

- Website: www.nangluchxd.xaydung.gov.vn

- Số thứ tự: 655

- Công ty CP ĐT-XD Thiên Đăng xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001-2008 đã được đánh giá và cấp chứng nhận do:

- Tổ Chức Chứng Nhận Tiêu Chuẩn Quốc Tế (ISC)

- Số chứng nhận: QAC/R84/1308

IV. Nguồn nhân lực

- Công ty luôn luôn có 05 đội thi công thường trực với đội ngũ công nhân lành nghề được huấn luyện bài bản (tay nghề lao động cũng như các công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) qua việc thi công thực tế nhiều công trình dân dụng, công nghiệp....

- Nhân viên công tác thường trực có trình độ chuyên môn cao với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, thi công, giám sát chất lượng công trình.

- Tổng số nhân viên của công ty là 78 người. Phân loại theo chức danh và trình độ học vấn được thể hiện qua bảng sau:

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VÀ TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

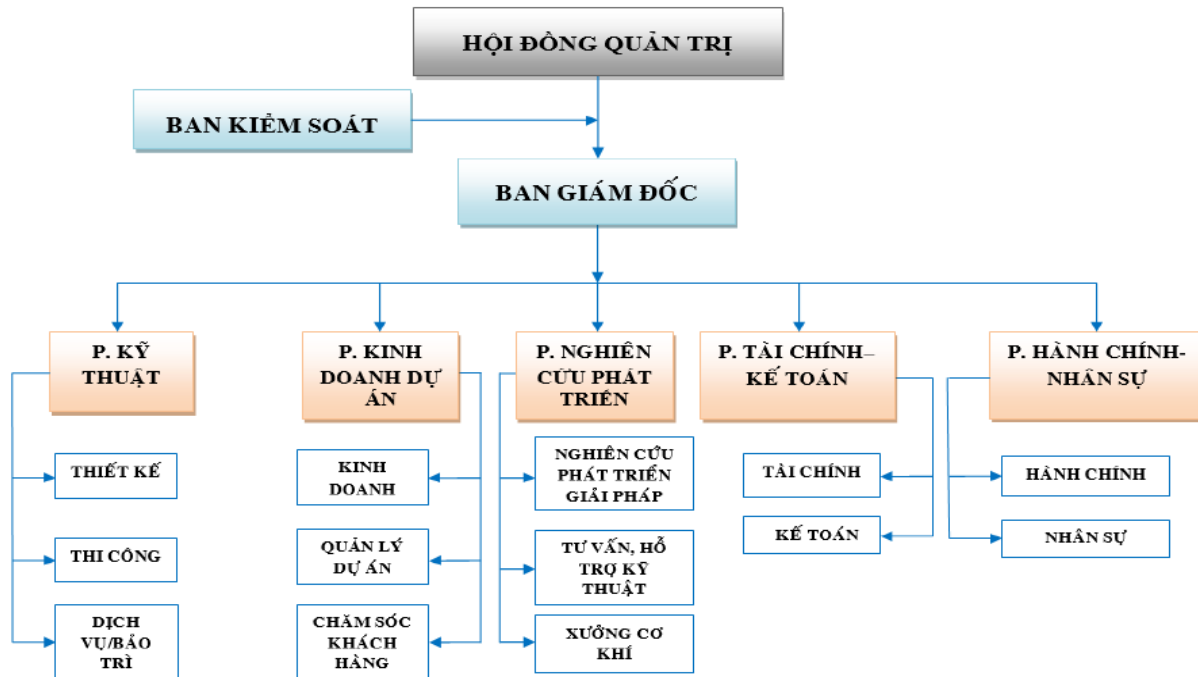
CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ				
	Số lao động	Sau ĐH	Đại học	CD, TCCN	Cấp III
1. Quản lý	5	1	4	0	0
2. Nhân viên hành chánh, văn phòng	9	0	6	1	0
3. Nhân viên kinh doanh	6	0	4	2	0
4. Nhân viên kỹ thuật, kỹ sư	8	0	6	2	0
5. Nhân viên thiết kế	8	0	8	0	0
6. Nhân viên thi công	42	0	0	3	39

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

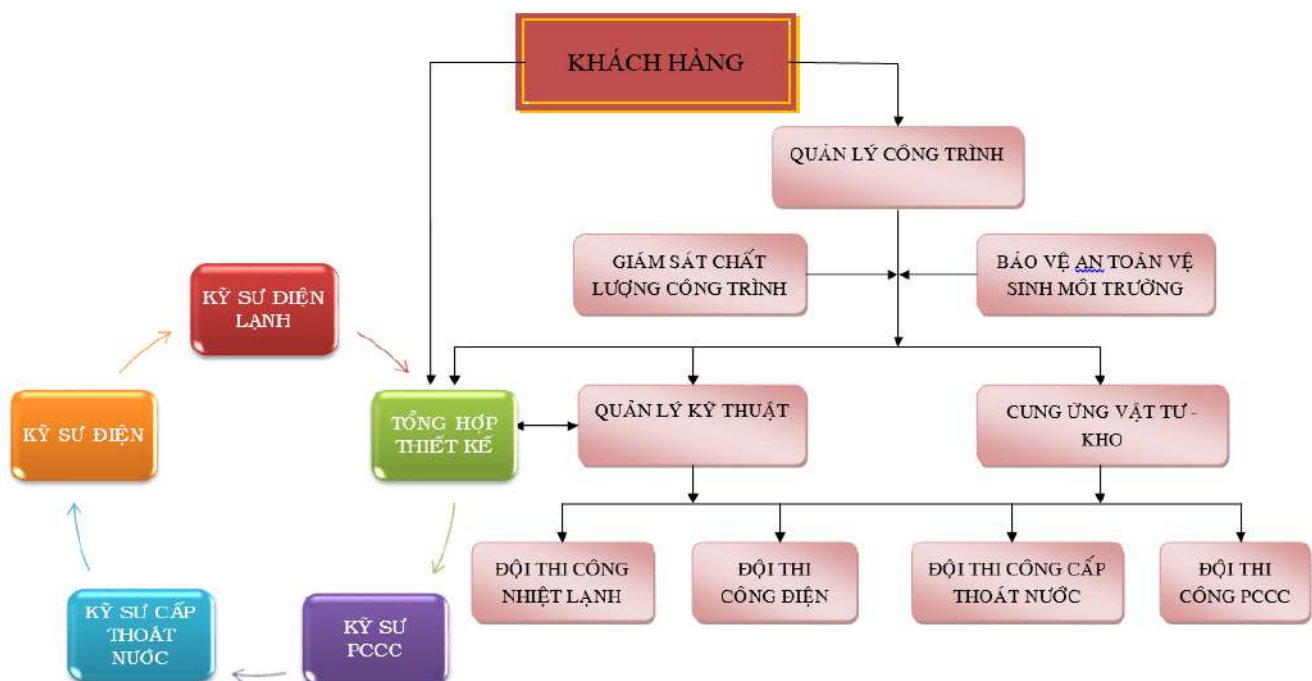
(Ký, họ tên, đóng dấu)

HỒ SƠ KỸ THUẬT

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CƠ CẤU BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÂN SỰ TẠI CÔNG TRÌNH



Số: 1509.1/DSCB-LTH/TĐ

(V/v Danh sách cán bộ chủ chốt) **DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH ⁽¹⁾
1	Nguyễn Thuận Thuyên	Tổng giám đốc
2	Trần Trọng Minh	Phó tổng giám đốc
3	Võ Đình Quý	Trưởng phòng thiết kế
4	Huỳnh Hữu Hải Hà	Trưởng phòng kỹ thuật
5	Vòng Nhật Sáng	Chỉ huy trưởng công trình
6	Phạm Quốc Dũng	Cán bộ kỹ thuật phụ trách kỹ thuật thi công
7	Trần Thanh Nguyên	Cán bộ kỹ thuật phụ trách kỹ thuật thi công
8	Đỗ Thành Tùng	Cán bộ kỹ thuật An Toàn Vệ Sinh Lao Động
9	Trần Đình Hải	Cán bộ kỹ thuật An Toàn Vệ Sinh Lao Động

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIÊN ĐĂNG**



NGUYỄN THUẬN THUYỀN

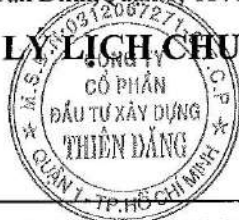
(1) Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Chỉ huy trưởng

CÔNG TY CP ĐT XD THIÊN ĐĂNG
 Cao Ốc Văn Phòng Tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu
 Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP. HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

8/10

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



ÔNG VÒNG NHẬT SÁNG

Vị trí : Cán bộ giám sát kỹ thuật	
Tên : Vòng Nhật Sáng	Ngày, tháng, năm sinh: 22/02/1977
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng	
Tên của người sử dụng lao động : Nguyễn Thuận Thuyền	
Địa chỉ của người sử dụng lao động: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TpHCM	
Điện thoại :3995 2989	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) Thượng Thị Phương 0909 763 074
Fax	E-mail:mail@thiendang.net
Chức danh: Phó phòng kỹ thuật	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại : 05 năm



BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

- Ok
- * Ông: **Võng Nhật Sáng**
* Chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật
* Bằng cấp: Kỹ sư xây dựng
- Năm tốt nghiệp: năm 2000
- Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công trình

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
10-2013	07-2014	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng ➢ Công trình : Nhà xưởng sản xuất nhựa – Công ty TNHH APPC – Khu CN Đức Hòa I, Long An ➢ Chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật ➢ Kinh nghiệm chuyên môn: Giám sát chuyên môn thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
09-2014	12-2015	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng ➢ Công trình: Nhà văn phòng 209 Nguyễn Văn Thủ P Đa Kao Quận 1 – Công ty Cp Vận tải Saffi ➢ Chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật ➢ Kinh nghiệm chuyên môn: Giám sát chuyên môn thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
01-2016	03-2017	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng ➢ Công trình: Công trình : Nhà văn hóa lao động – Khu công nghệ cao Quận 9- TpHCM ➢ Chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật ➢ Kinh nghiệm chuyên môn: Giám sát chuyên môn thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
05-2017	nay	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng ➢ Công trình : Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Việt Nam Quận 1 ➢ Chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật ➢ Kinh nghiệm chuyên môn: Giám sát chuyên môn thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kèm theo bản sao của các tài liệu gốc sau đây:

- ☒ Bản sao bằng tốt nghiệp đại học
☒ Bản sao hợp đồng lao động

TPHCM, Ngày 01 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI KHAI

VÕNG NHẬT SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tên đơn vị : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng
Số : 06/HĐLĐTBĐ-12

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003
của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội)

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN**. Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Đại diện cho (1): **Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng**
Địa chỉ : Tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM

Và một bên là Ông/Bà: **VÒNG NHẬT SÁNG** ; Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày : 22/02/1977 Nguyên quán : Đồng Nai

Nghề nghiệp (2): Kỹ sư xây dựng

Địa chỉ thường trú: 2/1 KP4 Ấp Thuận Trường Xã Sông Thao, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Số CMTND: 271 251 013 cấp ngày 28/02/2013 tại Công an Đồng Nai

Mã số thuế:

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): không xác định thời hạn
- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày tháng năm
- Thù việc từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
- Địa điểm làm việc (4): Tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP HCM
- Chức danh chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước. Chức vụ (nếu có):
- Công việc phải làm (5): Giám sát chuyên môn

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6) : 8 giờ/ngày
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc theo quy định của Công Ty

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Cá nhân tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8) : 9.000.000 đồng đã bao gồm BHXH, BHYT
- Hình thức trả lương : Tiền mặt
- Phụ cấp (9) : 5.000.000 đồng theo quy định hiện hành gồm:
 - + Làm việc ngoài giờ theo quy định hiện hành
 - + Tiền bảo hộ lao động:
 - + Xăng xe
 - + Tiền cơm
- Được trả lương vào các ngày 30 hoặc 31 hàng tháng



- Chế độ năng lương : Xét theo năng lực làm việc
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm :
 - + Nếu nhận bằng tiền tương đương 04 bộ đồ đồng phục / năm
 - + Nếu nhận bằng tiền (Nhân viên tự may) : theo mức quy định hiện hành tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động.
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết ...): Theo Luật Lao Động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): nhân viên tự nộp
- Chế độ đào tạo (11) : khi có nhu cầu
- Những thỏa thuận khác (12):

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành thi công, nội quy kỷ luật lao động , an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13); Trừ tiền trách nhiệm khi không hoàn thành tốt công việc .

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

- Hợp đồng lao động được làm thành hai (02) bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một(01) bản và có hiệu lực từ ngày ký . Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công Ty CPĐT Xây Dựng Thiên Đăng, ngày 20 tháng 09 năm 2013

Người lao động
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực..... 03021.....
Ngày tháng, năm..... 03-07-2013.....
VÒNG NHẬT SÁNG
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1. QUẬN PHÚ NHUẬN
Phan Ngọc Bảo
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thuận Thuyền

CÔNG TY CỔ PHẦN XD THIÊN ĐĂNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VP tầng 8, 85 Nguyễn Hữu Cầu,
P Tân Định, Q1, TP HCM
--- ✧ ---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--- ✧ ---

Số: 05-2/QĐ-2016

Tp. HCM, ngày 01 tháng 02 năm 2016

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty Cổ Phần XD Thiên Đăng
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;
- Xét năng lực của Cán bộ – Công nhân viên;

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: **BỔ NHIỆM CÁN BỘ**)

Điều I: Nay bổ nhiệm: Ông **VÒNG NHẬT SÁNG**
Giữ chức vụ: Cán bộ giám sát kỹ thuật công trình Nhà văn hóa Lao Động
Khu Công Nghệ Cao Quận 9
Kể từ ngày: 01/02/2016

Điều II:

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ông **VÒNG NHẬT SÁNG** sẽ do Tổng Giám Đốc Công ty phân công;
- Chế độ lương, phụ cấp của Ông **VÒNG NHẬT SÁNG** sẽ được hưởng theo quy định của Công ty.

Điều III: Ông bà phụ trách Phòng Quản trị – Nhân sự, Phòng Kế Toán – Tài Chính, Phòng Kỹ Thuật và Ông **VÒNG NHẬT SÁNG** chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Nơi lưu:

- Cá nhân có liên quan.
- Lưu văn phòng.

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cấp cho Ông/Bà: **Vòng Nhật Sáng**

Ngày sinh: **22/02/1977**

Địa chỉ thường trú: **2/1 khu 4, ấp Thuận Trường,
X. Sông Thao, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai**

Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công
trình Dân dụng và Công nghiệp

Chứng chỉ này có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến
ngày: **14/11/2019**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **11** năm **2014**



Đỗ Phi Hùng

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

Số CMND (hoặc chiếu): **271 251 013**

Cấp ngày: **28/02/2013** tại: **CA. Đồng Nai**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Nghề nghiệp chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng**

Chuyên ngành: **Xây dựng dân dụng và công nghiệp**

Số chứng chỉ: **GS1-08-17241**



CHỨNG CHỈ HUẤN LUYỆN

Số: **AT478/CC-KVPM/2016**

HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ LẦN 1

Từ ngày tháng năm

Đến ngày tháng năm

..... ngày tháng năm

Đơn vị huấn luyện
(Ký tên, đóng dấu)

1. Họ và tên: **Vòng Nhật Sáng**

2. Nam/Nữ: **Nam**

3. Ngày tháng năm sinh: **22/02/1977**

4. Quốc tịch: **Việt Nam**. Số CMND: **2712510103**

5. Chức vụ: **Kỹ sư xây dựng**

6. Đã hoàn thành khoá huấn luyện: **ATLĐ, VSLĐ: An toàn
làm việc trong công trình Xây Dựng (Nhóm 3)**

7. Được tổ chức Từ ngày: **24/06/2016** Đến ngày: **27/06/2016**

8. Kết quả đạt loại: **Khá.**

9. Giấy chứng chỉ có giá trị: **05 NĂM**

Từ ngày **27/06/2016** Đến ngày **27/06/2021**

Tp.HCM, Ngày **29** tháng **06** năm **2016**



HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ LẦN 2

Từ ngày tháng năm

Đến ngày tháng năm

..... ngày tháng năm

Đơn vị huấn luyện
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY



Số CN: 01
Vào sổ: 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Cấp

GIẤY CHỨNG NHẬN

Họ tên: **VÒNG NHẬT SÁNG**
Ngày sinh: 22/02/1977
Quê quán: **ĐỒNG NAI**
Đơn vị công tác: **CÔNG TY TNHH MTV THIÊN NIÊN PHÁT**
Đã hoàn thành lớp bồi dưỡng nghiệp vụ phòng
cháy chữa cháy.
Từ ngày 24/7 đến ngày 26/7/2013
Tại: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

Hết hạn ngày 29 tháng 07 năm 2013



Thượng tá: **Nguyễn Thế Văn**



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

Số CMND (hoặc hộ chiếu): 271 251 013
cấp ngày: 28/02/2013 tại: CA. Đồng Nai
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công trình

Số chứng chỉ: **GS1-08-17241-A**

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cấp cho Ông/Bà: **Vòng Nhật Sáng**

Ngày sinh: 22/02/1977
Địa chỉ thường trú: 2/1 khu 4, ấp Thuận Tường,
X. Sông Thao, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai
Được phép hành nghề hoạt động xây dựng

Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công
trình Dân dụng và Công nghiệp

Chứng chỉ này có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến
ngày: 14/11/2015

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2014



Đỗ Phi Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường **ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG** cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành **XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG TRÌNH**
hạng **Trung bình** năm tốt nghiệp **2000**
và công nhận danh hiệu

KỸ SƯ XÂY DỰNG

cho **Hùng Nhật Sáng**
sinh ngày **22/02/1977** tại **Đồng Nai**
T. HCM, ngày **20** tháng **04** năm **2000**

Hiệu trưởng **Nguyễn Ngọc Cần**
Khai

Số hiệu bằng **B 199358** Số vào sổ **2261**

Chữ ký của người được cấp bằng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO
VÀ NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG
VÒNG NHẬT SÁNG**

Chứng nhận: **22/02/1977**
Ngày sinh: **Đồng Nai**
Nơi sinh: **ĐÀ HOAN THÀNH CHỈ HUY TRƯỞNG**
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG
Tổ chức từ ngày **15/12/2014** đến ngày **24/12/2014**
Kết quả xếp loại: **Giỏi**

Hà Nội, ngày **20** tháng **12** năm **2014**

MAI VĂN KHÁNH

Số: **2870 - 062** /NVCHT

CÔNG TY CP ĐT XD THIÊN ĐĂNG
Cao Ốc Văn Phòng Tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu
Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
ÔNG TRẦN THANH NGUYỄN

Vị trí : Chỉ Huy Trưởng công trình		
Thông tin nhân sự	Tên : Trần Thanh Nguyễn	Ngày, tháng, năm sinh: 02/01/1975
	Trình độ chuyên môn: Kỹ sư phòng cháy chữa cháy	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động : Nguyễn Thuận Thuyền	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TpHCM	
	Điện thoại : 3995 2989	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) Thượng Thị Phương 0909 763 074
	Fax	E-mail: mail@thiendang.net
	Chức danh: Trưởng phòng kỹ thuật	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại : 05 năm

CÔNG TY CP ĐT XD THIÊN ĐĂNG
Cao Ốc Văn Phòng Tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu
Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP. HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Ông: Trần Thanh Nguyên

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Bằng cấp: Kỹ sư Phòng cháy chữa cháy – Tốt nghiệp trường Đại Học Phòng cháy chữa cháy

- Năm tốt nghiệp: 2009

- Chuyên ngành: Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
01-2013	09-2013	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng <ul style="list-style-type: none"> Công trình : Nâng cấp mở rộng Trường THCS Long Hòa - Huyện Nhà Bè- TP.HCM Chức vụ: Chỉ huy trưởng Kinh nghiệm chuyên môn: Quản lý toàn bộ công việc thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
11-2013	07-2014	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng <ul style="list-style-type: none"> Công trình : Nhà xưởng sản xuất nhựa – Công ty TNHH APRC – Khu CN Đức Hòa I, Long An Chức vụ: Chỉ huy trưởng Kinh nghiệm chuyên môn: Quản lý toàn bộ công việc thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
09-2014	12-2015	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng <ul style="list-style-type: none"> Công trình : Nhà xưởng sản xuất gỗ - Công ty TNHH Lode Star – Bình Dương Chức vụ: Chỉ huy trưởng Kinh nghiệm chuyên môn: Quản lý toàn bộ công việc thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
01-2016	03-2017	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng <ul style="list-style-type: none"> Công trình : Nhà Văn Phòng Khu Công nghệ Cao Quận 9 Chức vụ: Chỉ huy trưởng Kinh nghiệm chuyên môn: Quản lý toàn bộ công việc thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy
05-2017	nay	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng <ul style="list-style-type: none"> Công trình : Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Việt Nam Quận 1 Chức vụ: Chỉ huy trưởng Kinh nghiệm chuyên môn: Quản lý toàn bộ công việc thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy



Tên đơn vị : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng
Số : 03/HĐLĐTD-12

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003
của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội)

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN**, Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
Đại diện cho (1): **Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng**
Địa chỉ : Tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM

Và một bên là Ông/Bà: **TRẦN THANH NGUYỄN**; Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : 02/01/1975 Nguyên quán : TPHCM
Nghề nghiệp (2): **Kỹ sư PCCC**
Địa chỉ thường trú: 18A Phan Đăng Lưu Phường 6 Quận Bình Thạnh TPHCM
Số CMTND: 023030709 cấp ngày 01/11/2008 tại Công an TPHCM
Mã số thuế:

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động (3): Không xác định thời hạn
- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày tháng năm
- Thử việc từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
- Địa điểm làm việc (4): Tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP HCM
- Chức danh chuyên môn: Kỹ Sư PCCC. Chức vụ (nếu có): Trưởng phòng kỹ thuật
- Công việc phải làm (5): Giám sát chuyên môn hệ thống PCCC

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (6) : 8 giờ/ngày
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc theo quy định của Công Ty

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc (7): Cá nhân tự túc
- Mức lương chính hoặc tiền công (8) : 9.000.000 đồng đã bao gồm BHXH, BHYT
- Hình thức trả lương : Tiền mặt
- Phụ cấp (9) : 4.000.000 đồng theo quy định hiện hành gồm:
 - + Làm việc ngoài giờ theo quy định hiện hành
 - + Tiền bảo hộ lao động:
 - + Xăng xe
 - + Tiền cơm
- Được trả lương vào các ngày 30 hoặc 31 hàng tháng
- Chế độ nâng lương : Xét theo năng lực làm việc



- Được trang bị bảo hộ lao động gồm :
 - + Nếu nhận bằng tiền tương đương 04 bộ đồ đồng phục / năm
 - + Nếu nhận bằng tiền (Nhân viên tự may) : theo mức quy định hiện hành tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động.
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết ...): Theo Luật Lao Động
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (10): nhân viên tự nộp
- Chế độ đào tạo (11) : khi có nhu cầu
- Những thỏa thuận khác (12):

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành thi công, nội quy kỷ luật lao động , an toàn lao động.....
- Bồi thường vi phạm và vật chất (13); Trừ tiền trách nhiệm khi không hoàn thành tốt công việc .

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc)
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

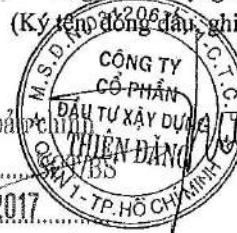
- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thỏa ước tập thể, trường hợp chưa có thỏa ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành hai (02) bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một(01) bản và có hiệu lực từ ngày ký . Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại Công Ty CPĐT Xây Dựng Thiên Đăng, ngày 20 tháng 12 năm 2012

Người lao động
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

Người sử dụng lao động
(Ký tên đồng dấu, ghi rõ họ và tên)

[Signature]



Chúng tôi thực bản sao đúng với bản gốc

Số chứng từ: 02.1. Quyền số: 02.1

Ngày tháng, năm: 03-07-2017

TRẦN THANH NGUYỄN

CHỦ TỊCH ỦN ĐƯỜNG 1 - QUẬN PHÚ NHUẬN



Nguyễn Xuân Thuận

Phan Ngọc Bảo

Số: 01-7/QĐ-2013

Tp. HCM, ngày 01 tháng 02 năm 2016

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty Cổ Phần XD Thiên Đăng
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty;
- Xét năng lực của Cán bộ – Công nhân viên;

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: BỔ NHIỆM CÁN BỘ)

Điều I: Nay bổ nhiệm: Ông **TRẦN THANH NGUYỄN**
Giữ chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình Nhà Văn hóa Lao Động Khu Công
Nghệ Cao Quận 9
Kể từ ngày: 01/02/2016

Điều II:

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ông **TRẦN THANH NGUYỄN** sẽ do Tổng Giám Đốc Công ty phân công;
- Chế độ lương, phụ cấp của Ông **TRẦN THANH NGUYỄN** sẽ được hưởng theo quy định của Công ty.

Điều III: Ông bà phụ trách Phòng Quản trị – Nhân sự, Phòng Kế Toán – Tài Chính, Phòng Kỹ Thuật và Ông **TRẦN THANH NGUYỄN** chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Nơi lưu:

- Cá nhân có liên quan.
- Lưu văn phòng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường **ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**
ngành **Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy**
hạng **TRUNG BÌNH KHÁ** năm tốt nghiệp **2009**
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư Phòng cháy chữa cháy

cho **TRẦN THANH NGUYỄN**
sinh ngày **02/01/1975** tại **Bình Dương**
Đã học ngày **24** tháng **03** năm **2009**

Học trường
Khoa trường

Số hiệu bằng **A 205828** Số vào sổ **31/TC.9**

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường **ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**
ngành **Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy**
hạng **TRUNG BÌNH KHÁ** năm tốt nghiệp **2009**
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư Phòng cháy chữa cháy

cho **TRẦN THANH NGUYỄN**
sinh ngày **02/01/1975** tại **Bình Dương**
Đã học ngày **24** tháng **03** năm **2009**

Học trường
Khoa trường

Số hiệu bằng **A 205828** Số vào sổ **31/TC.9**

Chữ ký của người được cấp bằng

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cấp cho Ông/Bà: **Trần Thanh Nguyên**

Ngày sinh: **02/01/1975**
Địa chỉ thường trú: **18A Phan Văn Lưu, P. Q. Bình Thạnh, TPHCM**
Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

Giám sát thi công phần phòng cháy chữa cháy công trình Dân dụng - Công nghiệp

Chứng chỉ này có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: **06/06/2020**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng **06** năm **2015**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ XÂY DỰNG
Phan Đức Nhận

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:
Số CMND (hoặc hộ chiếu): **023 030 709**
cấp ngày: **01/11/2008** tại: **CA. TPHCM**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư PCCC**
Cảnh sát phòng cháy chữa cháy

Số chứng chỉ: **GS1-08-04010**

CÔNG TY CPĐT XD THIÊN ĐĂNG
Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu,
Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢNG LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
ÔNG PHẠM QUỐC DŨNG

Vị trí: Cán bộ quản lý Kỹ thuật		
Thông tin nhân sự	Tên: Phạm Quốc Dũng	Ngày, tháng, năm sinh: 14/11/1967
	Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động: Nguyễn Thuận Thuyền	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	
	Điện thoại: (028) 38 3995 2989	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự):
	Fax:	Email: mail@thiendang.net
	Chức danh: Tổng giám đốc	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại: 03 năm

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh⁽³⁾: Cán bộ quản lý kỹ thuật

- 1 - Họ tên: Phạm Quốc Dũng Tuổi: 48
2 - Bằng cấp: Kỹ sư điện
Trường: Đại học Bách Khoa Tp.HCM Ngành: Điện
3 - Địa chỉ liên hệ: 62 Lê Lợi, KP4, P2, TX Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Số điện thoại: 0938.127.858

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng
2011	2012	Cao ốc VP Gia Thy	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, quản lý thi công hệ thống PCCC và chống sét
2013	2014	Tòa nhà VP Safi	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, quản lý thi công hệ thống PCCC và chống sét
2013	2014	Trung tâm bảo trợ nuôi dưỡng người già và tàn tật Thạnh Lộc – Q.12	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, quản lý thi công hệ thống PCCC và chống sét

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày 03 tháng 09 năm 2015

Người khai

[ký tên]



Phạm Quốc Dũng

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo thông tư 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG
Đại diện Ông : Nguyễn Thuận Thuyền
Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.
Điện thoại : (08) 3810.0868
Fax : (08) 3995.3027

(Sau đây gọi là "Công ty")

Và một bên là Ông : Phạm Quốc Dũng
Quốc tịch : Việt Nam
Sinh ngày : 14/11/1967
Nơi sinh : Tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ thường trú : 62 Lê Lợi, KP4, P.2, TX Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Số CMDN/Số hộ chiếu : 290395554 Cấp ngày: 06/07/2005 Nơi cấp: CA. Tỉnh Tây Ninh
Số sổ lao động (nếu có) :

(Sau đây gọi là "Người lao động")

Thỏa thuận ký kết Hợp Đồng Lao Động này và cam kết đúng những điều khoản và điều kiện sau đây ("Hợp Đồng"):

ĐIỀU 1. THỜI HẠN VÀ CÔNG VIỆC THEO HỢP ĐỒNG

1.1 Loại Hợp Đồng: Không xác định thời hạn.

1.2 Địa điểm chính: Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.

1.3 Địa điểm làm việc: 324A/10 Phan Đình Phùng, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

và/hoặc

1.4 Địa điểm phụ: Tại một địa điểm khác theo yêu cầu công việc của Công ty. Trong trường hợp làm việc tại một địa điểm phụ Công ty sẽ thông báo trước cho Người Lao Động;

1.4 Công việc chuyên môn: Kỹ sư PCCC.

1.5 Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

1.6 Công việc phải làm: Phụ trách các công việc theo sự điều động của chỉ huy trưởng và lãnh đạo công ty

ĐIỀU 2. THỜI GIAN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC.

2.1 Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày theo giờ hành chính hoặc theo phân chia công việc của Lãnh đạo Công ty và 6 ngày/tuần. Người Lao Động được nghỉ ngơi theo chế độ nghỉ ngơi do Pháp Luật Lao Động Việt Nam quy định.

2.2 Dụng cụ, trang thiết bị làm việc: Được cấp phát những dụng cụ, trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc và trong khả năng của Công ty.

ĐIỀU 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. Quyền lợi:

3.1 Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo phương tiện đi lại.

3.2 Chế độ lương và thưởng:

- ✦ Mức lương hoặc tiền công chính thức: 5.000.000 VNĐ
- ✦ Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm công việc:
- ✦ Phụ cấp khác: 1.000.000 VNĐ
- ✦ Hoa hồng kinh doanh hưởng theo phần trăm (%) doanh thu của từng loại dịch vụ.
- ✦ Làm việc ngoài giờ được tính theo quy định hiện hành.
- ✦ Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✦ Phụ cấp gồm: ăn giữa ca 25.000đ/ngày.
- ✦ Hình thức trả lương: Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✦ Chế độ nâng lương: Người Lao Động phải có ít nhất một (01) năm làm việc tại Công ty (đủ 12 tháng) trở lên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện về năng bậc lương theo quy định của Công ty được xem xét nâng lương. Trường hợp Người Lao Động có thành tích xuất sắc thì được xét nâng lương trước hạn nêu trên.
- ✦ Tiền thưởng: Thưởng định kỳ hoặc đột xuất tùy theo chất lượng, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của Công ty.
- ✦ Được trang bị đồng phục như sau: 04 bộ/năm.
 - Nếu nhận bằng tiền (nhân viên tự may) tối đa 5.000.000đ/năm.

3.3 Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...)

- ✦ Nghỉ hàng tuần: Hàng tuần Người Lao Động được nghỉ ngày Chủ Nhật không hưởng lương;
- ✦ Phép năm: Áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao Động hiện hành.
- ✦ Lễ tết: Người Lao Động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ Quốc gia theo Quy định của Nhà nước.

3.4 Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm Thất nghiệp đóng theo quy định.

3.5 Chế độ đào tạo: Người Lao Động có cơ hội được Công ty đào tạo tại chỗ hoặc cử tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn bên ngoài. Trường hợp Người Lao Động được Công ty cho tham gia đào tạo thì Người Lao Động phải hoàn thành việc đào tạo đúng thời hạn và nghiêm túc thực hiện theo những quy định trong Quy chế Đào tạo do Công ty ban hành. Sau khi tham gia đào tạo Người Lao Động không làm việc cho Công ty hoặc làm việc không đủ thời hạn cam kết trong Hợp đồng Đào tạo thì Người Lao Động phải bồi thường toàn bộ kinh phí, chi phí liên quan đến đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn cả khoản tiền lương Người Lao Động được hưởng trong thời gian được tham gia Đào tạo theo quy định của hợp đồng này và các điều khoản của Hợp đồng Đào tạo (nếu có). Trường hợp giữa Công ty và Người Lao Động hết hiệu lực, và Người Lao Động không muốn tiếp tục ký Hợp đồng lao động với Công ty thì vẫn phải có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ chi phí đào tạo cho Công ty được quy định trong hợp đồng này và Quy chế Đào tạo của Công ty.

3.6 Những thỏa thuận khác: Không.

B. Nghĩa vụ:

3.7 Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

3.8 Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy lao động và các quy định khác của Công ty.

3.9 Bồi thường vi phạm và vật chất: Nếu Người Lao Động có hành vi gây thiệt hại về tài sản hoặc lợi ích của người sử dụng lao động như: tiết lộ bí mật công nghệ, chiến lược kinh doanh hoặc sao chụp tài liệu,... và mang ra khỏi phạm vi nơi làm việc thì phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Nội quy lao động Công ty. Nếu gây thiệt hại nghiêm trọng, căn cứ theo quy định của điều 85, 89, 90 Bộ Luật Lao Động, Người Lao Động sẽ bị chấm dứt hợp đồng Lao động. Trong một số trường hợp, Người Lao Động sẽ bị khởi kiện tại tòa án hoặc cơ quan thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Người Lao Động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại cho tài sản của Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về thiệt hại đã gây ra. Người Lao Động làm mất dụng cụ, thiết bị, làm mất các tài sản do Công ty cung cấp hoặc tiêu hao vật tư quá mức cho phép thì phải bồi thường thiệt hại một phần hay toàn bộ theo thời giá thị trường.

C. Những cam kết khác của Người Lao Động

3.10 Người Lao Động cam kết tuân thủ quyết định điều động, chuyển chuyển sang làm việc ở vị trí khác của Công ty khi Công ty cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của mình tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu quản lý tại từng thời điểm.

3.11 Mọi mâu thuẫn, tranh chấp giữa Người Lao Động và Người sử dụng lao động được giải quyết trên tinh thần hòa giải, thương lượng theo nội quy lao động của Công ty, phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.12 Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, Người Lao Động phải hoàn trả các tài sản, trang thiết bị đã được Công ty cung cấp. Ngoài ra, Người Lao Động cam kết bồi thường các chi phí đào tạo thực tế mà Công ty đã chi trả theo quy định của Công ty và phù hợp quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.13 Khi đang làm việc cho Công ty cũng như đã nghỉ việc, Người Lao Động cam kết bảo mật các thông tin được tiếp cận, thu thập và sử dụng. Tất cả các thông tin Người Lao Động thu thập được và các sản phẩm, sáng chế, giải pháp kỹ thuật, ... làm ra trong suốt thời gian công tác tại Công ty là các tài sản của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn như các số liệu, sổ sách, thông tin, thiết kế, mẫu mã, kết quả nghiên cứu, nhãn hiệu, bí mật thương mại và bí quyết kỹ thuật (kể cả danh sách khách hàng, các tài liệu lưu hành và áp dụng nội bộ), các sản phẩm, và các thông tin bí mật khác của Công ty hoặc những người được Công ty ủy quyền

3.14 Trường hợp Người Lao Động muốn chấm dứt Hợp đồng lao động phải tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.15 Người Lao Động cam kết sẵn sàng làm thêm giờ khi được Công ty yêu cầu và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

A. Nghĩa vụ

4.1 Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng Lao động này.

4.2 Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho Người Lao Động theo Hợp đồng Lao động này.

B. Quyền hạn

4.3 Điều hành Người Lao Động hoàn thành công việc theo Hợp đồng Lao động này (bổ trí công việc, điều chuyển công việc, tạm ngừng thực hiện Hợp đồng Lao động,...).

4.4 Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng Lao động, kỷ luật Người Lao Động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hợp đồng này hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2013.

5.2 Những vấn đề về lao động không quy định trong Hợp Đồng này thì áp dụng quy định của Nội quy Lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) của Công ty và những quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

5.3 Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ (01) một bản.

5.4 Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng thì phụ lục Hợp đồng cũng có giá trị như bản Hợp đồng này.

5.5 Mọi sửa đổi, bổ sung bất cứ nội dung nào của Hợp đồng này và/hoặc Phụ lục của Hợp đồng này đều chỉ có hiệu lực khi có đủ chữ ký của Người Lao Động và Công ty.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Phạm Quốc Dũng

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Văn Viên Thuận Thuận

Trang: 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Bách Khoa tp. Hồ Chí Minh
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
DAI HỌC**

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành Hệ thống điện
hạng năm tốt nghiệp 1994
và công nhận danh hiệu

Số hiệu bằng A 95724 Số vào sổ 11/2188

Chữ ký của người được cấp bằng

cho Phạm Quốc Dũng
sinh ngày 14.11.1967 tại Cây Sình
Xã Mỹ Hòa, ngày 10 tháng 08 năm 1994
Hiệu trưởng Nguyễn Xuân
Khoa trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

- Cấp cho ông/bà: **PHẠM QUỐC DŨNG**
- Ngày tháng năm sinh: **14/11/1967**
- Nơi thường trú: **62 Lê Lợi, KP4, P2, TX Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Hệ thống điện**
Được hành nghề giám sát thi công xây dựng:
- Loại công trình: **Đường dây tải điện & trạm biến áp trên 35KV.**
- Lĩnh vực chuyên môn giám sát: **Lắp TBCT**

Số CMND (hoặc Hộ chiếu): **290395554**
Ngày cấp: **6/07/2005** Nơi cấp: **Công an Tây Ninh**
Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng chỉ này có giá trị
Từ ngày **22** tháng **03** năm **2014**
Đến ngày **22** tháng **03** năm **2019**

Tây Ninh ngày **22** tháng **03** năm **2014**
TH. BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
TRƯỞNG VỤ XÂY LẬP
Trần Ngọc Thiên

CÔNG TY CPĐT XD THIÊN ĐĂNG
 Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu,
 Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢNG LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
ÔNG TRẦN ĐÌNH HẢI

Vị trí: Cán bộ quản lý kỹ thuật An toàn lao động	
Thông tin nhân sự	Tên: Trần Đình Hải Ngày, tháng, năm sinh: 25/10/1982
	Trình độ chuyên môn: Cán bộ quản lý kỹ thuật An toàn lao động.
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động: Nguyễn Thuận Thuyền
	Địa chỉ của người sử dụng lao động: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
	Điện thoại: (028) 38 3995 2989 Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự):
	Fax: Email: mail@thiendang.net
	Chức danh: Tổng giám đốc Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại: 04 năm

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA
CÁN BỘ CHỦ CHỐT**

Chức danh⁽⁴⁾: Cán bộ quản lý kỹ thuật an toàn lao động

- 1 - Họ tên: Trần Đình Hải Tuổi: 33
- 2 - Bằng cấp: Chứng chỉ an toàn lao động
Trường: Viện đào tạo QL XD DCMT chi nhánh CT CP ĐT PT và đào tạo về quản lý
- 3 - Địa chỉ liên hệ: 2b, Lạc Long Quân, Phường 8, Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại: 0982481811

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng
2011	2012	Cao ốc VP Gia Thy	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động
2013	2014	Tòa nhà VP Safi	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động
2013	2014	Trung học PT Nguyễn Thị Minh Khai	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày 03 tháng 09 năm 2015

Người khai

[ký tên]



Trần Đình Hải

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo thông tư 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG
Đại diện Ông : Nguyễn Thuận Thuyền
Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường
Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.
Điện thoại : (08) 3810.0868
Fax : (08) 3995.3027

(Sau đây gọi là “Công ty”)

Và một bên là Ông : Trần Đình Hải
Quốc tịch : Việt Nam
Sinh ngày : 25/10/1982
Nơi sinh : Tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú : 2b, Lạc Long Quân, Phường 8, Tân Bình, TPHCM
Số CMDN/Số hộ chiếu : 023639228 Cấp ngày: 04.09.2008 Nơi cấp: CA. TPHCM
Số sổ lao động (nếu có) :

(Sau đây gọi là “Người lao động”)

Thỏa thuận ký kết Hợp Đồng Lao Động này và cam kết đúng những điều khoản và điều kiện sau đây (“Hợp Đồng”):

ĐIỀU 1. THỜI HẠN VÀ CÔNG VIỆC THEO HỢP ĐỒNG

1.1 Loại Hợp Đồng: Không xác định thời hạn.

1.2 Địa điểm chính: Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.

1.3 Địa điểm làm việc: 324A/10 Phan Đình Phùng, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

và/hoặc

1.4 Địa điểm phụ: Tại một địa điểm khác theo yêu cầu công việc của Công ty. Trong trường hợp làm việc tại một địa điểm phụ Công ty sẽ thông báo trước cho Người Lao Động;

1.4 Công việc chuyên môn: Kỹ sư PCCC.

1.5 Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật An Toàn Lao Động

1.6 Công việc phải làm: Phụ trách các công việc theo sự điều động của chỉ huy trưởng và lãnh đạo công ty

ĐIỀU 2. THỜI GIỜ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC.

2.1 Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày theo giờ hành chính hoặc theo phân chia công việc của Lãnh đạo Công ty và 6 ngày/tuần. Người Lao Động được nghỉ ngơi theo chế độ nghỉ ngơi do Pháp Luật Lao Động Việt Nam quy định.

2.2 Dụng cụ, trang thiết bị làm việc: Được cấp phát những dụng cụ, trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc và trong khả năng của Công ty.

ĐIỀU 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. Quyền lợi:

3.1 Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo phương tiện đi lại.

3.2 Chế độ lương và thưởng:

- ✦ Mức lương hoặc tiền công chính thức: 4.000.000 VNĐ
- ✦ Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm công việc:
- ✦ Phụ cấp khác: 1.000.000 VNĐ
- ✦ Hoa hồng kinh doanh hưởng theo phần trăm (%) doanh thu của từng loại dịch vụ.
- ✦ Làm việc ngoài giờ được tính theo quy định hiện hành.
- ✦ Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✦ Phụ cấp gồm: ăn giữa ca 25.000đ/ngày.
- ✦ Hình thức trả lương: Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✦ Chế độ nâng lương: Người Lao Động phải có ít nhất một (01) năm làm việc tại Công ty (đủ 12 tháng) trở lên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nâng bậc lương theo quy định của Công ty được xem xét nâng lương. Trường hợp Người Lao Động có thành tích xuất sắc thì được xét nâng lương trước hạn nêu trên.
- ✦ Tiền thưởng: Thưởng định kỳ hoặc đột xuất tùy theo chất lượng, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của Công ty.
- ✦ Được trang bị đồng phục như sau: 04 bộ/năm.
 - Nếu nhận bằng tiền (nhân viên tự may) tối đa 5.000.000đ/năm.

Trang: 2

3.3 Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...)

- ✦ Nghỉ hàng tuần: Hàng tuần Người Lao Động được nghỉ ngày Chủ Nhật không hưởng lương;
- ✦ Phép năm: Áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao Động hiện hành.
- ✦ Lễ tết: Người Lao Động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày Lễ Quốc gia theo Quy định của Nhà nước.

3.4 Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm Thất nghiệp đóng theo quy định.

3.5 Chế độ đào tạo: Người Lao Động có cơ hội được Công ty đào tạo tại chỗ hoặc cử tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn bên ngoài. Trường hợp Người Lao Động được Công ty cho tham gia đào tạo thì Người Lao Động phải hoàn thành việc đào tạo đúng thời hạn và nghiêm túc thực hiện theo những quy định trong Quy chế Đào tạo do Công ty ban hành. Sau khi tham gia đào tạo Người Lao Động không làm việc cho Công ty hoặc làm việc không đủ thời hạn cam kết trong Hợp đồng Đào tạo thì Người Lao Động phải bồi thường toàn bộ kinh phí, chi phí liên quan đến đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn cả khoản tiền lương Người Lao Động được hưởng trong thời gian được tham gia Đào tạo theo quy định của hợp đồng này và các điều khoản của Hợp đồng Đào tạo (nếu có). Trường hợp giữa Công ty và Người Lao Động hết hiệu lực, và Người Lao Động không muốn tiếp tục ký Hợp đồng lao động với Công ty thì vẫn phải có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ chi phí đào tạo cho Công ty được quy định trong hợp đồng này và Quy chế Đào tạo của Công ty.

3.6 Những thỏa thuận khác: Không.

B. Nghĩa vụ:

3.7 Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

3.8 Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy lao động và các quy định khác của Công ty.

3.9 Bồi thường vi phạm và vật chất: Nếu Người Lao Động có hành vi gây thiệt hại về tài sản hoặc lợi ích của người sử dụng lao động như: tiết lộ bí mật công nghệ, chiến lược kinh doanh hoặc sao chụp tài liệu,... và mang ra khỏi phạm vi nơi làm việc thì phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Nội quy lao động Công ty. Nếu gây thiệt hại nghiêm trọng, căn cứ theo quy định của điều 85, 89, 90 Bộ Luật Lao Động, Người Lao Động sẽ bị chấm dứt hợp đồng Lao động. Trong một số trường hợp, Người Lao Động sẽ bị khởi kiện tại tòa án hoặc cơ quan thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Người Lao Động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại cho tài sản của Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về thiệt hại đã gây ra. Người Lao Động làm mất dụng cụ, thiết bị, làm mất các tài sản do Công ty cung cấp hoặc tiêu hao vật tư quá mức cho phép thì phải bồi thường thiệt hại một phần hay toàn bộ theo thời giá thị trường.

C. Những cam kết khác của Người Lao Động

3.10 Người Lao Động cam kết tuân thủ quyết định điều động, chuyển chuyển sang làm việc ở vị trí khác của Công ty khi Công ty cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của mình tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu quản lý tại từng thời điểm.

3.11 Mọi mâu thuẫn, tranh chấp giữa Người Lao Động và Người sử dụng lao động được giải quyết trên tinh thần hòa giải, thương lượng theo nội quy lao động của Công ty, phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.12 Trường hợp chấp dứt hợp đồng trước thời hạn, Người Lao Động phải hoàn trả các tài sản, trang thiết bị đã được Công ty cung cấp. Ngoài ra, Người Lao Động cam kết bồi thường các chi phí đào tạo thực tế mà Công ty đã chi trả theo quy định của Công ty và phù hợp quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.13 Khi đang làm việc cho Công ty cũng như đã nghỉ việc, Người Lao Động cam kết bảo mật các thông tin được tiếp cận, thu thập và sử dụng. Tất cả các thông tin Người Lao Động thu thập được và các sản phẩm, sáng chế, giải pháp kỹ thuật, ... làm ra trong suốt thời gian công tác tại Công ty là các tài sản của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn như các số liệu, sổ sách, thông tin, thiết kế, mẫu mã, kết quả nghiên cứu, nhãn hiệu, bí mật thương mại và bí quyết kỹ thuật (kể cả danh sách khách hàng, các tài liệu lưu hành và áp dụng nội bộ), các sản phẩm, và các thông tin bí mật khác của Công ty hoặc những người được Công ty ủy quyền

3.14 Trường hợp Người Lao Động muốn chấm dứt Hợp đồng lao động phải tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.15 Người Lao Động cam kết sẵn sàng làm thêm giờ khi được Công ty yêu cầu và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

A. Nghĩa vụ

4.1 Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng Lao động này.

4.2 Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho Người Lao Động theo Hợp đồng Lao động này.

B. Quyền hạn

4.3 Điều hành Người Lao Động hoàn thành công việc theo Hợp đồng Lao động này (bố trí công việc, điều chuyển công việc, tạm ngừng thực hiện Hợp đồng Lao động,...).

4.4 Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng Lao động, kỷ luật Người Lao Động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hợp đồng này hiệu lực từ ngày 06 tháng 03 năm 2013.

5.2 Những vấn đề về lao động không quy định trong Hợp Đồng này thì áp dụng quy định của Nội quy Lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) của Công ty và những quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

5.3 Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ (01) một bản.

5.4 Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng thì phụ lục Hợp đồng cũng có giá trị như bản Hợp đồng này.

5.5 Mọi sửa đổi, bổ sung bất cứ nội dung nào của Hợp đồng này và/hoặc Phụ lục của Hợp đồng này đều chỉ có hiệu lực khi có đủ chữ ký của Người Lao Động và Công ty.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trần Đình Hải

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Trang: 4

CHỨNG CHỈ HUẤN LUYỆN
AN TOÀN LAO ĐỘNG - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Số: 884 /2015/ATLĐ/N2/DCMT

1. Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH HẢI**
2. Giới tính: **Nam**
3. Ngày, tháng, năm sinh: **25/10/1982**
4. Quốc tịch: **Việt Nam** Số CMND: **02 39228**
5. Chức vụ: **Cán bộ kỹ thuật**
6. Đã hoàn thành khóa huấn luyện ATLĐ - VSLĐ
Nhóm 2: Theo quy định tại Thông tư 17/2013/TT-BLĐTBXH
7. Tổ chức từ **ngày 13/06/2015 đến ngày 28/06/2015**
8. Kết quả đạt loại: **KHẢ**
9. Chứng chỉ có giá trị 5 năm
Từ ngày **20** tháng **06** năm **2015** đến ngày **20** tháng **06** năm **2020**
Hà Nội, ngày **20** tháng **06** năm **2015**

NGUYỄN VĂN THỦY
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮA

HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ LẦN 1

Từ ngày.....tháng.....năm.....
Đến ngày.....tháng.....năm.....
.....ngày.....tháng.....năm.....
Đơn vị huấn luyện
(Ký tên, đóng dấu)

HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ LẦN 2

Từ ngày.....tháng.....năm.....
Đến ngày.....tháng.....năm.....
.....ngày.....tháng.....năm.....
Đơn vị huấn luyện
(Ký tên, đóng dấu)

www.antoanlaodong.edu.vn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Chứng nhận: **Trần Đình Hải**
Ngày sinh: **25/10/1982**
Nơi sinh: **Quảng Ninh Bình**

Đã trải qua kỳ sát hạch tay nghề do trường TCN Kỹ thuật và Nghiệp vụ Xây dựng Hà Nội tổ chức

Nghề đào tạo: **Cấp thoát nước** Đặc thù: **5/7**
Thời gian: Từ ngày: **08/5/2015** Đến ngày: **10/5/2015**
Đạt loại: **Khả**

Hà Nội, ngày **12** tháng **5** năm **2015**

Hiệu trưởng
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG HÀ NỘI
Phạm Vũ Tiến Hiệp

Số: **1986** /KT-NV

CÔNG TY CPĐT XD THIÊN ĐĂNG
 Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu,
 Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢNG LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT ÔNG ĐỖ THANH TÙNG

Vị trí: Cán bộ quản lý kỹ thuật An toàn lao động		
Thông tin nhân sự	Tên: Đỗ Thanh Tùng	Ngày, tháng, năm sinh: 05/08/1976
	Trình độ chuyên môn: Cán bộ quản lý kỹ thuật An toàn lao động/Vệ sinh lao động.	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động: Nguyễn Thuận Thuyền	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động: Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM	
	Điện thoại: (028) 38 3995 2989	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự):
	Fax:	Email: mail@thiendang.net
	Chức danh: Tổng giám đốc	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại: 04 năm

BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Chức danh⁽⁵⁾: Cán bộ quản lý kỹ thuật an toàn lao động

- 1 - Họ tên: Đỗ Thanh Tùng Tuổi: 39
- 2 - Bằng cấp: Chứng chỉ kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động
Trường: Trung tâm kiểm định công nghiệp II
- 3 - Địa chỉ liên hệ: 58/2a8, Phường Hiệp Thành, Q12, Tp.HCM
Số điện thoại: 0908925988

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

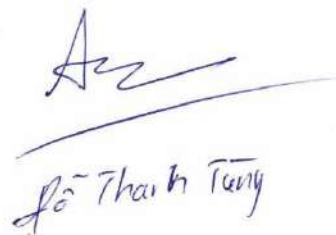
Từ năm	Đến năm	Công ty / Dự án tương tự	Vị trí tương tự	Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng
2011	2012	Trường Tiểu học Bùi Thanh Khiết – Nhà Bè	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động
2013	2014	Nhà thi đấu Đa Năng Quận 7	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động
2013	2014	Trung tâm bảo trợ nuôi dưỡng người già và tàn tật Thạnh Lộc – Q.12	Cán bộ kỹ thuật	Giám sát, an toàn lao động

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày 03 tháng 09 năm 2015

Người khai

[ký tên]


Đỗ Thanh Tùng

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành theo thông tư 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2003 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG
Đại diện Ông : Nguyễn Thuận Thuyên
Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường
Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.
Điện thoại : (08) 3810.0868
Fax : (08) 3995.3027

(Sau đây gọi là "Công ty")

Và một bên là Ông : Đỗ Thanh Tùng
Quốc tịch : Việt Nam
Sinh ngày : 05/08/1976
Nơi sinh : Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú : 58/2A8, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TPHCM
Số CMDN/Số hộ chiếu : 023639228 Cấp ngày: 04.09.2008 Nơi cấp: CA. TPHCM
Số sổ lao động (nếu có) :

(Sau đây gọi là "Người lao động")

Thỏa thuận ký kết Hợp Đồng Lao Động này và cam kết đúng những điều khoản và điều kiện sau đây ("Hợp Đồng"):

ĐIỀU 1. THỜI HẠN VÀ CÔNG VIỆC THEO HỢP ĐỒNG

1.1 Loại Hợp Đồng: Không xác định thời hạn.

1.2 Địa điểm chính: Cao ốc văn phòng tầng số 8, số 85 Đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. HCM.

1.3 Địa điểm làm việc: 324A/10 Phan Đình Phùng, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

và/hoặc

1.4 Địa điểm phụ: Tại một địa điểm khác theo yêu cầu công việc của Công ty. Trong trường hợp làm việc tại một địa điểm phụ Công ty sẽ thông báo trước cho Người Lao Động;

1.4 Công việc chuyên môn: Kỹ sư PCCC.

1.5 Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật An Toàn Lao Động

1.6 Công việc phải làm: Phụ trách các công việc theo sự điều động của chỉ huy trưởng và lãnh đạo công ty

ĐIỀU 2. THỜI GIỜ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC.

2.1 Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày theo giờ hành chính hoặc theo phân chia công việc của Lãnh đạo Công ty và 6 ngày/tuần. Người Lao Động được nghỉ ngơi theo chế độ nghỉ ngơi do Pháp Luật Lao Động Việt Nam quy định.

2.2 Dụng cụ, trang thiết bị làm việc: Được cấp phát những dụng cụ, trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc và trong khả năng của Công ty.

ĐIỀU 3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. Quyền lợi:

3.1 Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo phương tiện đi lại.

3.2 Chế độ lương và thưởng:

- ✚ Mức lương hoặc tiền công chính thức: 4.000.000 VNĐ
- ✚ Phụ cấp chức vụ, trách nhiệm công việc:
- ✚ Phụ cấp khác: 1.000.000 VNĐ
- ✚ Hoa hồng kinh doanh hưởng theo phần trăm (%) doanh thu của từng loại dịch vụ.
- ✚ Làm việc ngoài giờ được tính theo quy định hiện hành.
- ✚ Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✚ Phụ cấp gồm: ăn giữa ca 25.000đ/ngày.
- ✚ Hình thức trả lương: Phụ cấp xăng xe bằng tiền mặt hoặc phiếu mua xăng. (Nếu nhận bằng tiền mặt tối đa 500.000đ/tháng).
- ✚ Chế độ nâng lương: Người Lao Động phải có ít nhất một (01) năm làm việc tại Công ty (đủ 12 tháng) trở lên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện về năng bậc lương theo quy định của Công ty được xem xét nâng lương. Trường hợp Người Lao Động có thành tích xuất sắc thì được xét nâng lương trước hạn nêu trên.
- ✚ Tiền thưởng: Thưởng định kỳ hoặc đột xuất tùy theo chất lượng, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của Công ty.
- ✚ Được trang bị đồng phục như sau: 04 bộ/năm.
 - Nếu nhận bằng tiền (nhân viên tự may) tối đa 5.000.000đ/năm.

Trang: 2

3.3 Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...)

- ✦ Nghỉ hàng tuần: Hàng tuần Người Lao Động được nghỉ ngày Chủ Nhật không hưởng lương;
- ✦ Phép năm: Áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao Động hiện hành.
- ✦ Lễ tết: Người Lao Động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ Quốc gia theo Quy định của Nhà nước.

3.4 Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm Thất nghiệp đóng theo quy định.

3.5 Chế độ đào tạo: Người Lao Động có cơ hội được Công ty đào tạo tại chỗ hoặc cử tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn bên ngoài. Trường hợp Người Lao Động được Công ty cho tham gia đào tạo thì Người Lao Động phải hoàn thành việc đào tạo đúng thời hạn và nghiêm túc thực hiện theo những quy định trong Quy chế Đào tạo do Công ty ban hành. Sau khi tham gia đào tạo Người Lao Động không làm việc cho Công ty hoặc làm việc không đủ thời hạn cam kết trong Hợp đồng Đào tạo thì Người Lao Động phải bồi thường toàn bộ kinh phí, chi phí liên quan đến đào tạo bao gồm nhưng không giới hạn cả khoản tiền lương Người Lao Động được hưởng trong thời gian được tham gia Đào tạo theo quy định của hợp đồng này và các điều khoản của Hợp đồng Đào tạo (nếu có). Trường hợp giữa Công ty và Người Lao Động hết hiệu lực, và Người Lao Động không muốn tiếp tục ký Hợp đồng lao động với Công ty thì vẫn phải có trách nhiệm bồi thường lại toàn bộ chi phí đào tạo cho Công ty được quy định trong hợp đồng này và Quy chế Đào tạo của Công ty.

3.6 Những thỏa thuận khác: Không.

B. Nghĩa vụ:

3.7 Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

3.8 Chấp hành lệnh điều hành sản xuất kinh doanh, nội quy lao động và các quy định khác của Công ty.

3.9 Bồi thường vi phạm và vật chất: Nếu Người Lao Động có hành vi gây thiệt hại về tài sản hoặc lợi ích của người sử dụng lao động như: tiết lộ bí mật công nghệ, chiến lược kinh doanh hoặc sao chụp tài liệu,... và mang ra khỏi phạm vi nơi làm việc thì phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Nội quy lao động Công ty. Nếu gây thiệt hại nghiêm trọng, căn cứ theo quy định của điều 85, 89, 90 Bộ Luật Lao Động, Người Lao Động sẽ bị chấm dứt hợp đồng Lao động. Trong một số trường hợp, Người Lao Động sẽ bị khởi kiện tại tòa án hoặc cơ quan thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Người Lao Động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại cho tài sản của Công ty thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về thiệt hại đã gây ra. Người Lao Động làm mất dụng cụ, thiết bị, làm mất các tài sản do Công ty cung cấp hoặc tiêu hao vật tư quá mức cho phép thì phải bồi thường thiệt hại một phần hay toàn bộ theo thời giá thị trường.

C. Những cam kết khác của Người Lao Động

3.10 Người Lao Động cam kết tuân thủ quyết định điều động, chuyển chuyển sang làm việc ở vị trí khác của Công ty khi Công ty cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của mình tùy thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu quản lý tại từng thời điểm.

3.11 Mọi mâu thuẫn, tranh chấp giữa Người Lao Động và Người sử dụng lao động được giải quyết trên tinh thần hòa giải, thương lượng theo nội quy lao động của Công ty, phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.12 Trường hợp chấp dứt hợp đồng trước thời hạn, Người Lao Động phải hoàn trả các tài sản, trang thiết bị đã được Công ty cung cấp. Ngoài ra, Người Lao Động cam kết bồi thường các chi phí đào tạo thực tế mà Công ty đã chi trả theo quy định của Công ty và phù hợp quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.13 Khi đang làm việc cho Công ty cũng như đã nghỉ việc, Người Lao Động cam kết bảo mật các thông tin được tiếp cận, thu thập và sử dụng. Tất cả các thông tin Người Lao Động thu thập được và các sản phẩm, sáng chế, giải pháp kỹ thuật, ... làm ra trong suốt thời gian công tác tại Công ty là các tài sản của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn như các số liệu, sổ sách, thông tin, thiết kế, mẫu mã, kết quả nghiên cứu, nhãn hiệu, bí mật thương mại và bí quyết kỹ thuật (kể cả danh sách khách hàng, các tài liệu lưu hành và áp dụng nội bộ), các sản phẩm, và các thông tin bí mật khác của Công ty hoặc những người được Công ty ủy quyền

3.14 Trường hợp Người Lao Động muốn chấm dứt Hợp đồng lao động phải tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

3.15 Người Lao Động cam kết sẵn sàng làm thêm giờ khi được Công ty yêu cầu và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

ĐIỀU 4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

A. Nghĩa vụ

4.1 Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng Lao động này.

4.2 Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho Người Lao Động theo Hợp đồng Lao động này.

B. Quyền hạn

4.3 Điều hành Người Lao Động hoàn thành công việc theo Hợp đồng Lao động này (bổ trí công việc, điều chuyển công việc, tạm ngừng thực hiện Hợp đồng Lao động,...).

4.4 Tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng Lao động, kỷ luật Người Lao Động theo quy định của pháp luật và nội quy lao động của Công ty.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hợp đồng này hiệu lực từ ngày 06 tháng 03 năm 2013.

5.2 Những vấn đề về lao động không quy định trong Hợp Đồng này thì áp dụng quy định của Nội quy Lao động, thỏa ước lao động tập thể (nếu có) của Công ty và những quy định hiện hành của Pháp luật Lao động Việt Nam.

5.3 Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ (01) một bản.

5.4 Khi hai bên ký kết phụ lục Hợp đồng thì phụ lục Hợp đồng cũng có giá trị như bản Hợp đồng này.

5.5 Mọi sửa đổi, bổ sung bất cứ nội dung nào của Hợp đồng này và/hoặc Phụ lục của Hợp đồng này đều chỉ có hiệu lực khi có đủ chữ ký của Người Lao Động và Công ty.

NGƯỜI LAO ĐỘNG




Đỗ Thanh Tùng


NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Thuận Thuyền Trang: 4

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN & MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

 **TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP II**
ISO 9001:2000





Chữ ký của người được cấp

Họ và tên: **ĐỖ THANH TÙNG**
Năm sinh: **05/08/1976**
Nghề nghiệp: **Công nhân**
Đơn vị công tác (địa chỉ):
CÔNG TY CP ĐT-XD THIÊN ĐĂNG

Đã hoàn thành chương trình huấn luyện:
KỸ THUẬT AN TOÀN
VỀ SINH LAO ĐỘNG

Khóa học: **Ngày 14/4/2015**
Đạt kết quả loại: **Đạt yêu cầu**
Năm huấn luyện lại: **Tháng 04/2016**

TP HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC

ĐỖ THANH BÌNH

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
THỢ HÀN

Cấp cho Ông/ Bà: **ĐỖ THANH TÙNG**
Sinh ngày: **05-08-1976**
Quê quán: **QUẢNG NGÃI**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Hàn bậc 3/7.

Thời gian học: **Tháng 09 năm 2013.**
Kết quả học tập đạt loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

VIỆN TRƯỞNG


Đào Tùng Bách

Số: **QĐ 05/2013/BDNV**



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

Số: 1509.1/DSNC-LTH/TĐ

(V/v Nhân sự, bảo hiểm tai nạn)

DANH SÁCH NHÂN VIÊN THI CÔNG TẠI CÔNG TRÌNH

STT	HỌ VÀ TÊN	NGHỀ ĐÀO TẠO	BẬC THỢ	ĐẠT LOẠI	GHI CHÚ
1	Trần Đình Hải	Điện & Cấp thoát nước	5/7	Khá	
2	Lê Đức Thịnh	Cơ khí	3/7	Trung bình	
3	Phạm Khánh Hưng	Điện – Điện tử	3/7	Giỏi	
4	Hồ Quang Nghĩa	Cắt – Gọt – Hàn	4/7	Trung bình khá	
5	Tạ Thanh Hiếu	Hàn	3/7	Khá	
6	Trần Minh Hiếu	Hàn	3/7	Khá	
7	Đỗ Thanh Tùng	Hàn	3/7	Khá	
8	Nguyễn Quốc Khoa	Hàn	4/7	Khá	

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NĂM SINH	SỐ CMND	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Đoán	Kỹ thuật	1975	351092363	
2	Nguyễn Văn Sự	Kỹ thuật	1976	351118606	
3	Nguyễn Trí Dũng	Kỹ thuật	1987	321292805	
4	Võ Thanh Tâm	Kỹ thuật	1983	351971342	
5	Lê Văn Kiệt	Kỹ thuật	1962	310644646	
6	Nguyễn Văn Tân	Kỹ thuật	1980	311634736	
7	Nguyễn Văn Bé	Kỹ thuật	1973	156905511	
8	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật	1990	371387673	
9	Nguyễn Hoàn Lạc	Kỹ thuật	1987	371810202	
10	Võ Minh Mẫn	Kỹ thuật	1957	312503433	
11	Tô Minh Tâm	Kỹ thuật	1974	022814127	
12	Lê Văn Minh	Kỹ thuật	1984	311812820	
13	Huỳnh Tấn Như	Kỹ thuật	1984	20508064	
14	Huỳnh Tấn Anh	Kỹ thuật	1993	025113052	
15	Trần Thanh Hậu	Kỹ thuật	1980	300965783	
16	Trần Thiện Khiêm	Kỹ thuật	1992	024720404	
17	Nguyễn Cao Quý	Kỹ thuật	1980	024610732	
18	Nguyễn Khánh Toàn	Kỹ thuật	1985	024506692	
19	Nguyễn Đức Toàn	Kỹ thuật	1981	024310616	
20	Hồ Quang Lễ	Kỹ thuật	1984	024621754	
21	Hồ Quang Nghĩa	Kỹ thuật	1982	024621753	
22	Nguyễn Tuấn Tú	Kỹ thuật	1978	024610731	

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THỢ HÀN

Cấp cho Ông/Bà: **TÀ THANH HIẾU**
Sinh ngày: **22-09-1980**
Quê quán: **NGHỆ AN**
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Hàn bậc 3/7.
Thời gian học: Tháng 06 năm 2014.
Kết quả học tập đạt loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2014

(Chữ ký của người được cấp)

Số: QĐ 02/2014/BDNV

Đào Tăng Bách

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THỢ HÀN

Cấp cho Ông/Bà: **TRẦN MINH HIẾU**
Sinh ngày: **18-03-1993**
Quê quán: **QUẢNG NGÃI**
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Hàn bậc 3/7.
Thời gian học: Tháng 09 năm 2013.
Kết quả học tập đạt loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

(Chữ ký của người được cấp)

Số: QĐ 05/2013/BDNV

Đào Tăng Bách

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **001029597** /DTBH - DN

TRẦN KHÁNH HÙNG
Sinh ngày: **30/05/1983**
Nguyên quán: **Quỳ Môn - Bình Định**
Nghề đào tạo: **Đúc - Đúc đúc**
Từ ngày 03/09/06 đến ngày: **14/07/08**
Đạt trình độ thợ bậc: **3/7**
Tốt nghiệp hạng: **Giỏi**
Theo quyết định số: **56/QĐ-TN**
Ngày 24 tháng 07 năm 2008

Chữ ký của người được cấp bằng

TRẦN VĂN HIỂN

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000540833** /TBXH - DN

CAO ĐẲNG NGHỆ LILAMAZ
Sinh ngày: **03/06/1982**
Nguyên quán: **Tp. Hồ Chí Minh**
Nghề đào tạo: **Cắt, Gọt, Hàn**
Từ ngày 10/09/00 đến ngày: **10/09/08**
Đạt trình độ thợ bậc: **4/7**
Tốt nghiệp hạng: **Trung bình, Khá**
Theo quyết định số: **180/QĐ-ĐT**
Ngày 10 tháng 10 năm 2008

Chữ ký của người được cấp bằng

TRẦN VĂN HIỂN

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000015348** /DTBH - DN

TRẦN VĂN HIỂN
Sinh ngày: **05/02/1980**
Nguyên quán: **Định Bình - Bình Định**
Nghề đào tạo: **Đúc - Đúc đúc**
Từ ngày 05/02/00 đến ngày: **05/02/08**
Đạt trình độ thợ bậc: **3/7**
Tốt nghiệp hạng: **Giỏi**
Theo quyết định số: **56/QĐ-TN**
Ngày 24 tháng 07 năm 2008

Chữ ký của người được cấp bằng

TRẦN VĂN HIỂN

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG HÀ NỘI

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận: **Trần Đình Hải**
Ngày sinh: **25/10/1982**
Kê khai: **Bình Định Bình**
Đã trải qua kỳ sát hạch tay nghề do trường TCN Kỹ thuật và Nghiệp vụ XD Hà Nội tổ chức
Ngày đào tạo: **Đào tạo tay nghề** Thời gian: **5/7**
Thời gian từ ngày: **13/4/2015** đến ngày: **15/4/2015**
Đạt loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2015

TRẦN VĂN HIỂN

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THỢ HÀN

Cấp cho Ông/Bà: **ĐỖ THANH TÙNG**
Sinh ngày: **05-08-1976**
Quê quán: **QUẢNG NGÃI**
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Hàn bậc 3/7.
Thời gian học: Tháng 09 năm 2013.
Kết quả học tập đạt loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

(Chữ ký của người được cấp)

Số: QĐ 05/2013/BDNV

Đào Tăng Bách

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG HÀ NỘI

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận: **Trần Đình Hải**
Ngày sinh: **25/10/1982**
Kê khai: **Bình Định Bình**
Đã trải qua kỳ sát hạch tay nghề do trường TCN Kỹ thuật và Nghiệp vụ XD Hà Nội tổ chức
Ngày đào tạo: **Đào tạo tay nghề** Thời gian: **5/7**
Thời gian từ ngày: **13/4/2015** đến ngày: **10/5/2015**
Đạt loại: **Khá**
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2015

TRẦN VĂN HIỂN



THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-28) 3610 0868 (3 lines)

Số: 1509.1/DSNC-LTH/TĐ (V/v Bảng kê thiết bị thi công)	BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU					
Loại máy móc, thiết bị thi công	Số lượng	Công suất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của nhà thầu	Chất lượng sử dụng hiện nay
Máy đầm	1	1.1KW	Đài Loan	2015	x	80%
Máy cắt sắt	1		Đài Loan	2015	x	80%
Máy hàn	3		Đài Loan	2015	x	80%
Máy bắt vis Makita 6723DW	2		Nhật	2015	x	100%
Máy phát điện	1	5KW	Nhật	2015	x	80%
Máy phát điện	1	50KVA	USA	2015	x	90%
Máy test áp lực	2		Đài Loan	2015	x	80%
Đồng hồ đo điện trở tiếp đất	3		Nhật	2015	x	80%
Máy khoan bê tông	2	820W	Đài Loan	2015	x	80%
Búa phá bê tông	5	1KW	Đài Loan	2015	x	80%
Máy cắt sắt	1	3KW	Việt Nam	2015	x	80%
Máy ren ống	2	600W	Nhật	2015	x	90%
Đồng hồ đo áp lực	3		Wise - Hàn Quốc	2015	x	90%
Máy bơm nước áp lực	2	4HP	Pentax - Ý	2015	x	80%

CÔNG TY CP ĐT XD THIÊN ĐĂNG



NGUYỄN THUẬN THUYỀN

CÔNG TY TNHH ANH TIN
Mã số thuế: 0305045535
Địa chỉ: 2A/4 CT. 12/11 Nguyễn Thị Tần, P. 2-Q. H. TP. HCM
Điện thoại: (08) 3806 9730 Fax: (08) 3806 9705
Email: anh.tin@anh.tin.vn anh.tin@anh.tin.vn
Số tài khoản: 2039 5109 Ngân hàng TMCP Á Châu - HQT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày: 28 tháng 04 năm 2015 Số: 0004221

Đến vì: **Đến vì:** Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**

Họ tên người mua hàng: **Họ tên người mua hàng:**
Tên đơn vị mua hàng: **Tên đơn vị mua hàng:**
Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng thuế	Cộng tiền hàng
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8=6x7	9=6+8
1	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
NK R								
Tổng cộng tiền thanh toán:				9.600.000	1.728.000	11.328.000		

Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): **Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên):**
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên): **Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên):**

(Chỗ dán tem, dấu, chữ ký, ghi rõ họ, tên)

in tại Công ty TNHH Anh Tin - Mã số thuế: 0305045535

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày: 28 tháng 04 năm 2015 Số: 0000054

Đến vì: **Đến vì:** Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

Họ tên người mua hàng: **Họ tên người mua hàng:**
Tên đơn vị mua hàng: **Tên đơn vị mua hàng:**
Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng thuế	Cộng tiền hàng
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8=6x7	9=6+8
1	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
2	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
3	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
NK R								
Tổng cộng tiền thanh toán:				28.800.000	5.299.200	34.099.200		

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu chín nghìn chín trăm hai mươi đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): **Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên):**
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên): **Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên):**

(Chỗ dán tem, dấu, chữ ký, ghi rõ họ, tên)

in tại Công ty TNHH Anh Tin - Mã số thuế: 0305045535

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày: 28 tháng 04 năm 2015 Số: 0000054

Đến vì: **Đến vì:** Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

Họ tên người mua hàng: **Họ tên người mua hàng:**
Tên đơn vị mua hàng: **Tên đơn vị mua hàng:**
Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng thuế	Cộng tiền hàng
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8=6x7	9=6+8
1	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
2	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
3	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
NK R								
Tổng cộng tiền thanh toán:				28.800.000	5.299.200	34.099.200		

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu chín nghìn chín trăm hai mươi đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): **Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên):**
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên): **Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên):**

(Chỗ dán tem, dấu, chữ ký, ghi rõ họ, tên)

in tại Công ty TNHH Anh Tin - Mã số thuế: 0305045535

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 2: Giao cho người mua
Ngày: 28 tháng 04 năm 2015 Số: 0000059

Đến vì: **Đến vì:** Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

Họ tên người mua hàng: **Họ tên người mua hàng:**
Tên đơn vị mua hàng: **Tên đơn vị mua hàng:**
Mã số thuế: **Mã số thuế:**
Địa chỉ: **Địa chỉ:**
Hình thức thanh toán: **Hình thức thanh toán:** Số tài khoản: **Số tài khoản:**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng thuế	Cộng tiền hàng
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8=6x7	9=6+8
1	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
2	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
3	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
4	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
5	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
6	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
7	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
8	Tà máy phát điện 5KW ANH TIN	Cái	2	4.800.000	9.600.000	18%	1.728.000	11.328.000
NK R								
Tổng cộng tiền thanh toán:				28.800.000	5.299.200	34.099.200		

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu chín nghìn chín trăm hai mươi đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): **Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên):**
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên): **Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên):**

(Chỗ dán tem, dấu, chữ ký, ghi rõ họ, tên)

in tại Công ty TNHH Anh Tin - Mã số thuế: 0305045535

BIỆN PHÁP THI CÔNG & BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

A. GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH

I. Qui mô:

- Nhà cao tầng.
- Nhà máy, xí nghiệp.
- Trường học
- Bệnh viện
- Chợ và trung tâm thương mại

II. Thuyết minh sơ bộ và biện pháp thi công

- Căn cứ theo tiêu chuẩn Việt Nam:
 - TCXD 95 – 1983: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình dân dụng.
 - TCXD 16 – 1986: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình dân dụng.
 - TCXD 25 – 1991: Lắp đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình dân dụng.
 - TCXD 27 – 1991: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình dân dụng.
 - TCXD 46 – 1984: Chống sét cho các công trình xây dựng.
 - Tiêu chuẩn về quy định của ngành điện lực.
 - Các tiêu chuẩn, quy định về an toàn điện.
 - Các tiêu chuẩn về PCCC cho hệ thống điện cho các khu nhà cao tầng đô thị.
- Ngoài ra tùy thuộc vào từng hạng mục thiết bị, hệ thống lắp đặt cụ thể có thể tham khảo các tiêu chuẩn nước ngoài như sau:
 - IEC: Hiệp hội kỹ thuật điện quốc tế.
 - NEC: Các tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống điện.
 - NFPA: Hiệp hội quốc gia về PCCC.
 - ASTM: Hiệp hội kiểm tra và vật liệu Mỹ.
 - NEMA: Hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia.
- Căn cứ vào yêu cầu thực tế của Chủ đầu tư cũng như Tư vấn kỹ thuật.
- Căn cứ các bản vẽ triển khai thi công (dựa trên yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu) được Chủ đầu tư và Tư vấn kỹ thuật duyệt trước khi thi công.
- Dựa vào tiến độ thi công thực tế phần xây dựng.
- Tiến hành triển khai thi công, công tác chuẩn bị bao gồm:
 - Văn phòng làm việc cho ban chỉ huy công trình.
 - Kho chứa vật tư, bãi tập kết vật tư.
 - Hệ thống điện tạm phục vụ thi công.
 - Tập trung thiết bị, máy móc phục vụ thi công.
 - Nhà ở, lán trại cho Giám sát, công nhân (nếu cần).
 - ✓ Lập kế hoạch nhân sự, bố trí cơ cấu nhân sự bao gồm 1 chỉ huy trưởng, các giám sát kỹ thuật, giám sát quản lý chất lượng, giám sát an toàn lao động và PCCC, các tổ trưởng và công nhân kỹ thuật trực tiếp thi công.
 - ✓ Nhà thầu sẽ chỉ định chỉ huy trưởng công trình nhằm đảm bảo có đủ kinh nghiệm để quản lý thi công, điều hành công trình.
 - ✓ Giám sát kỹ thuật có kinh nghiệm trong công tác điều hành công việc trong suốt cả quá trình thi công đảm bảo chất lượng và kỹ thuật theo đúng tiêu chuẩn, định mức.
 - ✓ Lập tiến độ thi công thực tế dựa vào tiến độ thi công phần xây dựng và các phần công việc có liên quan.
 - ✓ Nhà thầu sẽ lập nhật ký công trình và cập nhật hàng ngày những thông tin liên quan đến công tác thi công. Nhật ký công trình theo đúng mẫu tiêu chuẩn và ghi chép báo cáo cụ thể những thông tin sau:
 - Thời gian làm việc.
 - Số lượng nhân lực tại công trình.
 - Số lượng vật tư đưa vào công trình.
 - Thiết bị, máy móc thi công.
 - Sự chậm trễ (nếu có) so với tiến độ thi công.
 - Thời gian nhận bản vẽ hoặc những sửa đổi thiết kế.
 - Thời gian phát hành bản vẽ thi công.
 - Những sự cố, tai nạn...
- ✓ Tiến hành vẽ các bản vẽ thi công:

Trong thời gian sớm nhất Nhà thầu sẽ đệ trình cho Tư vấn, Chủ đầu tư bộ bản vẽ chi tiết thi công. Bản vẽ thi công thể hiện rõ vị trí tuyến ống ngầm, hộp nối theo vị trí thiết bị như đèn, công tắc, ổ cắm, v.v.... Phối hợp bản vẽ kiến trúc để tránh

không làm hỏng bản vẽ kiến trúc toà nhà hoặc các vị trí gây mâu thuẫn giữa bản vẽ kiến trúc và bản vẽ thiết kế hệ thống điện. **Tất cả các công tác ngầm chỉ được tiến hành sau khi bản vẽ thi công được phê duyệt bởi Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát.**

B. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG:

I. Công tác chuẩn bị:

Trước khi thực hiện việc thi công tại công trình, công tác chuẩn bị là bước đầu tiên quan trọng có ảnh hưởng đến tính chính xác, hiệu quả cho công trình. Công tác chuẩn bị bao gồm các việc sau:

- ✓ Hình thành bộ máy quản lý chung tại công ty, ban quản lý công trình và bộ máy thi công phục vụ cho công trình. Đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên.
- ✓ Chuẩn bị công tác lán trại, kho tàng hay các địa điểm thích hợp nhất.
- ✓ Chuẩn bị các nguồn vật tư thiết bị cho công trình bao gồm: trong và ngoài nước nhằm đảm bảo tiến độ thi công đã đề ra và các tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng của công trình.
- ✓ Chuẩn bị các phương tiện cần thiết nhằm phục vụ cho việc điều hành thi công công trình.
- ✓ Kiểm tra và chuẩn bị máy thi công cần thiết cho công trình: Bălăng, máy ren răng, thang, giàn giáo, máy khoan bê tông, máy cắt tường, máy đo điện từ (VTOM), máy đo điện trở....
- ✓ Liên hệ với bên A với các nhà thầu khác để tiện phối hợp khi thi công.
- ✓ Đề ra các phương án và nội qui về an toàn lao động.

II. Công tác khảo sát trước khi thi công:

Trước khi thi công, công tác khảo sát thực tế hiện trường là bước cơ bản quan trọng mang tính chính xác, nhằm đem lại hiệu quả cao cho việc thi công của công trình. Trình tự công tác trước khi khảo sát thi công như sau:

- ✓ Đọc, nghiên cứu các bản vẽ thiết kế (kể cả bản vẽ kiến trúc, điện, nước...)
- ✓ Khảo sát thực tế hiện trường đối chiếu thiết kế, phát hiện các thay đổi so với thiết kế ban đầu có thể thay đổi hệ thống PCCC. Đề ra các phương án mới, trình chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công.
- ✓ Lập phương án thi công cụ thể cho từng giai đoạn để có sự phối hợp tốt giữa các nhà thầu và chủ đầu tư.

III. Lán trại kho văn phòng công trường:

Đề xuất với BQL và nhà thầu xây lắp cho mượn một bãi đất tại công trình làm Ban chỉ huy công trường và kho vật tư thiết bị. Sau khi nhận được phòng tập kết vật tư thiết bị và trang thiết bị thi công. Để đảm bảo an ninh an toàn cho vật tư thiết bị bố trí người kết hợp cùng với tổ bảo vệ công trình có trách nhiệm bảo quản.

IV. Bản vẽ kỹ thuật:

Trước hết, Ban quản lý công trình, các tổ trưởng, đội trưởng kỹ thuật, tùy theo nhu cầu của từng công việc đã được chỉ huy công trường tổ chức nghiên cứu yêu cầu và mục đích kỹ thuật trong bản vẽ thiết kế, xác định công việc của tổ theo từng giai đoạn thể hiện trong biểu đồ thanh ngang về tiến độ thi công, nếu có những điều không hợp lý hoặc không hiểu rõ trong từng bản vẽ phải trao đổi và bàn ra biện pháp giải quyết tốt nhất.

Trên cơ sở nghiên cứu bản vẽ kỹ thuật thi công, dưới sự điều phối của chỉ huy trưởng công trình các tổ phải trao đổi và thống nhất với nhau trong tiến độ thi công và phối hợp các công việc với nhau nhằm đảm bảo cho việc thi công được nhịp nhàng hiệu quả nhất.

Từ những bản vẽ thiết kế kỹ thuật này lập ra những yêu cầu cung ứng vật tư tùy từng loại công việc gởi tới bộ phận cung ứng để được cung ứng đúng số lượng, đúng thời gian theo yêu cầu.

Cùng với Đội thi công bàn giao thiết bị cho người quản lý Bên A khi đưa vật tư vào công trình cũng như nghiệm thu thiết bị từng giai đoạn và sau khi kết thúc công trình.

C. THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG:

I. Biện pháp thi công lắp đặt hệ thống điện, điện nhệ & dây tín hiệu pccc

1. Đặc điểm công trình dự án xây dựng

Ngay sau khi được giao mặt bằng công trình. Đơn vị thi công phải liên hệ và kết hợp chặt chẽ với chủ đầu tư, ban quản lý dự án để phối hợp chặt chẽ tiến hành khởi công công trình theo đúng thời hạn của lệnh khởi công.

2. Công tác tiếp nhận, mua sắm vật tư thiết bị, bảo quản vật tư thiết bị mua sắm

Ngay sau khi hợp đồng được ký kết nhà thầu sẽ tiến hành ngay việc đặt hàng mua sắm vật tư theo đúng như cam kết của nhà thầu đưa vào công trình. Các vật tư thiết bị như tủ điện, cáp điện, ống nhựa PVC, ống SKT, các thiết bị vệ sinh, hệ thống thiết bị camera, điện thoại, chống sét, bơm PCCC, bơm nước... trước khi đưa vào công trình phải được kiểm tra đạt yêu cầu kỹ thuật cho phép.

Vật tư thiết bị: đủ hồ sơ lý lịch, tài liệu kỹ thuật, các văn bản thí nghiệm xuất xưởng, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Bên A kiểm tra đúng tiêu chuẩn mới được đưa vào lắp đặt.

3. Công tác lắp đặt thiết bị

Phương tiện vận chuyển, dụng cụ phục vụ thi công:

✓ **Phương tiện vận chuyển**

Các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ thi công có khối lượng lớn được vận chuyển bằng xe tải 5-10 tấn đến công trường và bốc dỡ bằng xe cầu 5 tấn. Công việc bốc dỡ vật tư thiết bị có khối lượng lớn được thực hiện bằng cầu.

Vận chuyển vật tư, thiết bị: các vật tư, thiết bị vận chuyển và bốc dỡ theo đúng quy định của nhà chế tạo, khi vận chuyển được giữ nguyên cấu kiện để tránh rớt vỡ, không vận chuyển hoặc xếp cùng các loại vật tư khác có khả năng va đập, hư hỏng....

✓ **Dụng cụ cho lắp đặt:**

Do yêu cầu thi công phải đảm bảo về mặt thời gian, tiến độ cũng như chất lượng, số lượng công việc nhiều và đa dạng. Do đó đòi hỏi các dụng cụ phải thật đầy đủ đa dạng chi tiết để khi thi công cả trên cao cũng như dưới đất không bị vướng mắc về dụng cụ.

Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ mặt bằng thi công cũng như các công việc sẽ thi công, bổ sung đầy đủ trang thiết bị dụng cụ như pully, dây thừng, tời tay, chân trèo, thang trèo các loại, dây an toàn, các dụng cụ cầm tay cờ lê - mỏ lết các loại, kìm, búa, tuốc nơ vít, máy khoan, v.v....

✓ **Dụng cụ cho kéo dây và cáp điện nguồn:**

Cần giá đỡ rulo dây và cáp để ra dây, con lăn đỡ cáp dưới đất, tời rút, dây thừng, kìm, dao kéo, cờ lê, mỏ lết, búa tay, giá đỡ dây ...

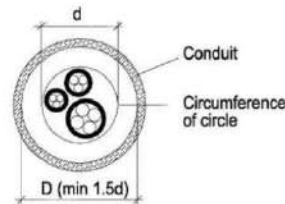
4. Công tác lắp hệ thống điện:

a. Lắp đặt đường ống luồn cáp:

Đường ống cáp được sử dụng từ thang máng cáp đến tủ điện; từ tủ điện tới các thiết bị cần bảo vệ chống va đập...

Đường kính luồn cáp: đối với 1 sợi cáp thì đường kính trong của ống luồn cáp bằng 1.5 đường kính sợi cáp.

Đối với ống luồn cáp cho nhiều hơn một sợi thì đường kính trong của ống luồn cáp bằng 1.5 đường kính của đường tròn ngoại tiếp bố cáp.



b. Cố định ống luồn cáp:

Các ống cáp được cố định bằng kẹp ống. Khoảng cách giữa các kẹp cố định ống phụ thuộc đường kính. Các ống cáp được cố định bằng kẹp ngoài của ống và điều kiện lắp đặt. Bình thường khoảng cách đó bằng 55 lần đường kính ngoài đường ống cáp tuy nhiên không được vượt quá 1,4m khi ống luồn cáp nằm ngang và không vượt quá 2m khi ống luồn cáp lắp thẳng đứng.

Các ống đi/tới ra các hộp đấu nối trung gian; các thiết bị; các tủ, bảng điện,... được ren đầu ống và cố định bằng đai ốc và vòng đệm phù hợp, đối với ống thép có thể hàn kết nối ống và các chi tiết bằng phương pháp hàn điểm, khi đó kẹp ống và các vật tư cố định khác phải được sử dụng kèm theo thích hợp.

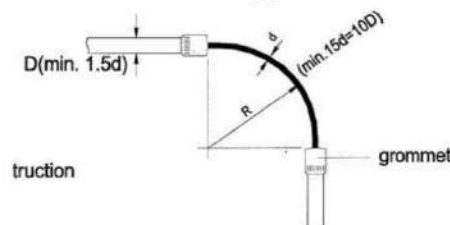
c. Uốn góc:

Khi lắp đặt ống luồn cáp tại chỗ uốn góc (góc uốn có thể lên đến 900) phải đảm bảo sao cho ống luồn cáp không bị vỡ, nứt, cong vênh, móp, méo tại vị trí uốn. Bán kính cong tại vị trí uốn nhỏ nhất được quy định như sau:

TT	Đường kính ngoài của ống luồn cáp	Bán kính trong góc uốn	Ghi chú
1	D 30mm	8D	Tốt nhất bán kính trong góc uốn nên lấy là 10D
2	> 30mm	10D	

Khi ống luồn cáp lắp ở sàn, bán kính trong góc uốn sẽ lấy lớn hơn, khoảng 12 đến 15D để việc luồn cáp vào trong ống luồn cáp được dễ dàng.

Đối với các điểm kết nối thì đảm bảo theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế.



Các đầu ống sẽ được xoa làm nhẵn tránh làm xước cáp. Đối với các ống có kích thước đến M63 có đai bịt để bảo vệ vỏ cách điện của cáp tránh làm trầy xước hoặc hư hỏng cách điện của cáp và đảm bảo không bị trầy xước lớp sơn chống rỉ của ống thép hoặc máng luồn cáp.

Vị trí các ống ngầm trong đất hoặc bê tông được bố trí theo thiết kế, nếu có sự thay đổi nào sẽ có công văn và biên bản hiện trường có sự đảm bảo của đầy đủ các bên có trách nhiệm khi thi công hạng mục đó.

Đường ống khi lắp đặt sẽ được bịt kín đầu ống tránh vật liệu vào trong ống làm tắc ống, các điểm nối sẽ được bịt kín đảm bảo không cho thấm nước vào trong ống và bề mặt ngoài các ống sẽ được liên kết chặt chẽ với bê tông.

Đối với các ống chôn ngầm dưới đất sẽ được tính toán phù hợp trong từng hạng mục để có thể chịu được tải trọng lâu dài hoặc tức thời phù hợp.

Đối với các đường cáp và đường ống trên mặt đất sẽ được lắp đặt đúng theo hồ sơ thiết kế, các khớp nối, các hộp đấu nối, các vật tư, kết cấu đỡ cáp sẽ được bố trí phù hợp và mỹ quan.

d. Di cáp, rải cáp và đấu nối cáp:

Việc rải cáp, di cáp được thực hiện đảm bảo các yêu cầu của thiết kế, yêu cầu lắp đặt thực tế, tránh lãng phí, tuân thủ các tiêu chuẩn thiết kế, lắp đặt được áp dụng và TCVN.

Cáp đi tới, đi ra các hộp đấu trung gian, các đường ống, các tủ, bảng điện phải được cố định phù hợp yêu cầu của thiết kế và yêu cầu lắp đặt thực tế.

Trước khi cắt cáp (ra cáp khỏi tang cáp), Bên B phải xác định chiều dài của sợi cáp theo thiết kế và các số liệu do đặc thực tế tại công trường sau đó đệ trình Bên A. Bên B chỉ được thực hiện việc cắt cáp khi có sự đồng ý của Bên A.

Trong mọi trường hợp Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với việc làm hỏng cáp, cắt cáp không phù hợp (quá dài hoặc quá ngắn) dẫn đến lãng phí cho Bên A.

Tại các đoạn không có chướng ngại vật (Chi tiết kỹ thuật, cây cối...) thì đặt cuộn cáp trực thẳng đứng trên mâm quay để trên bề mặt rải cáp chuyên dùng chạy dọc theo tuyến cáp.

Tại các đoạn có chướng ngại vật thì bố trí con lăn chuyên dùng ở vị trí hợp lý và kéo cáp bằng thủ công dọc theo tuyến cáp. Vị trí con lăn rải cáp được chọn hợp lý tùy thuộc vào địa hình thực tế.

Cáp đi trong thang máng phải thẳng hàng, tại các điểm uốn cáp sẽ được uốn theo với độ cong thích hợp đảm bảo an toàn và đảm bảo độ bền cơ học của cáp.

Khi rải cáp cần chú ý phải ra theo đúng chiều mũi tên ghi trên lô cáp.

Khi ra cáp bằng thủ công thì dọc đường cáp đặt các pully chuyên dùng ở các khoảng cách thích hợp. Khi dùng tời kéo cáp, dùng tời quấn cáp chạy trên cơ cấu con lăn, cáp được nối với tời bằng rọ cáp và dây kéo cáp có phanh hãm ở cuộn cáp đặt trên giá đỡ cáp để đảm bảo cáp luôn luôn không chạm mặt đất, không để cáp cọ sát làm xây xước tổn hại đến vỏ bên ngoài của cáp.

Tại chỗ cáp đổi hướng phải đảm bảo bán kính của trong cáp bằng 1,5m. Đồng thời tăng cường các pully chuyển hướng cố định chắc chắn ở các khoảng cách thích hợp.

Những chỗ cáp đi qua đường phải chọn vị trí luồn cáp với khoảng cách ngắn nhất. Khi luồn phải thận trọng tránh làm tổn hại đến vỏ bọc của cáp.

Trong quá trình cắt cáp, chiều dài mỗi sợi cáp được quy định như sau:

- Chiều dài cắt cáp dự phòng cho lắp đặt đối với mỗi sợi cáp là không quá 2% so với chiều dài đã được Bên A xác nhận.
- Mỗi sợi cáp mỗi đầu không được cắt bỏ quá 0,5 m.

Trước và trong khi lắp đặt, Bên B phải có trách nhiệm làm trơn các điểm sắc cạnh của thang máng cáp, ống luồn cáp, ... tránh trường hợp làm xước, hỏng cáp điện.

Giới hạn hệ số giãn dãn ống khi luồn cáp trong ống luồn cáp như sau:

TT	Mã cáp điện	Loại cáp	Hệ số giãn dãn
1	HO	cáp lực 1 lõi, 12/20kV	3 sợi cáp luồn trong ống luồn cáp, các sợi cáp được bố trí hình tam giác
2	WO	cáp lực 1 lõi, 0.6/1kV	3 sợi cáp luồn trong ống luồn cáp, các sợi cáp được bố trí hình tam giác 30% **
3	WT*	Cáp lực 2, 3, 4, 5 lõi, 0.6/1kV	

Ghi chú:

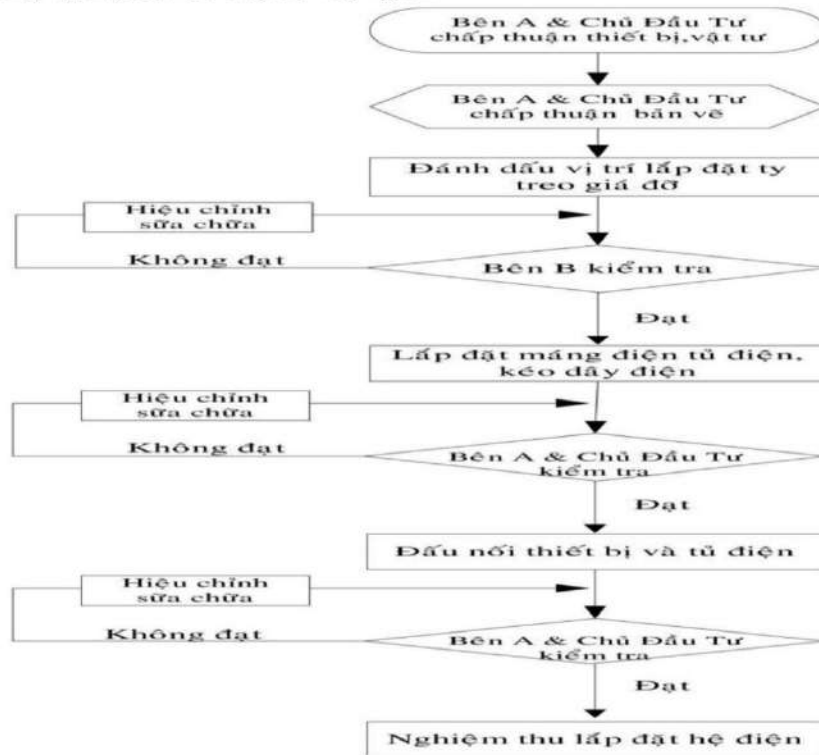
* Ống luồn cho một số sợi cáp

** Đường kính của ống luồn cáp phải:

- Nhỏ nhất bằng 1.5 lần đường kính đường tròn ngoại tiếp của tất cả cáp điều khiển đặt trong ống luồn cáp.
- Nhỏ nhất bằng 1.8 lần đường kính đường tròn ngoại tiếp của tất cả cáp nguồn hạ áp đặt trong ống luồn cáp.

II. Biện pháp thi công lắp đặt máng điện, tủ điện, dây cáp điện

1. Sơ đồ công việc lắp đặt hệ thống điện cấp nguồn



2. Biện pháp thi công chi tiết

a. Quy định chung

- Màu cáp:
 - + Màu các pha dẫn thông thường: đỏ, xanh, vàng.
 - + Màu cho dây trung tính: đen.
 - + Màu cho dây tiếp địa an toàn: xanh/vàng, hoặc có thể dùng xanh lá.
- Dây cáp điện phải được sắp xếp, đánh dấu theo tuyến rõ ràng để bảo trì.
- Dùng dây rút cáp để giữ cáp.

b. Quy trình lắp đặt

- Đánh dấu bằng mực phát quang hoặc mực có màu sắc tương phản với tường, trần, sàn nhà.
- Lắp đặt hệ thống giá đỡ cho hệ đường dẫn cáp.
- Lắp đặt hệ thống đường dẫn cáp. Căn chỉnh theo cao độ và cố định chắc chắn.
- Kiểm tra và làm vệ sinh bên trong hệ đường dẫn cáp để chắc chắn rằng bề mặt kéo cáp và dây điện là trơn nhẵn. Việc lắp đặt các co khuỷ, ngã rẽ, giảm cấp của hệ thống khay cáp, thang cáp, máng cáp phải tuân thủ quy định về bán kính cong tối thiểu để việc kéo cáp và dây điện được dễ dàng.
- Đối với hệ thống dẫn dây điện bằng ống uPVC, cần phải sử dụng keo dán ở các mối ghép nối khi chôn trong sàn bê-tông hoặc đặt âm trong tường. Các co, khuỷ phải có góc uốn nhỏ hơn 45 độ, trong trường hợp cần phải đạt góc uốn lớn hơn, cần phải uốn ống ở nhiều điểm khác nhau trên ống. Tổng số lượng các góc uốn phải nhỏ hơn 3 góc 90 độ giữa 2 điểm ra dây.
- Tiến hành kéo dây và cáp theo từng phụ tải và sắp xếp có thứ tự trong máng cáp, khay cáp, tránh trường hợp chồng chéo hoặc xoắn vào nhau.

c. Biện pháp thi công máng cáp:

Vị trí và cao độ của máng cáp cần kết hợp với các hệ kỹ thuật có trong toà nhà. Dùng thước kéo và dây nhợ kéo căng hai đầu, định vị vị trí cần bắt giá treo máng cáp lên sàn bê tông, vị trí các giá đỡ cách nhau 1.5m. Dùng bút lông làm dấu các vị trí bắt tắc kê, dùng khoan cầm tay (mũi khoan $\Phi 10-12$) khoan bắt tắc kê bung cỡ $\Phi 8-10$, bắt ty treo, cùm giữ máng cáp vào tắc kê nở, ty treo cùm dùng sắt $\Phi 8-10$ mạ kẽm nhúng nóng ren suốt chiều dài ty, bắt cùm giữ máng, lắp ráp máng cáp. Dùng dây nhợ và thước livô căn chỉnh độ thẳng và độ cao của máng cáp, xiết chặt các giá đỡ.

d. Biện pháp thi công ống điện âm

(1) Thi công ống điện âm sàn (đối với khu vực không có dống trần giả)

Công tác đặt chờ âm trong sàn bê tông phải kết hợp với bộ phận thi công bê tông thép sàn nên cần có biện pháp tổ

chức thi công hợp lý và tập trung đủ nhân lực (kể cả tăng ca vào ban đêm) để đáp ứng tiến độ.

Sau khi công tác thi công cốt pha và ván khuôn lót sàn xong, công tác đặt chờ phải thực hiện ngay lập tức. Dựa vào bản vẽ thi công, dùng thước và bút lông dầu xác định chính xác vị trí lắp đặt thiết bị (quạt, đèn, công tắc, ổ cắm,...) hoặc box chờ trung gian. Vạch hướng đi của ống nhựa bảo hộ dây, đánh dấu các điểm trọng điểm trên từng tuyến, dùng bút lông vạch tuyến theo các điểm trọng điểm đã xác định và số ống của từng tuyến. Sau khi thi công xong thép lớp 1 công tác đặt ống và box bắt đầu, dùng mút xốp và băng keo khổ lớn quấn các box chờ hoặc box trung gian để tránh vữa bê tông chảy vào làm tắc ống sau này.

Các box chờ phải được cài chắc chắn vào thép lớp 1 (dùng sắt $\Phi 4-6$ cắt ra từng đoạn dài gấp 1.5 khoảng cách của các ô lưới thép sàn). Mặt dưới các box chờ phải đảm bảo sát với mặt sàn cốt pha để tránh tình trạng bê tông che khuất các box sau này. Dùng keo dán ống dán các mối nối măng xông để nối các ống với nhau và giữa ống vào các box. Các mối nối măng xông phải được buộc chắc chắn vào thép lớp 1 để tránh tuột trong quá trình đổ bê tông.

Dùng sơn quét lên mặt cốt pha tại các vị trí có đặt box để làm dấu. Trước khi đổ bê tông sàn đơn vị thi công phải kiểm tra lại lần cuối hệ thống box và cử người túc trực kiểm tra hệ thống ống âm sàn trong suốt quá trình đổ bê tông sàn để phát hiện và thay thế ngay những ống bị dập gãy hoặc sửa chữa các vị trí mối nối bị tuột, các vị trí box bị lệch,...

(2) Khai box và thông ống

Sau khi đơn vị thi công phân thân tháo cốt pha sàn sẽ tiến hành khai box, thông ống và xỏ dây mỗi chờ. Nếu có ống bị tắc, đơn vị thi công báo cáo ngay cho đại diện chủ đầu tư và đệ trình biện pháp xử lý.

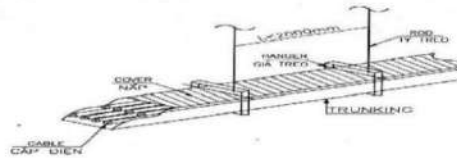
(3) Thi công ống điện, để đặt chờ âm tường

Khi tường xây xong (tối thiểu 02 ngày), công tác đặt ống và để âm chờ âm tường bắt đầu thực hiện. Dựa vào bản vẽ thi công xác định vị trí đặt để âm cho công tắc, ổ cắm. Dùng thước kéo, bút lông để làm dấu vạch hướng đi của ống nhựa bảo hộ dây. Dùng máy cắt cắt gạch và đặt ống, box. Tránh dùng búa lớn cho việc đục tường làm chấn động nứt tường. Các để âm chờ phải đảm bảo đúng cao độ, không bị lệch. Sau đó dùng vữa mác cao trét giữ để âm và ống.

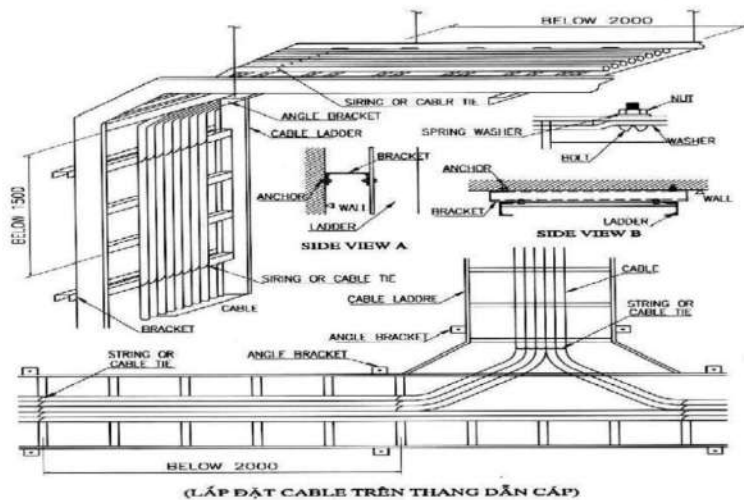
e. Quy cách lắp đặt dây cáp điện

(4) Lắp đặt dây trong máng cáp (từ tủ điện tầng đến các tủ điện khu vực)

Dây nguồn cấp từ tủ điện tầng đến hộp nối dây trung gian của phòng. Dây để nguyên cuộn được để trong rulô để tránh rối dây và ra dây được dễ dàng. Dùng băng keo có nhân băng làm dấu các đầu dây. Dây được xả theo suốt chiều dài của từng tuyến, kéo dây từ các tủ điện khu vực đến thiết bị đóng cắt, bảo vệ nằm trong tủ điện tầng, đặt dây vào máng cáp, dây đặt trong máng cáp thả hơi chùng, dùng đai bó cáp để bó cáp gọn gàng. Đi đủ tuyến xong mới thực hiện cắt dây. Dùng đồng hồ kiểm tra dây và ghi lên băng keo nhân đánh dấu các đầu dây để tránh nhầm lẫn khi đấu dây sau này. Dây chừa 0.25m tại đầu hộp nối trung gian được xoắn lại theo hình xoắn ốc để tránh tuột dây và hạn chế rút mất dây. Dây chừa tại đầu ra tủ điện dùng đai nhựa bó tạm.



Hình 3.1.a Lắp đặt dây trong máng dẫn điện



Hình 3.1.b Lắp đặt dây trong máng dẫn điện

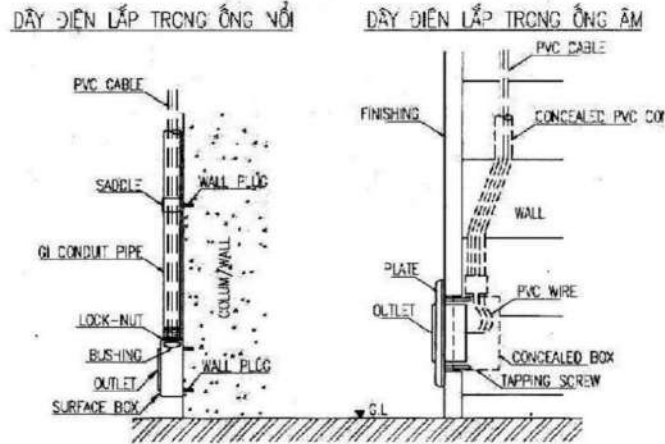
(5) Lắp đặt dây trong ống điện (nội hoặc âm)

Dây nguyên cuộn được để trong rulô để tránh rối dây (dây pha màu đỏ, vàng, xanh; dây trung tính màu đen, dây nối đất an toàn xanh sọc vàng hoặc vàng sọc xanh).

Dùng băng keo có nhân bằng các đầu của nhóm dây của từng tuyến dây trong ống để làm dấu và tránh dây bị tuột. Dây được xả theo suốt chiều dài của từng tuyến ống nhựa bảo hộ dây, kéo dây từ thiết bị (đèn, quạt, máy lạnh, ổ cắm) đến thiết bị đóng cắt, bảo vệ (công tắc, CB). Mỗi đầu ra dây chừa 0.25m để đấu nối dây, đi đủ tuyến xong mới thực hiện cắt dây.

Dùng đồng hồ kiểm tra dây và ghi lên băng keo nhân đánh dấu các đầu dây để tránh nhầm lẫn khi đấu dây sau này.

Dây chừa được xoắn lại theo hình xoắn ốc để tránh tuột dây và hạn chế rút mất dây.



Hình 3.2.b Lắp đặt dây trong ống

(6) Sau khi lắp đặt dây cáp:

Nhất thiết phải đo trị số điện trở cách điện và tính thông mạch của dây và cáp trước khi thực hiện việc đấu nối dây vào thiết bị và tủ điện.

Vệ sinh và đậy kín hệ thống đường dẫn cáp ở các nơi có người xâm nhập và các trục đứng xuyên tầng.

f. Lắp tủ điện

Đánh dấu vị trí lắp đặt tủ điện và các đường cáp vào/ra tủ điện trên mặt bằng bằng mực phát quang hoặc loại mực có màu sắc tương phản với màu sắc của tường và sàn nhà.

Đồ bộ móng cho các tủ điện đặt trên sàn với kích thước thích hợp.

Thực hiện việc khoan và lắp đặt hệ thống giá đỡ cho hệ thống đường dẫn cáp vào/ra tủ.

Lắp đặt hệ thống đường dẫn cáp và cân chỉnh theo cao độ qui định trong bản vẽ.

Kiểm tra sự phù hợp theo catalogue và đơn đặt hàng của tủ điện khi nó được vận chuyển đến công trường.

Vận chuyển tủ điện đến nơi lắp đặt bằng phương pháp thích hợp:

- Đối với tủ điện đặt trên sàn, dùng các phương tiện như con lăn, thanh ray, xe, cần cẩu, xe nâng, tời kéo, con đội, ...
- Đối với tủ điện loại treo tường, thường là có kích thước nhỏ và trọng lượng bé nên có thể dùng xe nâng, giá đỡ, sức người, ... để lắp đặt vào vị trí.
- Lắp đặt cố định tủ và kết nối hệ thống đường dẫn cáp với tủ.
- Làm vệ sinh bên trong và bên ngoài tủ.
- Đo trị số điện trở cách điện và tính thông mạch của các đường dây điện và cáp điện trước khi tiến hành đấu nối vào tủ. Ghi lại các trị số đo được vào các biểu mẫu đã được ban hành.
- Thực hiện việc đấu nối cáp và dây điện.

Sau khi lắp đặt:

- Dùng máy hút bụi, máy thổi khí nén làm vệ sinh tủ. Kiểm tra lại một lần nữa các mối nối về độ cứng chắc của bu-lon, cách điện của đầu cáp, màu sắc và băng số đánh dấu cáp.
- Bao che tủ điện chống bụi bặm và va chạm cơ học.

g. Đấu nối với tủ điện và thiết bị:

(1) Kiểm tra dây:

- Kiểm tra độ cách điện của dây.
- Kiểm tra thông mạch.

(2) Kiểm tra tủ điện và thiết bị:

- Kiểm tra cách điện của tủ.

- Kiểm tra cách diện của thiết bị.
- (3) Đưa cáp vào tủ và thiết bị:
- Sau khi kiểm tra, cắt cáp vừa đủ để đấu nối vào vị trí.
- Dùng chụp đầu nối cáp có màu phù hợp luồn vào cáp để đánh dấu.
- Dùng đầu nối cáp phù hợp để đấu vào cáp (với cáp có tiết diện lớn hơn hoặc bằng 50mm² thì phải dùng kiểm bấm thủy lực).
- Sau khi xong công tác đánh dấu, bấm đầu nối cáp đầu vào tủ và thiết bị, phải bảo đảm lực xiết đầu đầu nối tiếp xúc tốt và chắc chắn vào thanh dẫn điện của tủ hoặc thiết bị.
- (4) Sau khi đấu nối:
- Kiểm tra lại công việc đấu nối không xảy ra nhầm lẫn giữa các pha.

III. Biện pháp thi công hệ thống điều hòa không khí (dhkk)

1. Chế tạo và lắp đặt hệ thống ống gió

Sau khi các bản vẽ chi tiết cho thi công đã được duyệt, chúng tôi sẽ cho tiến hành chế tạo và lắp đặt ống gió theo tuần tự từ tầng hầm đi lên. Các ống tôn tráng kẽm khi chế tạo cần phải tuân thủ theo tiêu chuẩn SMACNA, chế tạo ống gió bằng tôn tráng kẽm với chất lượng.

Tất cả các co ống gió được chế tạo với bán kính trong bằng 3/4 kích thước chiều cao của ống gió tại đoạn cong đó. Tất cả các co đó sẽ có 1,2 hay nhiều hơn cách phân chia gió tại các co lớn có van điều chỉnh gió.

Những nơi mà không cho phép có bán kính mở rộng hết thì cũng cần chế tạo co có bán kính trong không nhỏ hơn 1/4 kích thước chiều ngang của ống gió tại co đó. Các cánh van sẽ được lắp đặt để dễ dàng điều chỉnh lưu lượng gió.

Các loại ống hình chữ nhật và các co, tê của chúng được chế tạo tuân thủ theo bảng sau:

Đối với các loại ống gió có áp lực thấp với vận tốc gió trong ống nhỏ hơn 10ms và áp lực nén gió trong ống không lớn hơn 63mm W.g.

Các loại ống gió này được chế tạo từ tôn tráng kẽm với độ dày như bảng sau:

Kích thước rộng nhất của ống	Độ dày của tôn tráng kẽm mm(B.G)	Dạng nối giữa các ống góc	Kích thước mặt bích và độ dài của 1 ống
Tới 450	0.629 (24)	Nẹp chữ A	
451 - 750	0.794 (22)	Mặt bích	25 x 25 x 4 @ 1,200 dài
751 - 1000	0.794 (22)	Mặt bích	30 x 30 x 4 @ 1,200 dài
1001- 1500	0.966 (20)	Mặt bích	40 x 40 x 5 Sắt L @ 1,000 dài
1501- 2200	1.20 (18)	Mặt bích	40 x 40 x 5 Sắt L @ 600 dài
Trên 2200	1.50 (16)	Mặt bích	50 x 50 x 5 Sắt L @ 600 dài

2. Các mối nối:

Các mặt bích được làm kín bằng các đệm cao su mềm có độ dày tối thiểu là 4mm và chúng ta sẽ được liên kết với nhau bằng các cặp hình chữ C hay là có thể bằng bulon. Các loại đệm này phải chịu được nhiệt độ từ 400C đến 600C, có khả năng đề kháng tốt trong môi trường nước, nước muối.

Những nơi yêu cầu các mối nối không được xì khí ra ngoài. Các loại vật liệu này được làm từ Simili tổng hợp. Chúng phải có khả năng đề kháng với môi trường xăng, dầu, nước và nước muối. Các loại mối nối mềm này được sử dụng trong các trường hợp như nối từ miệng dàn lạnh tới ống gió, từ ống gió tới các miệng gió.

Không được nối ống gió hay phụ tùng khác tại độ dày của tường, nền nhà. Tất cả các sắt V dùng làm mặt bích và giá treo đều phải là loại sắt có tiêu chuẩn tốt, được làm sạch và mạ kẽm trước lúc lắp đặt.

Ống gió cần phải chắc chắn, không cong, không rung và không kêu lạch cạch khi có dòng lưu lượng gió chuyển động trong đường ống. Phải sử dụng tôn tráng kẽm còn nguyên tấm để chế tạo ống gió, không được sử dụng các mảnh vỡ tôn phế liệu.

Tất cả các ống gió sẽ được treo ở khoảng cách phù hợp là 1800mm hay là khoảng cách nhỏ hơn bằng thép góc. Không nên gắn trực tiếp ống gió với giá treo bằng vít. Tất cả giàn treo được sơn 1 lớp chống rỉ và lớp thứ 2 bằng sơn đã cho phép.

Giá đỡ của các ống thể hiện qua tiết diện của sắt L, các ty treo đều được tuân thủ theo bảng sau:

Kích thước rộng nhất của ống gió (mm)	Giá đỡ sắt L	Sắt ty treo (mm)
Tới 450	L 25 x 25 x 4	8
Từ 450 tới 750	L 25 x 25 x 4	8
Từ 751 tới 1500	L 40 x 40 x 5	10
Lớn hơn 1500	L 40 x 40 x 5	12

3. Lắp ống đồng và bọc cách nhiệt cho máy

- Xác định vị trí lắp đặt dàn nóng và dàn lạnh theo bản vẽ thiết kế và bản vẽ thi công.
- Xác định đường đi ống gas hợp lý để đảm bảo tính kỹ thuật và mỹ thuật khi thi công.
- Tiến hành gia công và lắp đặt các giá đỡ ống gas.
- Phải làm sạch và bịt kín ống gas trước khi tiến hành lắp đặt.
- Tiến hành lắp đặt đường ống gas theo phương án đã định. Trong quá trình hàn ống gas xuất hiện các xỉ hàn phía bên trong đường ống gas, tiến hành làm sạch phía bên trong ống gas và thổi xỉ đường ống gas bằng khí Nitơ.
- Bọc cách nhiệt đường ống gas theo đúng quy cách catalogue thiết bị.
- Đường dây điện điều khiển kết nối giữa dàn nóng và dàn lạnh đi kèm với đường ống gas và quấn chặt 1 lớp Simili trắng bao bọc bên ngoài cách nhiệt ống gas và dây điện điều khiển.
- Kiểm tra và cân chỉnh đường ống gas theo các giá đỡ của đường ống gas đó.
- Thổi khí Nitơ vào ống đồng để làm sạch và hút ẩm trước khi nối ống đồng vào thiết bị.
- Đấu nối đường ống gas vào thiết bị, tiến hành hoàn thiện đường ống gas.
- Tiến hành hút chân không hệ thống: sử dụng bơm hút chân không chuyên dùng để thực hiện quá trình này. Tiến hành hút chân không để hạ áp suất trong hệ thống xuống thấp so với áp suất khí quyển là -20psig, giữ nguyên áp suất này trong vòng 12h để kiểm tra sục áp.

Lưu ý: Phải tiến hành hút chân không thật kỹ có thể tiến hành từ 1 đến 3 lần nhằm đảm bảo hút hết ẩm và không khí ngưng tồn tại trong hệ thống. Nếu không hút hết ẩm trong hệ thống thì lượng ẩm này sẽ hoà tan vào lượng dầu về máy nén làm giảm khả năng bôi trơn của dầu máy nén, làm giảm tuổi thọ máy nén.

- Kết thúc quá trình hút chân không, kiểm tra và tiến hành sạc gas vào hệ thống.

Lưu ý: Phải tiến hành kiểm tra kỹ áp suất cao và áp suất thấp của hệ thống để lượng gas nạp vào hệ thống cho phù hợp. Lượng gas nạp vào hệ thống tùy thuộc vào chiều dài đường ống gas kết nối giữa dàn nóng và dàn lạnh.

4. Lắp đặt máy lạnh VRV và cục bộ:

- Xác định vị trí lắp đặt thiết bị theo bản vẽ thiết kế và bản vẽ thi công.
- Tiến hành lắp đặt giàn treo, giá đỡ thiết bị theo thiết kế, đảm bảo khả năng chịu tải động của thiết bị.
- Nâng cầu, di chuyển thiết bị vào vị trí lắp đặt.

Lưu ý: phải đảm bảo khoảng cách lắp đặt theo đúng qui cách của nhà sản xuất.

- Cân chỉnh đảm bảo cân bằng thiết bị khi lắp đặt.

Lưu ý: Phải đảm bảo cân bằng thiết bị trong quá trình nâng cầu, di chuyển và lắp đặt. Khi nâng cầu phải theo qui cách của nhà sản xuất.

- Kết nối hệ thống ống gas và thiết bị.
- Kết nối hệ thống ống nước ngưng vào thiết bị dàn lạnh

Lưu ý: Phải đảm bảo độ nghiêng để thuận lợi cho việc thoát nước ngưng trong hệ thống.

- Kiểm tra thiết bị trước khi kết nối điện
- Kết nối điện vào thiết bị, kiểm tra sự tiếp xúc các mối nối điện trước khi vận hành.
- Tiến hành thử xì, hút chân không hệ thống đường ống gas.
- Tiến hành nạp gas hệ thống, chạy thử hệ thống.
- Kiểm tra tình trạng hoạt động và thông số hoạt động của máy lạnh.

5. Lắp đặt quạt thông thoáng:

Công việc của phần này bao gồm cung cấp thiết bị, lắp đặt thử nghiệm và kiểm tra hoàn công.

- Xác định vị trí lắp đặt quạt theo bản vẽ thiết kế và bản vẽ thi công.
- Lắp giá đỡ và chống rung cho quạt.
- Đưa quạt vào vị trí bằng balang.
- Cân chỉnh đảm bảo cân bằng quạt khi lắp đặt.

Lưu ý: Phần vị trí lắp quạt luôn có ô cửa trên la phòng để tiện cho việc sửa chữa, làm sạch, kiểm tra và bôi trơn.

6. Lắp miệng gió, miệng thổi, cách điều chỉnh gió:

Sau khi đã đóng la phòng trần chúng tôi sẽ cho tiến hành lắp đặt tất cả miệng gió thổi, miệng gió hồi như đã được thể hiện trên bản vẽ.

Tất cả miệng gió đều được chế tạo từ các lá nhôm và màu sơn bao phủ ngoài của chúng phải tuân thủ theo chỉ định của nhà đầu tư.

- Thiết bị điều chỉnh gió – Thiết bị này được cấu tạo từ nhiều cánh nhỏ gắn trên trục chúng được lắp đặt trên các miệng hút và miệng thổi. Các thiết bị điều chỉnh gió sẽ được chế tạo với trục kháng ít nhất và độ rung ít nhất.

- Lưới chắn côn trùng các lưới chắn côn trùng sẽ được lắp đặt đằng sau các miệng gió tươi và lỗ mở bên ngoài tường và ngoài nhà. Tất cả các lưới chắn côn trùng sẽ được chế tạo từ các lưới nhôm mịn và được lắp đặt với khả năng dễ dàng tháo gỡ và làm sạch.

IV. Biện pháp thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy:

1. Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy:

- Toàn bộ các thiết bị báo cháy tự động được kiểm tra tính ổn định kỹ thuật (chạy thử), loại bỏ các thiết bị không ổn định kỹ thuật trước khi lắp đặt thiết bị chính thức tại công trình.
- Công trình vào giai đoạn cuối của phần hoàn thiện, chúng tôi tiến hành lắp đặt thiết bị và vận hành thử nghiệm toàn bộ các thiết bị trong hệ thống.
- Việc bố trí thiết bị, đầu báo vào công trình (trên trần) đều tuân thủ thiết kế và được phối hợp thống nhất với bộ phận xây lắp, diện của công trình để đảm bảo tính mỹ quan cho công trình.
- Các phụ kiện để lắp đặt thiết bị nhằm đảm bảo tính ổn định lâu dài (vis nở, tắc kê sắt, vis gỗ, joint đệm....)
- **Đầu báo khói:** Chọn loại đầu báo khói Photoelectric phù hợp với TCVN và được cơ quan PCCC thẩm định và kiểm tra trước khi lắp đặt.
- **Đầu báo nhiệt:** Là loại thiết bị báo nhiệt, cố định 02 dây với khoan cảm ứng hiện đại, chúng được thiết kế nhằm bảo vệ những vị trí rộng, thoáng và được kết nối với những loại Panel thích hợp theo bảng kê của UL, được lắp đặt chủ yếu ở các kho, diện tích hoạt động một phần cảm ứng là 40m² với nhiệt độ cố định là 700C
- **Chuông báo cháy:** Được lắp đặt cao 2.0m kể từ mặt sàn phù hợp với thiết kế ban đầu và tiêu chuẩn VN về báo cháy – Yêu cầu kỹ thuật của Nhà Nước Việt Nam ban hành ngày 13/12/1993 (TCVN 5738 – 1993)
- **Công tắc khẩn:** Được lắp đặt có độ cao 1.5 m kể từ mặt sàn phù hợp với thiết kế ban đầu và tiêu chuẩn VN về báo cháy – yêu cầu kỹ thuật của Nhà Nước Việt Nam ban hành ngày 13/12/1993 (TCVN 5738 – 1993)
 - + Khoảng cách giữa các công tắc khẩn trong nhà không quá 50m và bên ngoài nhà là không quá 150m.
 - + Các công tắc khẩn có thể lắp kênh riêng hoặc chung một kênh với các đầu báo cháy (Theo thiết kế là lắp chung với kênh báo cháy).
- **Trung tâm xử lý báo cháy:**

Trung tâm báo cháy được lắp đặt tại phòng có người trực, có thể xử lý và báo cháy cho nhiều vùng khác nhau. Trung tâm báo cháy gồm 10 kênh cáp truyền dẫn đến hộp đầu nối tại các tầng và từ đó liên kết với các hệ thống khác của hệ thống trên toàn công trình. Hoạt động theo nguyên tắc sau:

 - + Khoảng cách từ phần điều khiển trung tâm đến sàn nhà là từ 0.8m đến 1.8m cách trần nhà bằng vật liệu cháy không nhỏ hơn 1.0m (Điều 5.5 & 5.7 TCVN 5738 – 1993) và được tiếp đất bảo vệ đúng theo yêu cầu qui phạm nối đất thiết bị điện hiện hành (Điều 7.2 – TCVN 5738 – 1993).
 - + Trung tâm báo cháy có Acqui 12V – 7AH đảm bảo hệ thống hoạt động thường trực 24 giờ và khi có cháy hoạt động 3 giờ.
 - + Khi cần thiết có thể truyền tín hiệu đến Công An PCCC khu vực và tỉnh.
 - + Nơi đặt trung tâm báo cháy phải có điện thoại để liên lạc trực tiếp với nơi nhận tín hiệu báo cháy hoặc đội chữa cháy.
 - + Kiểm tra hoạt động của hệ thống và báo cháy khi hệ thống có sự cố bằng đèn báo động và báo lỗi trên từng kênh hoặc trung tâm: Tự kiểm soát và thông báo tình trạng hoạt động của mạng tín hiệu (khi đứt dây, mất nguồn, nguồn dự phòng không đủ công suất...). Có chế độ tự bảo vệ trung tâm bao gồm: yếu bình, dây dẫn bị đứt, mất nguồn AC, chập dây, đèn hiển thị kênh bằng bàn hiển thị bằng đèn LED để nhận thấy.
 - + Việc lắp đặt trung tâm xử lý báo cháy phải chắc chắn (có thể treo vào tường bằng vis nở, tắc kê sắt hay để vào giá máy). Có các biện pháp đảm bảo tránh bụi, tránh ẩm và tránh các nhiễu điện từ.
 - + Các đầu dây tín hiệu khi đầu nối vào trung tâm đều được đánh dấu chi tiết đầy đủ. Đồng thời được thể hiện chi tiết trên hồ sơ hoàn công công trình nhằm phục vụ cho công tác bảo dưỡng sau này.

2. Hệ thống chữa cháy bằng nước:

a. Quy trình vận chuyển ống thép lên sàn các tầng thi công:

Vật tư (ống thép, các phụ kiện thép) được chuyển từ nhà sản xuất tới chân công trình và được tập kết tại vị trí nhất định. Do địa hình (cầu thang) chật hẹp, chiều dài ống lớn(6m/1cây ống) nên ko thể vận chuyển bằng cầu thang. Vì vậy phải dùng máy tời cáp để vận chuyển vật liệu lên các tầng. Cụ thể:

(1) Làm giá treo dòng dọc kéo:

- Dùng V3 hàn thành hình chữ U khoan lỗ D10 trên 02 đầu của giá U.
- Khoan lỗ và bắt nở sắt D10 tại vị trí trần (hoặc dầm bê tông). xiết bulông cố định đảm bảo chắc chắn cho nở.

Sau đó lắp giá U và xiết bulông cố định giá treo

(2) Lắp giá đỡ ống và bộ đỡ

- Hai giá đỡ của hai đầu điểm nút trên một tuyến ống sẽ được đặt trước theo đúng cao độ thiết kế. Dùng dây căng nối hai tim giá đỡ lại với nhau. Vị trí các giá đỡ trung gian sẽ được chia đều theo khoảng cách thiết kế và tim của dây căng việc làm này đảm bảo tuyến ống được lắp sau này ổn định và thẳng không bị cong.
- Giá đỡ đảm bảo được hàn chắc chắn làm sạch trước khi phủ một lớp sơn chống rỉ.
- Lắp đặt giá treo ống: Cố định giá treo ống lên trần nhà hoặc tường nhà theo vị trí khoảng cách và kích thước đã xác định.
- Hàn các đoạn ống có kích thước đã xác định với các phụ kiện ống nếu có (côn thu, tê, cút, bích...)
- Các mối hàn được làm sạch và quét lớp sơn lót chống gỉ. Các mối hàn đảm bảo ngẫu đúng độ dày và đều không có dấu hiệu khuyết tật. Mối hàn không đạt các yêu cầu trên phải cắt bỏ hàn lại.
- Bích hàn vào ống đảm bảo độ vuông góc với trục ống và các lỗ bích của ống. Việc căn chỉnh này được thực hiện bằng thước ni vô, thước vuông trong quá trình hàn.
- Gia công ren ống: gia công ren các đoạn ống đã đánh số có đường kính nhỏ hơn D80
- Lắp đặt ống van và phụ kiện ống: Đa các đoạn đã đánh số theo kích thước đã xác định lên giá treo ống lắp ghép ống bằng phương pháp hàn trực tiếp những vị trí không thuận tiện cho việc hàn trực tiếp hoặc thao tác lắp đặt thì lắp ghép bằng mối ghép bu lông (phương pháp hàn mặt bích) với ống D80-D100 hoặc lắp ghép ống và phụ kiện ống bằng mối ghép ren với ống có đường kính nhỏ hơn D80.
- Dùng palăng xích đối với ống lớn D100 dùng puli đối với ống nhỏ hơn kéo ống đặt lên giá treo. ống lắp bằng mối ghép ren trước khi lắp chỗ phân ren phải được bôi keo bắt ống và quấn dây day rồi vặn chặt. ống nối mặt bích có giăng đệm ở giữa hai mặt bích tiếp giáp.

b. Thử áp lực

Hệ thống đường ống tầng nào được lắp xong tiến hành thử áp lực ngay tầng đó. Công việc thử áp lực bằng cách:

Tắt cả các chỗ hở được lắp đầu bịt kín lại.

- Lắp một van xả nước ở vị trí có đường ống thấp nhất và thuận lợi cho công tác thoát nước.
- Lắp đồng hồ áp lực ở vị trí dễ quan sát.
- Lắp máy bơm nước, tiến hành bơm đầy nước vào đường ống tới khi đầy nước dừng bơm.
- Dùng máy bơm áp bơm cho đến khi áp suất đạt 10kg/cm² cho dừng bơm khoá kín van lại.
- Kiểm tra kim đồng hồ áp lực có bị giảm xuống không nếu có kiểm tra hệ thống chỗ nào không kín tháo nước ra tiến hành sửa chữa lại cho tới khi kim đồng hồ đứng yên và không có dấu hiệu rò rỉ đường ống.
- Để hệ thống chịu áp 24h đồng hồ áp lực hệ thống giảm không quá 5% áp lực thử hệ thống đảm bảo nếu không đạt, tìm chỗ dò rỉ tháo ra sửa lại.

c. Thi công lắp trạm bơm cứu hoả:

- Đồ bê tông bộ máy: Kết hợp không gian thực tế trạm bơm và bản vẽ thiết kế kỹ thuật tiến hành xác định vị trí của từng máy bơm.
- Đặt máy lót cao su chống rung tiến hành vặn chặt lại bu lông chân máy.
- Sau khi máy được căn chỉnh tiến hành lắp ống, van và các thiết bị đường ống theo sơ đồ thiết kế. Các đoạn hở được đo và gia công thực tế tại hiện trường.
- Sau khi đường ống và các thiết bị lắp đặt xong tiến hành thử áp lực trạm bơm. Công việc thử áp lực bằng cách bơm nước vào trong đường ống với áp lực 10kg/cm² và đảm bảo thời gian

V. Biện pháp thi công hệ thống chống sét đánh thẳng

Toàn bộ hệ thống Chống Sét đánh thẳng của công trình được thi công theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành 20 TCVN 46 - 84: Chống sét cho các công trình xây dựng.

Công tác thi công hệ thống chống sét công trình được thực hiện qua các bước sau:

- + Việc tập kết vật tư thi công và bảo quản tại kho của công trình cần tuân thủ các bước như đã nêu trong mục trên.
- + Sử dụng cáp đồng trần theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành 20 TCVN 46 - 84. Cáp thoát sét phải đảm bảo an toàn thoát sét, yêu cầu tiết diện dây thoát sét phải từ 50mm² trở lên.
- + Sử dụng kim thu sét phát tia tiên đạo chủ động tản sét và thu sét sớm.
- + Khi thi công hệ thống chống sét công trình phải thi công hệ thống bãi tiếp địa, kéo dây cáp thoát sét trước rồi mới gắn kim thu sét. Đoạn cáp thoát sét từ mái nhà xuống bãi tiếp địa phải luồn trong ống PVC (có thể luồn vào ống PVC treo tường đi nối bằng vis nở, tắc kê hay đi trong hộp gen kỹ thuật công trình).
- + Điện trở đất đo được phải nhỏ hơn 10 ohm, nếu vượt quá 10 ohm phải sử dụng hóa chất giảm điện trở.

- + Hàng năm trước mùa mưa phải kiểm tra lại điện trở đất của hệ thống chống sét. Kiểm tra toàn bộ thiết bị chống sét có còn nguyên vẹn hay không. Kiểm tra các mối hàn, mối nối, các bộ phận hoặc các chi tiết cố định thiết bị chống sét.
- + Sau khi kiểm tra nếu phát hiện chỗ nào hư hỏng phải sửa chữa ngay.

D. CÔNG TÁC KIỂM TRA - NGHIỆM THU - BÀN GIAO

Sau khi toàn hệ thống được lắp đặt 1 cách hoàn chỉnh từng hệ thống và các thiết bị đi cùng sẽ được kiểm tra nghiệm thu. Chương trình kiểm tra, nghiệm thu sẽ tiến hành theo kế hoạch đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư – Tư vấn giám sát – Nhà thầu.

I. Công tác huấn luyện trước khi bàn giao:

Nhà thầu sẽ hướng dẫn và huấn luyện cho các nhân viên của Chủ đầu tư hiểu rõ phương thức hoạt động của hệ thống, cách sử dụng, tính năng kỹ thuật. Trong thời gian huấn luyện phải do những người có đủ kinh nghiệm thực tế về kỹ thuật cho từng hệ thống hướng dẫn.

II. Bảo hành và bảo trì :

Nhà thầu sẽ bảo hành về chất lượng cũng như tính năng kỹ thuật của tất cả việc cung cấp và lắp đặt hệ thống trong phạm vi hợp đồng trong thời gian bảo hành quy định.

III. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành:

Nhà thầu sẽ ghi nhận mọi thay đổi trong quá trình thi công và những thay đổi đó sẽ được thể hiện trong bản vẽ hoàn công. Trong bản vẽ hoàn công sẽ ghi chú đầy đủ những chi tiết cần thiết để xác định loại vật liệu và số lượng thực tế thi công.

Sau khi đã có sự chấp thuận và ký xác nhận của Tư vấn, Thiết kế, Nhà thầu sẽ đệ trình cho Chủ đầu tư.

Cùng với bản vẽ hoàn công trên, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Chủ đầu tư toàn bộ hồ sơ chỉ dẫn vận hành toàn bộ hệ thống bao gồm cả thiết bị. Những chỉ dẫn trên sẽ rõ ràng dễ hiểu là tài liệu hướng dẫn cho người vận hành, bảo trì cho Chủ đầu tư.

Cùng với chỉ dẫn, các hệ thống sẽ được vẽ sơ đồ khối, sơ đồ nguyên lý và những sơ đồ này sẽ được treo đồng thời tại vị trí phòng máy, thiết bị chính của công trình.

BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG & PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG

A. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, AN NINH, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

I. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG

- ***Quản lý nơi làm việc:***

1. Khu vực làm việc phải được giữ gìn sạch sẽ, không có các chướng ngại vật, gạch vụn, ván có đinh, phế liệu, đinh sắt, thép gai, chai lọ thủy tinh... tất cả các mảnh vụn kim loại phải được chuyển đi và chứa trong các thùng riêng. Để gọn gàng tất cả các vật liệu vụn thành đồng.
2. Tất cả các vật dụng thiết bị, vật tư thi công phải được để gọn gàng, đúng chỗ qui định.
3. Cẩn thận đối với những mối nguy hiểm do trượt ngã, do đánh đổ dầu, chất lỏng bằng cách lau chùi hoặc trải ra một vật liệu hấp thụ chất lỏng lên trên.
4. Lối đi, giàn giáo, cầu thang phải được dọn sạch sẽ, không để chướng ngại vật như dây nhợ, giẻ, đồ nghề, thiết bị vương vãi lung tung.
5. Khi ra vào công trường phải đeo thẻ, băng tên.
6. Phải dọn sạch sẽ các vật tư, vật liệu dư thừa sau khi sử dụng.
7. Không cho phép người ngoài hoặc người không có trách nhiệm vào khu vực thi công công trình.

- ***Vấn đề an toàn cho con người:***

1. Công nhân làm việc tại công trình phải mặc quần áo bảo hộ, giày bảo hộ lao động do Công ty cung cấp, đeo băng tên trong suốt thời gian làm việc.
2. Không được mặc quần áo rách hoặc có dây thòng lòng làm việc gần khu vực máy móc chuyển động hay các vật dễ vướng mắc.
3. Tất cả các công nhân và người tham quan phải đội mũ bảo hộ lao động trong khu vực công trường, ngoài khu vực văn phòng.
4. Phải đeo găng tay nếu ở đó có nguy hiểm đến tay.
5. Phải sử dụng dây đeo an toàn khi làm việc trên cao hơn 2m.
6. Cấm đi tắt không an toàn hoặc dẫm đạp trên dây điện, dây tín hiệu, đường ống, thiết bị.

- ***Vấn đề an toàn trong sử dụng vật tư:***

1. Không cố sức mang vác vật quá sức cho phép, khi nâng hàng sử dụng cơ bắp chân và cơ lưng nắm chặt, chân bước chắc chắn. Nếu quá nặng thì phải yêu cầu người khác giúp đỡ.
2. Cấm dùng dây thừng, dây cáp hoặc xích bị hư. Cột chặt cáp vào tâm vật nặng chỗ có ánh sáng và sử dụng dây kéo tuyệt đối cẩn thận.
3. Cấm đứng, làm việc và đi dưới vật nặng. Vùng dưới tải trọng treo phải có rào ngăn và đặt các biển báo nguy hiểm.
4. Các dây cáp chằng khi không sử dụng phải để trên giá hoặc trong kho được đánh dấu cẩn thận. Những dây cáp chằng bị hư phải loại bỏ.

- ***Vấn đề an toàn trong việc sử dụng điện:***

1. Công việc liên quan tới điện chỉ được thực hiện bởi những người có trách nhiệm và đã được đào tạo về điện.
2. Tất cả các máy móc thiết bị điện đều phải được kiểm tra và ghi chép tình trạng an toàn trước khi sử dụng.
3. Khi làm việc trong hay trên khu vực nguy hiểm về điện như dưới đường dây điện, MBA,..... phải tuân thủ triệt để các qui định qui tắc và thủ tục để phòng tai nạn của trạm.
4. Cuộn các dây nối hoặc các dụng cụ điện cầm tay bằng các dây trần hoặc các dây hồng khác, các mối nối phải được hàn và cách điện đảm bảo. Không được dùng các dây cũ, sờn. Không sờ tay vào các cuộn dây trần để phòng điện cảm ứng.

- ***An toàn trong sử dụng giàn giáo:***

1. Thang leo và giàn giáo phải chắc chắn trong tình trạng còn tốt. Không được đứng và làm việc ở các bậc thang từ bậc thứ ba trên cùng.
2. Thang không được đặt ở nơi không nhìn thấy, cửa đi hoặc những chỗ dễ bị va chạm bất thành hình. Nếu phải sử dụng thang ở những chỗ như vậy thì khu vực đó phải được ngăn chặn lại. Thang không để trên các đồ vật không vững chắc như các hộp, các kết cấu lỏng lẻo...

3. Thang di động phải được cột, neo an toàn bằng dây chắc chắn. Khi leo thang công nhân phải đi giày da.
 4. Quay mặt vào thang khi leo lên hay xuống thang và phải sử dụng 2 tay. Các dụng cụ hay thiết bị phải được kéo lên hay hạ xuống bằng dây thừng hay hộp đồ nghề, không được vớ tay lấy khi đang ở trên thang hay giàn giáo.
 5. Đối với những công việc phải tiến hành ở độ cao 2m trở lên phải có giàn giáo. Giàn giáo chỉ được sử dụng khi được kiểm tra tình trạng. Một bảng màu đỏ (hoặc hàng chưa sử dụng) cho thấy rằng giàn giáo không được chấp nhận và không được phép sử dụng.
 6. Bất kỳ sự hư hỏng nào của giàn giáo hay các vật chống đỡ phải được báo cáo ngay cho người phụ trách.
 7. Tay vịn thích hợp cho người phải được lắp đặt trên tất cả các giàn giáo.
- **An toàn trong sử dụng đồ nghề làm việc:**
 1. Tất cả các thiết bị điện phải tiếp đất chắc chắn và kiểm tra định kỳ.
 2. Những dụng cụ có nguồn điện như máy khoan, máy mài, máy cắt phải được trang bị công tắc tự động an toàn. Nếu điện thế cao hơn 110V dụng cụ, đồ nghề phải được cách điện.
 3. Kiểm tra dây và dụng cụ điện thường xuyên.
 4. Cấm sử dụng đồ nghề hư hỏng, kém chất lượng. Phải báo cáo cho người phụ trách vấn đề đồ nghề hư.
 5. Không để dụng cụ đồ nghề ở các chỗ máy vận chuyển, đường đi, hành lang.
Lưu ý: Không quăng, ném các đồ nghề, vật tư ... từ trên cao xuống. Sử dụng dây thừng và túi đồ nghề để đưa chúng lên hoặc xuống. Không dùng dây điện để nâng đồ nghề và vật liệu.
 - **An toàn trong sử dụng máy móc, thiết bị:**
 1. Chỉ những người có kinh nghiệm, được đào tạo và được giao trách nhiệm mới được phép vận hành thiết bị có động cơ.
 2. Dọn dẹp và vứt bỏ các vật dễ cháy như giấy, vải, giẻ tẩm dầu, các can sơn và các thùng chứa chất lỏng dễ cháy.
 3. Trong trường hợp có cháy: Báo ngay lập tức vị trí đám cháy cho người phụ trách và lãnh đạo, nhấn nút báo cháy khẩn cấp nếu có hệ thống báo cháy tự động, la lớn khẩu hiệu: Có cháy cháy!!! Giải tỏa những người không có trách nhiệm ra khỏi khu vực cháy. Dùng bình chữa cháy cát và nước để dập tắt đám cháy gọi số 114 nếu đám cháy có khả năng cháy lớn và lây lan nhanh chóng ngoài khả năng cháy lớn và lây lan nhanh chóng khả năng cứu chữa tại chỗ.
 4. Phải biết vị trí vòi nước, các dụng cụ dập lửa và cách sử dụng chúng.
 - **Vấn đề cứu thương:**
 1. Các phương tiện cấp cứu phải sẵn sàng tại công trường và phải được sử dụng cho tất cả các trường hợp bị thương. Tất cả các trường hợp bị thương không kể nặng nhẹ đều phải báo cho người phụ trách.
 2. Không làm động đậy người bị thương trừ khi cần thiết để tránh bị thương nặng hơn. Gọi cấp cứu và báo ngay cho người phụ trách.
 3. Hô hấp nhân tạo, cầm máu cho người bị thương.
 4. Không tự ý làm bất cứ việc gì gây thêm nguy hiểm cho người bị thương, nếu không có chuyên môn.
 5. Tìm cách đưa người bị thương đến bệnh viện cấp cứu nếu vượt quá khả năng xử lý tại chỗ.
 - **Các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công:**

Tất cả các nhân viên và công nhân đang thi công tại công trình đều được trang bị phương tiện bảo hộ như sau:

 - + Nón bảo hộ.
 - + Kính đeo an toàn.
 - + Quần áo bảo hộ lao động có tên công ty.
 - + Dây đeo an toàn khi làm việc trên độ cao 2m.
 - + Găng tay, khẩu trang, ủng.
 - + Hướng dẫn và tập huấn cho công nhân sử dụng thành thạo các phương tiện bảo hộ lao động.
 - + Các công nhân trực tiếp thi công tại công trường đều đã được khám sức khỏe định kỳ và đang được bảo hiểm tai nạn tại công ty bảo hiểm.

II. CÔNG TÁC VỆ SINH, MÔI TRƯỜNG

Việc đảm bảo vệ sinh môi trường là trách nhiệm bắt buộc đối với đơn vị và cá nhân trong suốt quá trình thi công để đảm bảo vệ sinh môi trường trong và ngoài công trình, tránh gây nguy hiểm, phiền toái đến người dân hay tài sản người khác vì sự ô nhiễm, tiếng ồn hay các nguồn khác từ hậu quả của các biện pháp thi công:

- + Hạn chế tối đa bụi bẩn và tiếng ồn có ảnh hưởng đến các khu vực chung quanh.
- + Giữ gìn vệ sinh tại công trường và khu vực làm việc.
- + Thường xuyên dọn dẹp công trường hằng ngày, dọn dẹp xà bần, rác thải ra khỏi công trường.
- + Rửa sạch xe cộ trước khi ra khỏi công trình.
- + Bố trí hoặc thuê một công nhân chuyên dọn dẹp vệ sinh.

A. PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ TRONG VÀ NGOÀI CÔNG TRƯỜNG

1. Hệ thống nước phục vụ thi công, phục vụ công tác PCCC được chúng tôi cung cấp đầy đủ bằng hồ chứa nước 5m³, được bố trí hợp lý, thuận tiện (cụ thể theo mặt bằng tổ chức thi công).
 2. Trong nội qui công trường có các điểm cấm mang các vật liệu nổ vào trong công trường, ngoài ra có các biển báo cấm lửa tại các nơi dễ cháy như thùng chứa nhiên liệu, kho vật tư điện nước, kho xăng dầu.
 3. Công trường sẽ lập một tổ chữa cháy không chuyên và huấn luyện công tác chữa cháy khi có sự cố xảy ra, lực lượng này được huy động tham gia chữa cháy khi có sự cố xảy ra, lực lượng này được huy động tham gia chữa cháy, công nhân vận hành máy, thủ kho cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt. Phổ biến cho công nhân khi phát hiện ra cháy báo ngay về Ban điều hành có số điện thoại của lực lượng chữa cháy của địa phương.
 4. Chúng tôi sẽ chú trọng đến công tác phòng chống cháy nổ, sẽ bố trí 8 - 10 bình chữa cháy đặt tại phòng bảo vệ công trường 4 cái, tại kho vật tư điện nước 2 cái, số còn lại bố trí tại các vị trí thuận tiện trong phạm vi thi công theo từng giai đoạn. Ngoài ra cát, nước cũng được dùng cho công tác chữa cháy nếu có sự cố xảy ra.
 5. Đường ra vào nội bộ công trường được bố trí thuận tiện cho xe chữa cháy thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố.
 6. Kho bãi chứa vật liệu được chúng tôi sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo qui định về PCCC.
 7. Những vật liệu chất dễ gây cháy nổ hoặc dễ lan truyền lửa như ván gỗ, xăng dầu chạy máy thi công, vật tư mộc như keo dán sơn verneer... được chúng tôi bảo quản kỹ lưỡng, xếp riêng biệt bằng các kho riêng biệt.
 8. Công tác phòng cháy chữa cháy:
Khi tiến hành thi công chúng tôi sẽ liên hệ với công an PCCC tại địa phương để lập phương án phòng cháy, huấn luyện cho các lực lượng nòng cốt tại công trường, đồng thời trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC như bình chữa cháy, cát, nước, máy bơm cụ thể như sau :
 - Bố trí 2 bình chữa cháy tại văn phòng Ban chỉ huy công trường.
 - Bố trí bốn bình chữa cháy tại kho vật tư, 2 bình tại phòng bảo vệ.
 - Đường đi lại đảm bảo cho xe chữa cháy đi vào để dằn khi xảy ra hỏa hoạn.
- Tại kho nguyên vật liệu, kho vật tư có bảng cấm lửa và biển ghi rõ nội qui PCCC.



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-28) 3610 0868 (3 lines)

NĂNG LỰC THI CÔNG

NĂNG LỰC THI CÔNG

HỆ THỐNG ĐIỆN – NƯỚC & ĐIỆN NHE

-----☞♣☜-----

I. Công trình: Trường THCS An Nhơn (2013)

Địa điểm: 61/14D Lê Đức Thọ, Phường 6, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

II. Công trình: Trường THCS Phước Bình (2013)

Địa điểm: Phường Phước Bình, Quận 9, Tp. HCM

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

III. Công trình: Nhà Văn Hóa Lao Động Khu Công Nghệ Cao Quận 9 (2016)

Địa điểm: Lô S- VH, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao Quận 9, Phường Long
Thanh Mỹ, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

IV. Công trình: Trường THCS Đặng Trần Côn (2017)

Địa điểm: Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. HCM

+ Hợp đồng kinh tế

HỢP ĐỒNG KHOẢN VIỆC

(Số: 0409-13/HDTT)

Công trình: TRƯỜNG THCS AN NHƠN
Địa điểm: 61/14D Lê Đức Thọ, P.6, Q. Gò Vấp
Hạng mục: (Lắp đặt hệ thống điện)

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội;
- Căn cứ nghị định của chính phủ số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và nghị định của chính phủ số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2007/TT do bộ xây dựng ban hành ngày 25/07/2007 về việc: “Hợp đồng trong hoạt động xây dựng”;
- Căn cứ vào sự chấp thuận thỏa thuận báo giá giữa 2 bên;
- Căn cứ vào yêu cầu và khả năng của 2 bên;

Hôm nay, ngày 04 tháng 10 năm 2013, chúng tôi gồm:

BÊN A – Bên giao việc: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

- Người đại diện: Ông LÊ THÀNH NHƠN Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- Người giao dịch : Ông HỒ NGỌC VĂN Chức vụ : Đội trưởng đội XL6
- Địa chỉ : 40 Hoàng Việt – Phường 4 – Quận Tân Bình - TP.HCM
- Điện thoại : 39910958 - Fax : 39910960
- Mã số thuế : 0301 465 263
- Số tài khoản : 13010000000423 Tại NH Đầu tư và Phát triển VN – CN Sở Giao dịch 2

Bên B – Bên nhận việc : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT-XD THIÊN ĐĂNG

- Người đại diện: Ông NGUYỄN THUẬN THUYỀN
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Cao ốc VP, tầng 8 số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Q.1, Tp. HCM
- Điện thoại : 08 36 100 868 - Fax : 08 38 200 645
- Mã số thuế : 0302579739
- Tài khoản : 150 220 839 tại ACB Chi nhánh Tp HCM

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:

1. Nội dung:

Bên A giao cho Bên B nhận khoán thi công, nhân công hạng mục lắp đặt hệ thống điện công trình: Trường THCS An Nhơn

2. Giá trị hợp đồng:

- Giá khoán thi công trọn gói chưa thuế VAT là: 450.000.000 đồng
- Bằng chữ: (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)



Đơn giá trên bao gồm toàn bộ các công tác để hoàn thiện công việc theo hồ sơ thiết kế. Nếu có phát sinh hạng mục công trình ngoài thiết kế mà có liên quan đến thi công lắp đặt hệ điện thì hai bên phải thương thảo và thống nhất bằng văn bản.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN HOÀN TẤT CÔNG VIỆC

- Thời gian bắt đầu thi công là từ ngày / /20 đến kết thúc công trình và phải theo tiến độ chung của xây dựng.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng.
- Hỗ trợ cho bên B trong việc triển khai lắp đặt thiết bị và vật liệu.
- Cung cấp vật tư đầy đủ và đúng tiến độ cho bên B.
- Tổ chức nghiệm thu khi bên B thông báo.
- Thanh toán, tạm ứng khối lượng hoàn thành trong tuần.
- Cung cấp điện và nước sử dụng và thi công công trình.
- Cung cấp trang thiết bị an toàn lao động cho bên B trước và thu hồi lại chi phí mua dùm (nếu có).
- Thông báo cho bên B việc thay đổi chi tiết thiết kế trước khi bên B triển khai thi công.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt (trừ trường hợp thay đổi thiết kế).
- Báo cáo lại sự bất hợp lý trong chi tiết bản vẽ thiết kế cho chỉ huy trưởng.
- Thông báo lại với bên A khi có sự bất hợp lý trong thiết kế.
- Cung ứng nhân công có tay nghề phù hợp công tác thi công.
- Trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân.
- Trang bị toàn bộ trang thiết bị (ngoài trang thiết bị bên A cung cấp).
- Bên B thi công đạt yêu cầu nội dung công việc khi được Bên A chấp thuận nghiệm thu thì khối lượng công việc mới được nghiệm thu và thanh toán.
- Chịu chi phí nhân công, vật tư thi công lắp dựng, tháo dỡ lán trại công nhân.
- Đảm bảo đủ số lượng nhân công theo yêu cầu của BCH công trình.
- Đảm bảo thi công đúng tiến độ theo hợp đồng, theo điều chỉnh tiến độ của bên A (nếu có).
- Biện pháp thi công các công việc phải đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công.
- Hàng tuần họp với bên A để đưa yêu cầu đề xuất, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong tuần và tuần kế tiếp.
- Chỉnh sửa các nội dung công tác thi công không đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và chi phí về nhân công, vật tư bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B phải có người đại diện túc trực giám sát thi công tại công trình trong suốt quá trình thi công.
- Lực lượng nhân công khi tham gia công trình phải nằm trong độ tuổi lao động (nữ từ 18-55, Nam từ 18-60), đủ sức khỏe. Trong vòng 02 tuần khi công nhân vào công trình phải tiến hành khám sức khỏe (nộp hợp đồng, hóa đơn, giấy khám sức khỏe về cho bên A).
- Phải gửi cho ban chỉ huy công trình 02 bản photo chứng minh nhân dân của mỗi công nhân (bản rõ).
- Bên B phải thông báo cho công nhân về nội quy công trình và công nhân khi ở lại công trình (nếu có) phải tuyệt đối tuân theo nội quy này.

2067
CÔNG T
CỔ PHẢ
TƯ XÂY
TIỀN D
TP. HỒ

- Bên B có trách nhiệm nộp danh sách công nhân thực tế chi phí để mua bảo hiểm tai nạn (nếu bên A mua), tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho công nhân (biên bản huấn luyện nộp về cho bên A 01 bản), quản lý và chịu toàn bộ trách nhiệm công nhân đưa vào làm việc tại công trường.
- Bên B thông báo thời gian dự kiến hoàn thành công việc cho bên A (Chỉ huy trưởng) nghiệm thu trước ít nhất là 02 -04 giờ (bằng miệng, điện thoại).
- Bên B phải tự trang bị trang thiết bị phục vụ thi công và phải có giấy kiểm định (trừ các TTB do bên A cung cấp)
- Bồi thường khi làm hư, mất trang thiết bị do bên A cho mượn thi công (giá bồi thường theo giá thị trường).

ĐIỀU 4: THẺ THỨC VÀ THỜI GIAN THANH TOÁN:

Căn cứ vào tổng giá trị các hạng mục thi công là **450.000.000 đồng** của bảng giá đã được ký bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo phương thức sau:

- Đợt 1: Tạm ứng cho bên B 10% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng
- Đợt 2: Thanh toán đến 80% giá trị quyết toán của từng đợt nghiệm thu có xác nhận của giám sát công trường của bên A.
- Đợt 3: Thanh toán 5% giá trị khi có biên bản nghiệm thu bàn giao công trình và ký quyết toán tổng thể.
- Đợt 4 : Thanh toán 5% giá trị khi có biên bản hết thời gian bảo hành công trình.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký trong hợp đồng.
- Trường hợp một bên tham gia hợp đồng không thể thực hiện được toàn bộ hay một phần các nghĩa vụ của mình theo các quy định đã thỏa thuận do hậu quả trực tiếp của trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến bên đó ("bên bị ảnh hưởng"), thì hợp đồng này sẽ bị coi là không vi phạm nếu đáp ứng được các điều kiện dưới đây:
 - Trường hợp bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây trở ngại hoặc chậm trễ đã ngăn cản Bên bị ảnh hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng;
 - Bên bị ảnh hưởng đã hết sức cố gắng để tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng hoặc để làm giảm hoặc để tránh thiệt hại do trường hợp bất khả kháng gây ra đối với bên kia.
- Giải quyết theo tinh thần hợp tác hữu nghị;
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ và nội dung công tác, hai bên sẽ cùng nỗ lực cao nhất để giải quyết bất kỳ tranh chấp hay bất đồng ý kiến nào phát sinh từ hợp đồng này hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác và hữu nghị.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng và sau khi bên A thanh toán quyết toán cho bên B thì hợp đồng xem như được thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thuận Thuận

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIÊN ĐĂNG
Số: 0409-13/HĐTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- oOo -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Trường THCS An Nhơn

Hạng mục: Thi công hệ thống điện nhẹ

Địa điểm: 61/14D Lê Đức Thọ, Phường 6, Quận Gò Vấp, TPHCM

- Căn cứ hợp đồng số 0409-13/HĐTT ký ngày 04 tháng 09 năm 2013 ký giữa Công ty TNHH SX.TM.XD Hưng Việt và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng
Hôm nay ngày 30 tháng 06 năm 2014 chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : 40 Hoàng Việt , Phường 4, Quận Tân Bình , TPHCM

Điện thoại : 08 3991 0958

Đại diện Ông : Huỳnh Hùng Việt

Chức vụ: Giám đốc

Người giao dịch Ông Hồ Ngọc Văn

Chức vụ: Đội trưởng đội XL

Mã số thuế : 0301465263

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TpHCM

Điện thoại : 08 3995 2989

Đại diện Ông: Nguyễn Thuận Thuyên Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế : 0312067271

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã thi công hoàn thành khối lượng công việc theo đúng bảng khối lượng đính kèm hợp đồng số 0409-13/HĐTT ký ngày 04 tháng 09 năm 2013

2/ Giá trị quyết toán :

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1	0409-13/HĐTT	0000115	18/06/2014	495.000.000 VNĐ
	CỘNG (A)			495.000.000 VNĐ
2	ĐÃ THANH TOÁN		30/06/2014	495.000.000 VNĐ
	CỘNG (B)			495.000.000 VNĐ
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0VND

Hợp đồng 0309-13/HĐTT ký ngày 04 tháng 09 năm 2013 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày 09/11/2014

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thuận Thuyên

HỢP ĐỒNG KHOÁN VIỆC

(Số : 0309-13/HĐTT)

Công trình: TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

Địa điểm: P. Phước Bình, Q.9, Tp. HCM

Hạng mục: (Lắp đặt hệ thống điện)

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội;
- Căn cứ nghị định của chính phủ số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và nghị định của chính phủ số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 06/2007/TT do bộ xây dựng ban hành ngày 25/07/2007 về việc: “Hợp đồng trong hoạt động xây dựng”;
- Căn cứ vào sự chấp thuận thỏa thuận báo giá giữa 2 bên;
- Căn cứ vào yêu cầu và khả năng của 2 bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2013, chúng tôi gồm:

BÊN A – Bên giao việc: CÔNG TY TNHH SX – TM – XD HUNG VIỆT.

- Địa chỉ : B45 Tạ Quang Bửu, P. 4, Q. 8, TP. HCM.
- Điện thoại : 08. 5431 0630 Fax : 08. 5431 0637
- Đại diện là : Ông HUỖNH HÙNG VIỆT Chức vụ: Giám Đốc
- Người giao dịch : Ông TRỊNH QUANG CƯỜNG Chức vụ: Đội trưởng ĐXL3
- Mã số thuế : 0302622021
- Tài khoản số : 14110000066276 tại NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn

Bên B – Bên nhận việc : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT-XD THIÊN ĐĂNG

- Người đại diện: Ông NGUYỄN THUẬN THUYỀN
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Cao ốc VP, tầng 8 số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Q.1, Tp. HCM
- Điện thoại : 08 36 100 868 - Fax : 08 38 200 645
- Mã số thuế : 0302579739
- Tài khoản : 150 220 839 tại ACB Chi nhánh Tp HCM

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:

1. Nội dung:

Bên A giao cho Bên B nhận khoán thi công, nhân công hạng mục lắp đặt hệ thống điện công trình: TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

2. Giá trị hợp đồng:

- Giá khoán thi công trọn gói chưa thuế VAT là: 570.000.000 đồng
- Bằng chữ: (Năm trăm bảy mươi triệu đồng)

Đơn giá trên bao gồm toàn bộ các công tác để hoàn thiện công việc theo hồ sơ thiết kế. Nếu có phát sinh hạng mục công trình ngoài thiết kế mà có liên quan đến thi công lắp đặt hệ điện thì hai bên phải thương thảo và thống nhất bằng văn bản.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN HOÀN TẤT CÔNG VIỆC

- Thời gian bắt đầu thi công là từ ngày / /20 đến kết thúc công trình và phải theo tiến độ chung của xây dựng.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng.
- Hỗ trợ cho bên B trong việc triển khai lắp đặt thiết bị và vật liệu.
- Cung cấp vật tư đầy đủ và đúng tiến độ cho bên B.
- Tổ chức nghiệm thu khi bên B thông báo.
- Thanh toán, tạm ứng khối lượng hoàn thành trong tuần.
- Cung cấp điện và nước sử dụng và thi công công trình.
- Cung cấp trang thiết bị an toàn lao động cho bên B trước và thu hồi lại chi phí mua dùm (nếu có).
- Thông báo cho bên B việc thay đổi chi tiết thiết kế trước khi bên B triển khai thi công.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thi công đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt (trừ trường hợp thay đổi thiết kế).
- Báo cáo lại sự bất hợp lý trong chi tiết bản vẽ thiết kế cho chỉ huy trưởng.
- Thông báo lại với bên A khi có sự bất hợp lý trong thiết kế.
- Cung ứng nhân công có tay nghề phù hợp công tác thi công.
- Trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân.
- Trang bị toàn bộ trang thiết bị (ngoài trang thiết bị bên A cung cấp).
- Bên B thi công đạt yêu cầu nội dung công việc khi được Bên A chấp thuận nghiệm thu thì khối lượng công việc mới được nghiệm thu và thanh toán.
- Chịu chi phí nhân công, vật tư thi công lắp dựng, tháo dỡ lán trại công nhân.
- Đảm bảo đủ số lượng nhân công theo yêu cầu của BCH công trình.
- Đảm bảo thi công đúng tiến độ theo hợp đồng, theo điều chỉnh tiến độ của bên A (nếu có).
- Biện pháp thi công các công việc phải đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công.
- Hàng tuần họp với bên A để đưa yêu cầu đề xuất, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong tuần và tuần kế tiếp.
- Chính sửa các nội dung công tác thi công không đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và chi phí về nhân công, vật tư bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B phải có người đại diện túc trực giám sát thi công tại công trình trong suốt quá trình thi công.
- Lực lượng nhân công khi tham gia công trình phải nằm trong độ tuổi lao động (nữ từ 18-55, Nam từ 18-60), đủ sức khỏe. Trong vòng 02 tuần khi công nhân vào công trình phải tiến hành khám sức khỏe (nộp hợp đồng, hóa đơn, giấy khám sức khỏe về cho bên A).
- Phải gửi cho ban chỉ huy công trình 02 bản pho to chứng minh nhân dân của mỗi công nhân (bản rõ).
- Bên B phải thông báo cho công nhân về nội quy công trình và công nhân khi ở lại công trình (nếu có) phải tuyệt đối tuân theo nội quy này.
- Bên B có trách nhiệm nộp danh sách công nhân thực tế chi phí để mua bảo hiểm tai nạn (nếu bên A mua), tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho công nhân (biên bản huấn luyện nộp về cho bên A 01 bản), quản lý và chịu toàn bộ trách nhiệm công nhân đưa vào làm việc tại công trường.

20672
ÔNG T
Ổ PHẢI
Ư XÂY I
ĐẾN ĐÁ
TP. HỒ C

- Bên B thông báo thời gian dự kiến hoàn thành công việc cho bên A (Chỉ huy trưởng) nghiệm thu trước ít nhất là 02 -04 giờ (bằng miệng, điện thoại).
- Bên B phải tự trang bị trang thiết bị phục vụ thi công và phải có giấy kiểm định (trừ các TTB do bên A cung cấp)
- Bồi thường khi làm hư, mất trang thiết bị do bên A cho mượn thi công (giá bồi thường theo giá thị trường).

ĐIỀU 4: THẺ THỨC VÀ THỜI GIAN THANH TOÁN:

Căn cứ vào tổng giá trị các hạng mục thi công là **570.000.000 đồng** của bảng giá đã được ký bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo phương thức sau:

- Đợt 1: Tạm ứng cho bên B 10% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng
- Đợt 2: Thanh toán đến 80% giá trị quyết toán của từng đợt nghiệm thu có xác nhận của giám sát công trường của bên A.
- Đợt 3: Thanh toán 5% giá trị khi có biên bản nghiệm thu bàn giao công trình và ký quyết toán tổng thể.
- Đợt 4 : Thanh toán 5% giá trị khi có biên bản hết thời gian bảo hành công trình.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký trong hợp đồng.
- Trường hợp một bên tham gia hợp đồng không thể thực hiện được toàn bộ hay một phần các nghĩa vụ của mình theo các quy định đã thỏa thuận do hậu quả trực tiếp của trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến bên đó ("bên bị ảnh hưởng"), thì hợp đồng này sẽ bị coi là không vi phạm nếu đáp ứng được các điều kiện dưới đây:
 - Trường hợp bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây trở ngại hoặc chậm trễ đã ngăn cản Bên bị ảnh hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng;
 - Bên bị ảnh hưởng đã hết sức cố gắng để tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng hoặc để làm giảm hoặc để tránh thiệt hại do trường hợp bất khả kháng gây ra đối với bên kia.
- Giải quyết theo tinh thần hợp tác hữu nghị;
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ và nội dung công tác, hai bên sẽ cùng nỗ lực cao nhất để giải quyết bất kỳ tranh chấp hay bất đồng ý kiến nào phát sinh từ hợp đồng này hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác và hữu nghị.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng và sau khi bên A thanh toán quyết toán cho bên B thì hợp đồng xem như được thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Hùng Việt

Hùng Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B

THIÊN DẠNG

Thiên Duyên

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIÊN ĐĂNG
Số: 0309-13/HĐTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- oOo -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Trường THCS Phước Bình
Hạng mục: Thi công hệ thống điện
Địa điểm: Quận Thủ Đức, TpHCM

- Căn cứ hợp đồng số 0309-13/HĐTT ký ngày 03 tháng 09 năm 2013 ký giữa Công ty TNHH SX TM XD Hưng Việt và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng
Hôm nay ngày 25 tháng 06 năm 2014 chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY TNHH SX TM XD HƯNG VIỆT

Địa chỉ : B45 Tạ Quang Bửu , Phường 4, Quận 8, TPHCM
Điện thoại : 08 5431 0630
Đại diện Ông : **Huỳnh Hùng Việt** Chức vụ: Giám đốc
Người giao dịch Ông **Trịnh Quang Cường** Chức vụ: Đội trưởng đội XL
Mã số thuế : 0302622021

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TpHCM
Điện thoại : 08 3995 2989
Đại diện Ông: **Nguyễn Thuận Thuyền** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã số thuế : 0312067271

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã thi công hoàn thành khối lượng công việc theo đúng bảng khối lượng đính kèm hợp đồng số 0309-13/HĐTT ký ngày 03 tháng 09 năm 2013

2/ Giá trị quyết toán :

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1	0309-13/HĐTT	0000113	15/06/2014	627.000.000 VNĐ
	CỘNG (A)			627.000.000 VNĐ
2	ĐÃ THANH TOÁN		25/06/2014	627.000.000 VNĐ
	CỘNG (B)			627.000.000 VNĐ
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0VND

Hợp đồng 0309-13/HĐTT ký ngày 03 tháng 09 năm 2013 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày 18/10/2014

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B





ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2016

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số:1601.1/HDKT-NTC.01/TN-XL25)

(V/v: Cung cấp lắp đặt hệ thống điện & cấp thoát nước)

Công trình: NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9

- Căn cứ Luật Dân sự được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật Thương mại – Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006).
- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 06 năm 2011 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;
- Căn cứ luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 - Quốc Hội ban hành ngày 18/06/2014 áp dụng ngày 01/01/2015;
- Căn cứ Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 15/06/2015): Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Căn cứ Nghị Định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/07/2015): Về quản lý chất lượng về bảo trì công trình xây dựng
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Người đại diện : Ông **LÊ THÀNH NHON** Chức vụ : Tổng Giám Đốc
 Người giao dịch : Ông **NGUYỄN QUỐC HỌC** Chức vụ : Đội trưởng Đội XL25
 (theo giấy ủy quyền Số.....)
 Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM
 Điện thoại : (08) 3991 0958 Fax : 3991 0960
 Mã số thuế : 0 3 0 1 4 6 5 2 6 3
 Số tài khoản : 13010000000423 Tại NH ĐT & PT VN – CN Sở Giao dịch 2

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Người đại diện : Ông **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Địa chỉ : Cao ốc văn phòng Tầng 8 , Số 85 Nguyễn Hữu Cầu , P.Tân Định , Q.1TPHCM
 Điện thoại : (08) 361.00.868 Fax : 3995 3027
 Mã số thuế : 0 3 1 2 0 6 7 2 7 1
 Tài Khoản : 150 220 839 Tại Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG : Bên A giao cho bên B thực hiện các phần công việc sau tại công trình: **NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9**

1/ Thi công phần nhân công hoàn thiện cả công trình về hệ thống điện & cấp thoát nước theo bản vẽ đã được bên A ký duyệt (với bảng khối lượng đính kèm)

2/ Cung cấp vật tư hoàn thiện phần thiết bị xây lắp điện và cấp thoát nước cho công trình (với bảng khối lượng đính kèm hợp đồng)



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

- Tổng giá trị hợp đồng khoán gọn theo bảng dự toán là: 2.189.647.980 đồng (Bằng chữ :Hai tỷ một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi đồng)
- Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT 10%.
- Giá trị trên là tạm tính, giá trị thực tế được tính theo khối lượng tại công trình sau khi thi công xong và được xác nhận của Chỉ Huy Trưởng. (Trong trường hợp có sự thay đổi trong thiết kế)
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ thi công của công trình

ĐIỀU II : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản như sau:
 1. Đợt 1: 10% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 07-10 ngày sau khi hợp đồng được ký. Số tiền này được khấu trừ hết ngay trong đợt thanh toán đầu tiên.
 2. Các đợt tiếp theo: Bên A thanh toán giá trị còn lại cho bên B theo khối lượng từng đợt thi công và nghiệm thu thực tế tại công trình sau khi khấu trừ tạm ứng.
- Hồ sơ thanh toán từng đợt bao gồm:
 - + Bảng khối lượng có xác nhận của Chỉ Huy Trưởng
 - + Hoá đơn giá trị gia tăng
 - + Đề nghị thanh toán
 - + CO,CQ nếu Chỉ Huy Trưởng yêu cầu
- Bên B được thanh toán từng đợt nhưng tối đa không quá 4 đợt. Mỗi đợt thanh toán bên B được thanh toán đến 90% giá trị thực hiện từng đợt.
 - + Đợt 1: Sau khi thi công xong phần kéo, rải các ống chờ luồn dây hệ thống điện , ống cấp thoát nước các khối;
 - + Đợt 2: Sau khi thi công xong phần đặt ống điện, ống cấp thoát nước các hạng mục phụ trợ và tổng thể;
 - + Đợt 3: Sau khi thi công xong việc kéo rải các loại dây dẫn của hệ thống điện, các đường ống cấp thoát nước và phụ kiện đi kèm;
 - + Đợt 4: Sau khi hoàn thành lắp thiết bị điện, cấp thoát nước tại công trình;
- Khi công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng. Bên A thanh toán cho bên B đến 90% phần giá trị đã thực hiện.
- Sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị quyết toán được bên A duyệt, 5% giá trị còn lại sẽ được giữ lại để bảo hành trong vòng 12 tháng. Trường hợp giá trị bảo hành được thay thế bằng chứng thư bảo lãnh của ngân hàng (hoặc tổ chức tài chính) thì bên A sẽ thanh toán hết 5% giá trị còn lại cho bên B.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM BÊN A:

- Bên A có trách nhiệm bàn giao mặt bằng và đầy đủ các tài liệu có liên quan cho bên B theo yêu cầu.
- Phối hợp với bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thi công.
- Tạo điều kiện thuận lợi về kho bãi để bên B tập kết vật tư và dụng cụ phục vụ thi công công trình.
- Cung cấp điện nước phục vụ thi công công trình.
- Cử cán bộ theo dõi, giám sát trong suốt quá trình thi công từ khâu kiểm tra, lập dự toán, đến nghiệm thu, ký xác nhận số lượng tạm thời cho mỗi hệ thống khi bên B thi công xong.



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

- Cử cán bộ kỹ thuật nghiệm thu tổng thể với bên B sau khi nhận được thông báo của bên B trong vòng 10 ngày.
- Thực hiện việc thanh toán cho bên B đúng thời gian của mỗi đợt theo hợp đồng đã thỏa thuận.

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM BÊN B:

- Chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, chất lượng thiết bị và thi công hệ thống đảm bảo thi công theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên.
- Lắp đặt thiết bị theo mỹ quan, không ảnh hưởng đến trang trí nội thất bên trong và mỹ quan tổng thể.
- Bên B đảm bảo và chịu trách nhiệm về mọi vấn đề có liên quan như:
 - + Tổ chức an ninh trật tự, an toàn lao động phù hợp với nội quy công trường.
 - + Tiếp nhận, bảo quản các tài liệu bên A giao
 - + Phối hợp với các đơn vị khác để tránh các sơ xuất có thể làm ảnh hưởng đến nhau.
- Khi bên B nhập vật tư vào công trình phải báo cho BCH công trình biết để kiểm tra chủng loại, xuất xứ của vật tư, và khi lắp đặt xong phải báo cho BCH công trình biết để kiểm tra số lượng và đối chiếu với bản vẽ thiết kế trước khi lắp đặt.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc đầu vào, cung cấp chứng từ CO, CQ của thiết bị chính khi cung cấp lắp đặt vào công trình; Chịu trách nhiệm về hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục gói thầu.
- Xuất hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ theo quy định của bộ tài chính và thanh lý hợp đồng khi công trình thi công hoàn tất.
- Hướng dẫn cách vận hành sử dụng, bảo quản hệ thống, và cung cấp xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng của vật tư sử dụng trong công trình cho bên A.

ĐIỀU V: PHẠT HỢP ĐỒNG:

Bên B sẽ bị phạt trong các trường hợp sau:

- Thi công không đảm bảo tiến độ công tác tại công trường mà không có lý do được bên A chấp thuận, mỗi ngày chậm phạt 500.000 (d/1ngày) (Năm trăm nghìn đồng trên một ngày trễ hợp đồng)
- Trường hợp bên B thi công không đảm bảo chất lượng hoặc sai thiết kế phải phá đi làm lại: Bên B phải chịu chi phí nhân công cho việc phá dỡ và làm lại đồng thời phải chịu bồi thường giá vật tư của khối lượng bị dỡ bỏ (nếu có).
- Trường hợp phát hiện công nhân của bên B lấy cắp vật tư, thiết bị trên công trường, bên B phải chịu phạt với giá trị ít nhất 2 lần giá trị vật tư bị lấy cắp hoặc từ 500.000đ đến 1.000.000đ cho một lần, tùy theo mức độ vi phạm.
- Trường hợp bên B thi công không đảm bảo tiến độ mà bên A đã cam kết với Chủ đầu tư, nếu xác định là lỗi bên B, bên B sẽ bị phạt bằng đúng giá trị mà Chủ đầu tư phạt bên A.
- Ngoài ra nếu bên B chậm khắc phục hậu quả thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, đình chỉ thi công để thay thế bằng đơn vị thi công khác và bên B phải chịu mọi tổn thất phát sinh mà không được khiếu nại.
- Ban An toàn – Kỹ thuật của bên A sẽ kiểm tra công trình định kỳ hoặc đột xuất; trong trường hợp không thỏa mãn các yêu cầu về an toàn/ vệ sinh thì bên B sẽ chịu mức phạt vi phạm quy định sau:
 - + Không đội nón bảo hộ khi đang làm việc: 50.000đ/người/lần vi phạm.
 - + Không đeo dây bảo hiểm khi làm việc trên cao: 100.000đ/người/lần vi phạm.

3-6
4
UN
EN
CH



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

- + Không đảm bảo các yêu cầu an toàn về điện, PCCC: 300.000đ/ lần vi phạm.
- + Không đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường như: có rác thải sinh hoạt, xây dựng vật tư không gọn gàng gây hao phí, khu lán trại có mùi hôi quá mức... sẽ bị phạt 1.000.000 đ/lần.
- + Công nhân gây mất trật tự, đánh nhau, nhậu nhẹt làm ảnh hưởng đến công trường và nhà dân chung quanh... sẽ bị phạt 5.000.000đ/ vụ.
- + Các chi phí khác do chính quyền, Công an địa phương và Chủ đầu tư phạt mà do lỗi của bên B.
- Ban An toàn - Kỹ thuật (Chỉ huy trưởng hoặc cán bộ An toàn tại công trường hoặc cán bộ kỹ thuật) sẽ lập biên bản vi phạm. Tất cả số tiền phạt vi phạm được ghi trong các điều khoản của Biên bản giao việc khi phát sinh sẽ khấu trừ ngay vào đợt tạm ứng hoặc thanh toán gần nhất cho bên B.

ĐIỀU V: CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ, NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

- Bên B có trách nhiệm bảo hành thiết bị do bên B cấp trong thời gian 12 tháng kể từ ngày lý biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình. Mọi hư hỏng trở ngại do chất lượng thiết bị hoặc kỹ thuật lắp đặt gây ra, bên B phải chịu trách nhiệm thay thế sửa chữa hoàn toàn miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
- Trách nhiệm bảo hành của bên B được bảo đảm bằng chứng thư bảo lãnh do Ngân hàng của bên B phát hành có giá trị bằng 5% tổng giá trị hợp đồng.
- Bên B không có trách nhiệm bảo hành trong trường hợp:
 - + Do sử dụng không đúng theo hướng dẫn kỹ thuật của bên B.
 - + Sử dụng không đúng chức năng của hệ thống.

ĐIỀU VI: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của trên. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải có sự đồng ý của hai Bên.
- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Mọi vấn đề bất lợi phát sinh, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết. (Tất cả mọi thương lượng giải quyết đều phải có lập biên bản kèm theo).
- Nếu trong quá trình thực có khó khăn, trở ngại thì hai Bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng. Nếu hai Bên không tự thỏa thuận được thì đưa ra tòa án kinh tế Tp. HCM giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng hai Bên phải thi hành.
- Biên bản trên được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC
KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Thuận Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

(Số: 1611.2/HĐ/2016)

(V/v: Cung cấp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc điện thoại, ti vi, hệ thống chuông báo tiết, hệ thống mạng)

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Lệnh Dân Sự số 33/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ chức năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2016 tại văn phòng Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng, Chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Đại diện : **Ông NGUYỄN ĐẮC VINH** Chức vụ: **Phó Giám Đốc**

Giấy ủy quyền số: 193/GUQ – DVCI ký ngày 04 tháng 02 năm 2016

Địa chỉ : 200B Võ Văn Tần - Phường 5 - Quận 3 - TP.HCM

Điện thoại : (08)38.395.277 Fax: (08)38.326.357

Số Tài khoản : 156.01.0126345.0001

Tại Ngân hàng: TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : **0301453934**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Đại diện : **Ông NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng 8, 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Điện Thoại : 08. 3995 2989 Fax: 08 3995 6374

Tài khoản số : 150 220 839

Tại Ngân hàng : TMCP Á Châu - CN Phan Đình Phùng, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : **0312067271**

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng về việc Cung cấp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc điện thoại, ti vi, hệ thống chuông báo tiết, hệ thống mạng với các điều khoản sau đây :

Điều 1: Nội dung hợp đồng :

Bên A đồng ý giao cho Bên B cung cấp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc điện thoại, ti vi, hệ thống chuông báo tiết, hệ thống mạng cho công trình: “ Xây Dựng Mới Trường THCS Đặng Trần Côn”, tại địa điểm: Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chất lượng sản phẩm các yêu cầu kỹ thuật và thời gian bảo hành:

➤ Chất lượng sản phẩm và các yêu cầu kỹ thuật phải được thực hiện đúng qui cách và chủng loại vật tư và được lắp đặt đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán được duyệt, đảm bảo sự bền vững công trình theo tiêu chuẩn, qui chuẩn Việt Nam.

➤ Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành nếu công trình, hạng mục công trình có hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải tự sửa chữa và không được bên A thanh toán thêm bất cứ khoản tiền gì.

➤ Khi hạng mục công trình có hư hỏng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên B phải tự thực hiện ngay công tác sửa chữa. Nếu chậm trễ Bên A sẽ giao đơn vị khác sửa chữa, mọi chi phí liên quan sẽ do Bên B chịu.

- Điều kiện nghiệm thu và bàn giao hạng mục công trình:

➤ Điều kiện nghiệm thu:

- Tuân theo các qui định về quản lý chất lượng công trình.
- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Công trình chỉ được nghiệm thu và đưa vào sử dụng khi đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo qui định.

➤ Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao hạng mục công trình đã lắp đặt xong đưa vào sử dụng theo qui định của pháp luật.
- Đảm bảo an toàn trong vận hành khai thác, đưa hạng mục công trình vào sử dụng.

Điều 2: Giá trị hợp đồng:

- ♦ **Giá trị hợp đồng: 4.252.468.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng chẵn).**

Đính kèm Bảng giá ký hợp đồng ngày 26 tháng 12 năm 2016

- Đơn giá trên không đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tổng số tiền trên đã bao gồm thuế VAT 10%, chi phí vận chuyển và chi phí vận hành chạy thử (nếu có) tại công trình.
- Giá trị quyết toán hợp đồng căn cứ vào đơn giá hợp đồng và khối lượng thực tế được xác nhận của hai bên.

Điều 3: Hình thức và điều kiện thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
- Điều kiện thanh toán:

➤ **Đợt 1:** Ngay sau khi ký hợp đồng bên A chuyển khoản cho bên B 40% giá trị hợp đồng. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày tạm ứng theo hợp đồng bên B tập kết đầy đủ vật tư thiết bị tương ứng với giá trị tạm ứng giao cho bên A tại công trình.

➤ **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho bên B 55% giá trị khối lượng nghiệm thu theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt (khối lượng công việc chỉ được nghiệm thu khi giám sát và chủ đầu tư nghiệm thu) và nhận được hóa đơn GTGT. Bên A chỉ thanh toán cho bên B khi chủ Đầu

tư đã thanh toán cho bên A, tổng số tiền Bên A thanh toán không vượt quá 95% giá trị hợp đồng.

➤ **Đợt 3:** Bên A thanh toán cho bên B 5% giá trị hợp đồng sau khi hết hạn bảo hành (trong vòng 12 tháng kể từ khi nghiệm thu đưa vào sử dụng).

Điều 4: Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM.
- Thời gian: Theo yêu cầu của Bên A.

Điều 5: Trách nhiệm của các bên:

5.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Bàn giao mặt bằng và cung cấp đầy đủ bản vẽ thiết kế được duyệt cho Bên B để Bên B tiến hành thi công lắp đặt các hạng mục.
- Thông báo cho bên B người đại diện của bên A theo dõi, quản lý và giám sát công trình ngay khi lắp đặt.
- Tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình trong vòng 01 tuần kể từ khi nhận được thông báo của bên B về việc công trình đã hoàn thành sẵn sàng bàn giao cho bên A.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).

5.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Trừ khi có các chỉ định của Bên A, tất cả các vật tư vật liệu Bên B đưa vào công trình là sản phẩm theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt.
- Bên B có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ chứng minh chất lượng của vật tư vật liệu trước khi đưa vào thi công lắp đặt.
- Bên B chịu chi phí sửa chữa mọi khuyết tật và sai sót của công trình trong qui trình thực hiện hợp đồng (nếu lỗi do bên B gây ra).
- Đảm bảo thi công các hạng mục công trình theo đúng chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, hồ sơ thanh toán theo đúng qui định của Nhà nước.
- Bên B chịu trách nhiệm và tuân thủ các qui định về an toàn lao động của Nhà nước Việt Nam, áp dụng các biện pháp an toàn cần thiết, tránh gây tai nạn cho công nhân trong quá trình thi công công việc của hợp đồng, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên phạm vi do đơn vị mình đảm nhiệm thi công. Nếu xảy ra sự cố, Bên B phải chịu xử lý theo luật định.
- Trong quá trình thi công nếu gây ra hư hỏng đối với các công trình xung quanh thì Bên B chịu trách nhiệm bồi thường và khắc phục những hư hỏng cho các chủ thể quản lý các công trình đó. Trường hợp hạng mục thi công của Bên B có liên quan đến hạng mục, công trình của đơn vị khác, Bên B có trách nhiệm quan hệ phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình.
- Bên B không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ 3.
- Phối hợp chặt chẽ với bên A, đơn vị tư vấn giám sát để thực hiện tốt công việc.
- Cấp hóa đơn tài chính cho Bên A, hóa đơn phải hoàn toàn hợp pháp, hợp lệ và hợp lý đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và nguồn gốc đầu vào của chứng từ hóa đơn cấp cho Bên A.

Điều 6: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng, nếu bên nào làm sai, bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường các tổn thất do bên đó gây ra.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu trong vòng 30 ngày mà sự việc chưa được giải quyết thì đưa ra Tòa Án Nhân Dân Quận 3 giải quyết. Không bên nào tự ý đơn phương huỷ hợp đồng. Phán quyết của Tòa Án là quyết định cuối cùng buộc 2 bên phải thi hành.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thuận Thuy



NĂNG LỰC THI CÔNG

PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY & CHỐNG SÉT



I. Công trình: Trường THCS Đặng Trần Côn (2017)

Địa điểm: Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. HCM

+ *Hợp đồng kinh tế*

II. Công trình: Bệnh viện Truyền Máu Huyết Học Bình Chánh

Địa điểm: Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM

+ *Hợp đồng kinh tế*

+ *Phụ lục giá trị hợp đồng*

+ *Công văn xác nhận nghiệm thu PCCC*

III. Công trình: Trường Tiểu Học Tân Phú

Địa điểm: Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

+ *Hợp đồng kinh tế*

+ *Bảng giá trị đính kèm hợp đồng*

+ *Công văn xác nhận nghiệm thu PCCC*

HỢP ĐỒNG

(Số: 1611.1/HĐ/2016)

(V/v: CUNG CẤP LẮP ĐẶT HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, CHỐNG SÉT)
Công trình: XÂY DỰNG MỚI TRƯỜNG THCS ĐẶNG TRẦN CÔN

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Thi công theo tiêu chuẩn:

- Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN" 2622-1995
- Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN" 5670-1993
- Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN" 7336-2003
- Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN" 7026-2002
- Tiêu chuẩn Việt Nam "TCVN" 3890-2009
- Căn cứ chức năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày...20...tháng...12... năm 2016 tại văn phòng Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng, Chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Đại diện : Ông NGUYỄN ĐẮC VINH Chức vụ: Phó Giám Đốc

Giấy ủy quyền số: 193/GUQ – DVCI ký ngày 04 tháng 02 năm 2016

Địa chỉ : 200B Võ Văn Tần - Phường 5 - Quận 3 - TP.HCM

Điện thoại : (08)38.395.277 Fax: (08)38.326.357

Số Tài khoản : 156.01.0126345.0001

Tại Ngân hàng: TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0301453934

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Đại diện : Ông NGUYỄN THUẬN THUYỀN Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Điện Thoại : 08. 3995 2989 Fax: 08 3995 3027

Số Tài khoản : 150 220 839 Tại NH: TMCP Á Châu - CN Phan Đình Phùng TP. HCM

Mã số thuế : 0312067271

Hai bên thống nhất cùng ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1 : Nội dung hợp đồng :

Bên A đồng ý giao cho Bên B cung cấp, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chống sét cho công trình: “ Xây Dựng Mới Trường THCS Đặng Trần Côn”, tại địa điểm: Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

(Theo đúng bảng giá ký hợp đồng đính kèm ngày 20 tháng 12 năm 2016)

Giá trị hợp đồng:

♦ **Bảng số: 1.755.086.300 đồng (bằng chữ :Một tỷ, bảy trăm năm mươi năm triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm đồng chẵn).**

- Đơn giá trên không đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tổng số tiền trên đã bao gồm thuế VAT 10%, chi phí vận chuyển và chi phí vận hành chạy thử (nếu có) tại công trình.
- Giá trị quyết toán hợp đồng căn cứ vào đơn giá hợp đồng và khối lượng thực tế được xác nhận của hai bên.

Điều 2 : Trách nhiệm của hai bên:

Trách nhiệm Bên A:

- 2.1 Bàn giao mặt bằng và các tài liệu có liên quan cho Bên B theo yêu cầu
- 2.2 Phối hợp với Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thi công
- 2.3 Tạo điều kiện thuận lợi về kho bãi để bên B tập kết vật tư và dụng cụ phục vụ thi công công trình. Cung cấp điện nước phục vụ thi công.
- 2.4 Quyết toán hợp đồng theo đúng thời hạn và phương thức đã quy định trong hợp đồng.
- 2.5 Nếu Bên A muốn thay đổi loại vật tư, thiết bị hay phần thiết kế nào thì phải thông báo cho Bên B bằng văn bản.
- 2.6 Cử cán bộ kỹ thuật giám sát công trình trong quá trình thi công đến khi bên B hoàn thành công trình, nếu thấy phần việc nêu chưa được đảm bảo thì yêu cầu bên B làm lại, mọi chi phí bên B chịu.
- 2.7 Cử cán bộ kỹ thuật nghiệm thu tổng thể với bên B sau khi nhận được thông báo của bên B chậm nhất là 10 ngày sau khi bên B thông báo hoàn tất công tác thi công.
- 2.8 Không đưa công trình vào sử dụng trước khi được nghiệm thu PCCC của cơ quan chức năng.

Trách nhiệm Bên B:

- 2.9 Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, chất lượng thiết bị và thi công hệ thống, đảm bảo thi công theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên.
- 2.10 Nếu Bên B muốn thay đổi loại vật tư, thiết bị hay phần thiết kế nào đều phải được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản trước khi triển khai thi công.
- 2.11 Trong quá trình thi công, bảo đảm trật tự an toàn lao động trên công trường, chịu mọi trách nhiệm về vấn đề An toàn lao động liên quan đến nhân viên của mình hoặc công việc mình ảnh hưởng đến bên thứ 3. Bảo đảm vệ sinh môi trường.
- 2.12 Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu bên B thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy không đúng theo bản vẽ đã được Công An PCCC thẩm duyệt.

- 2.13 Khi bên B nhập vật tư vào công trình phải báo cho BCH công trình biết để kiểm tra chủng loại, xuất xứ của vật tư; và khi lắp đặt xong phải báo cho BCH công trình biết để kiểm tra số lượng và đối chiếu với bản vẽ thiết kế các công tác khuất lấp trước khi chuyển công việc tiếp theo.
- 2.14 Bên B phải cung cấp Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC của Sở Cảnh Sát PCCC Tp.HCM và giấy chứng nhận nghiệm thu PCCC của cơ quan có thẩm quyền cho bên A chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao.
- 2.15 Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ, xuất xứ hàng hóa (hợp chuẩn, hợp quy, C/O, C/Q) theo QCVN 16:2014/BXD.
- 2.16 Xuất hóa đơn GTGT cho Bên A và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tờ hóa đơn do Bên B phát hành.
- 2.17 Hướng dẫn, tập huấn cho đơn vị quản lý sử dụng và cung cấp tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật và hướng dẫn vận hành.
- 2.18 Cung cấp đầy đủ hồ sơ kỹ thuật theo quy định hiện hành cho bên A trước khi thi công lắp đặt.

Điều 3 : Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo hình thức sau:

Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng giữa hai bên, bên A chuyển khoản cho bên B 50% giá trị hợp đồng.

Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B 40% giá trị khối lượng nghiệm thu theo đúng bản vẽ thiết kế được duyệt (khối lượng công việc chỉ được nghiệm thu khi giám sát và chủ đầu tư nghiệm thu) và nhận được hóa đơn GTGT. Bên A chỉ thanh toán cho bên B khi chủ Đầu tư đã thanh toán cho bên A, tổng số tiền Bên A thanh toán không vượt quá 90% giá trị hợp đồng.

Đợt 3: Bên A thanh toán cho bên B 5% tổng giá trị hợp đồng, sau khi bên B bàn giao giấy chứng nhận nghiệm thu PCCC của cơ quan có thẩm quyền .

Đợt 4: Bên A thanh toán cho bên B 5% giá trị hợp đồng, sau khi hết hạn bảo hành (trong vòng 12 tháng kể từ khi nghiệm thu PCCC đưa vào sử dụng).

Điều 4 : Thời hạn và trách nhiệm thi công:

4.1 Thời hạn cung cấp thiết bị, thi công hoàn chỉnh theo tiến độ công trình.

4.2 Bên B chịu trách nhiệm lắp đặt hệ thống theo đúng bản vẽ thiết kế đã được Bên A và đơn vị chức năng duyệt.

Điều 5 : Bảo hành, bảo trì công trình:

5.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành trong thời gian **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày các bên liên quan ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Mọi hư hỏng trở ngại do chất lượng thiết bị hoặc kỹ thuật lắp đặt gây ra bên B phải chịu trách nhiệm và mọi chi phí thay thế sửa chữa hoàn chỉnh trong suốt thời gian bảo hành.

5.2 Bên B không có trách nhiệm bảo hành trong trường hợp:

- Sử dụng không đúng theo sự hướng dẫn kỹ thuật của Bên B.
- Sử dụng không đúng chức năng của hệ thống.

Điều 6 : Điều khoản chung:

6.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng, nếu có gì thay đổi, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.

6.2 Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết (có lập biên bản).

6.3 Trong trường hợp hai bên không tự ý giải quyết được thì hai bên thống nhất sẽ đưa ra Toà Án Nhân Dân Quận 3 giải quyết. Không bên nào tự ý đơn phương huỷ hợp đồng.

6.4 Các chi phí về kiểm tra, giám định do bên có lỗi chịu.

6.5 Hợp đồng có hiệu lực vào thời điểm hợp đồng được ký. Thời hiệu của hợp đồng tính từ ngày ký kết hợp đồng đến khi các bên A và B thực hiện hoàn tất các nội dung được ghi trong các điều khoản của hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thuận Thuyền



Gói thầu: Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy - báo cháy - chống sét

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2020

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 018.../HDDV-HHL-2020

(Gói thầu: Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy - báo cháy - chống sét)

Hình thức hợp đồng: Trọn gói

CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG MỚI BỆNH VIỆN TRUYỀN MÁU HUYẾT HỌC
ĐỊA CHỈ : XÃ TÂN KIÊN - HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

GIỮA

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HOÀNG HOÀNG LONG**

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ vào nhu cầu, năng lực và thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, Tại Văn phòng Công ty TNHH Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ Hoàng Hoàng Long chúng tôi gồm:

BÊN A: (GIAO THẦU):

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HOÀNG HOÀNG LONG

- Đại diện : (Ông) **LÊ NHÀN** Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**
- Địa chỉ : Số 27 đường số 5, KDC Vina Nam Phú, ấp 4, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0314232876
- Điện thoại : 028.6656 6399

BÊN B: (NHẬN THẦU):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

- Đại diện : (Ông) **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**
- Địa chỉ : Cao ốc văn phòng Tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0312067271
- Điện thoại : 028.3845 2126
- Tài khoản : 150 220 839 Tại Ngân Hàng TMCP Á Châu (ACB) - CN Phan Đình Phùng, Tp.HCM

ĐIỀU 1: TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

- Các tài liệu sau đây được xem là một bộ phận cấu thành Hợp đồng, được đọc và hiểu là một phần của Hợp đồng này. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực cao hơn tất cả các tài liệu Hợp đồng dưới đây:

- (i) Phụ lục 01 – Bảng giá giao nhận thầu;
- (ii) Phụ lục 02 – Yêu cầu kỹ thuật;
- (iii) Phụ lục 03 – Tiến độ thi công;
- (iv) Phụ lục 04 – Quy định về tuân thủ an toàn và vệ sinh công trình;

ĐIỀU 2: NỘI DUNG CÔNG VIỆC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

2.1. Nội dung công việc thực hiện:

- Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận **Thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy - Báo cháy - Chống sét** của công trình: **Xây dựng mới Bệnh viện Truyền máu huyết học (cơ sở 2)** theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và chỉ dẫn kỹ thuật của Hạng mục/Công trình đã được chủ đầu tư phê duyệt để làm cơ sở xác định giá trị Hợp đồng: khối lượng Công Việc nêu trong Hợp đồng này có thể được thay đổi khi Hồ sơ thiết kế thay đổi hoặc khối lượng thi công thực tế có thay đổi phát sinh **tăng / giảm** trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên B sẽ huy động toàn bộ vật tư, nhân công, máy móc, thiết bị, các chi phí khác để đảm bảo rằng Bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo đúng tiến độ được quy định trong **Phụ lục 03: Tiến độ thi công**.

2.2. Thời gian, địa điểm thi công:

- Tổng thời gian hoàn thành việc thi công cho các công việc: **162 ngày** (bao gồm chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng để Bên B tiến hành thi công.
- Tiến độ thi công chi tiết đính kèm Phụ lục 03 – Tiến độ thi công và phụ thuộc vào tiến độ xây dựng.
- Địa điểm thi công:
+ Công trình: **Xây dựng mới Bệnh viện Truyền máu huyết học (cơ sở 2).**
+ Địa chỉ: **Xã Tân Kiên - Huyện Bình Chánh – Tp. Hồ Chí Minh.**

2.3. Tiêu chuẩn chất lượng:

- Sản phẩm phải đạt chất lượng theo tiêu chuẩn, đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế Bản vẽ thi công được duyệt.
- Theo yêu cầu công việc của Bên A. Bên B phải đảm bảo chất lượng, mỹ thuật Công trình và các yêu cầu kỹ thuật như sau:
 - ✓ Bên B phải thi công Công trình đảm bảo chất lượng, theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật của Hạng mục/Công trình đã được chủ đầu tư phê duyệt và đúng phạm vi công việc được nêu tại **Điều 4** của Hợp Đồng và khối lượng công việc được nêu trong các Phụ lục của Hợp đồng. Bên B phải bảo đảm sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.
 - ✓ Bên B phải bảo đảm chất lượng, mỹ thuật của tất cả các công tác liên quan tới Công trình như: công tác chuẩn bị mặt bằng, trắc địa công trình, độ chính xác của các kích thước xây dựng, chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng các cấu kiện gia công sẵn. Chất lượng của các công việc này được bảo đảm bằng các chứng chỉ của nhà sản xuất, chứng chỉ thí nghiệm, biên bản nghiệm thu, bản vẽ hoàn công.
- Bên B phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ công tác thí nghiệm vật liệu xây dựng và thiết bị sử dụng cho công trình, chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các kết quả thí nghiệm. Mọi nhận xét về chất lượng phải được ghi đầy đủ vào nhật ký theo dõi chất lượng của Bên B. Việc thí nghiệm vật liệu, thiết bị và chất lượng cấu kiện thi công phải thực hiện đầy đủ theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam và các tiêu

chuẩn khác có liên quan theo quy định trong hồ sơ thiết kế; tất cả các chi phí liên quan đến việc thí nghiệm này Bên B phải chịu. Mọi tài liệu liên quan tới chất lượng như: các tiêu chuẩn áp dụng, toàn bộ chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm các vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho xây dựng công trình đều được tập hợp trong "Hồ sơ chất lượng" của Công trình và có mục lục rõ ràng. Khi Bên B chọn các đơn vị thực hiện thí nghiệm, kiểm định chất lượng, các đơn vị đó phải có chức năng – ngành nghề hoạt động đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và được Chủ đầu tư, Bên A chấp thuận.

- ✓ Toàn bộ các vật tư, vật liệu sử dụng phải đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật do Tư vấn thiết kế lập đã được Bên A phê duyệt. Bên B phải trình mẫu cho Bên A phê duyệt trước khi đưa vào thi công. Bên B không được phép tự ý thay đổi các loại vật liệu và quy cách kỹ thuật nêu trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Trong trường hợp Bên B nhận thấy các loại vật liệu và quy cách kỹ thuật nêu trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cần phải thay đổi cho phù hợp với kỹ thuật và mỹ thuật, thì Bên B có văn bản đề nghị, Bên B chỉ được thay đổi khi Bên A chấp thuận bằng văn bản.
- Những vật tư sử dụng trong Công trường không bảo đảm yêu cầu về chất lượng sản phẩm nêu trên buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay khi Bên A yêu cầu. Mọi trách nhiệm và chi phí liên quan đến việc xử lý vật tư không đảm bảo chất lượng và yêu cầu sản phẩm kể cả trong thời gian chưa di dời đều do Bên B gánh chịu.

2.4. Yêu cầu kỹ thuật: Các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được quy định cụ thể tại **Phụ lục 02: Yêu cầu kỹ thuật.**

2.5. Yêu cầu nhân sự.

- **Ban chỉ huy:**

- ✓ Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật : ít nhất 01 người
- ✓ Công nhân thi công: Duy trì theo tiến độ xây dựng.

- Căn cứ vào cam kết nhân lực đã thống nhất giữa 2 bên nếu bên B không đáp ứng được số lượng cán bộ kỹ thuật đã cam kết như trong biểu đồ nhân lực thì bên B phải chịu Phạt 500.000 đồng /người/ngày.

Nhân lực Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp tương xứng với nghề nghiệp, công việc mà họ thực hiện theo Hợp đồng thi công. Bên A, Nhà tư vấn có thể yêu cầu Bên B điều đi (hoặc buộc phải điều đi) bất kỳ người nào được thuê trên công trường hoặc công trình, bao gồm cả Đại diện Bên B, nếu nằm trong diện phải xử lý, những người mà:

- ✓ Có thái độ không đúng hoặc thiếu cẩn thận; hoặc
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cầu thả; hoặc
- ✓ Không tuân thủ bất kỳ một điều khoản nào của Hợp đồng; hoặc
- ✓ Cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Sau khi điều chuyển những người theo quy định tại điều này, Bên B sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) người thay thế thích hợp.

2.6. Bảo hành công trình.

- Công trình được bảo hành kỹ thuật **12 tháng**, thiết bị bảo hành **12 tháng** theo nhà sản xuất (tính từ thời điểm ký biên nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng).
- Trong thời gian bảo hành, nếu phát sinh sự cố, Bên A thông báo bằng văn bản thì bên B có trách nhiệm cử đại diện đến kiểm tra xử lý trong vòng 48 giờ (2 ngày). Nếu quá 48 giờ (2 ngày) kể từ lúc Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B chưa tiến hành sửa chữa thì Bên A có quyền mời đơn vị khác tiến hành sửa chữa và toàn bộ chi phí sẽ trừ vào tiền bảo hành.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG.

- Hợp đồng trọn gói (không phát sinh tăng khối lượng và hạng mục thi công).

ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG.

4.1. Căn cứ phạm vi công việc được xác định tại Điều 1, Bên A và Bên B đồng ý xác định giá trị Hợp đồng theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ vào Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Hạng mục/ Công trình đã được Chủ đầu tư phê duyệt để làm cơ sở xác định giá trị Hợp đồng; khối lượng Công Việc nêu trong Hợp đồng này có thể được thay đổi khi Hồ sơ thiết kế thay đổi hoặc khối lượng thi công thực tế có thay đổi phát sinh tăng / giảm so với khối lượng công việc trong Bảng giá hợp đồng.
- Đơn giá Hợp đồng được xác định theo **Phụ lục 01 – Bảng giá giao nhận thầu**. Đơn giá này là cơ sở xác định giá trị Hợp đồng và làm cơ sở điều chỉnh giá trị Hợp đồng khi khối lượng Công việc của Hợp đồng có thay đổi. Hai Bên đồng ý thống nhất Đơn giá theo Bảng giá Hợp đồng là không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng dù đơn giá thị trường có tăng hoặc giảm, hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ giá, chính sách thuế hay quy định pháp luật.

4.2 Căn cứ vào phạm vi Công việc được xác định tại **Điều 2** Hợp đồng này, hai bên đồng ý xác định giá trị Hợp đồng là: **14.718.341.550 đồng (Mười bốn tỷ, bảy trăm mười tám triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn, năm trăm năm mươi đồng).**

- Giá trị hợp đồng đã bao gồm Thuế giá trị gia tăng (VAT), vật tư chính và vật tư phụ, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí lưu kho, bảo quản, vận chuyển; chi phí thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định; chi phí bảo hiểm vật tư, thiết bị của Bên B; chi phí lập hồ sơ hoàn thành công trình; chi phí nghiệm thu; trượt giá, các chi phí trực tiếp và gián tiếp khác như đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo hiểm, vận thăng, cầu thép,... theo luật định và vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng.

4.3 **Giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:**

- Chủ đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh tăng hoặc cắt giảm khối lượng Công việc so với Phạm vi công việc và **Phụ lục 01 – Bảng giá giao nhận thầu**;
- Chủ đầu tư thay đổi về thiết kế so với Hồ sơ thiết kế được duyệt (Bản vẽ hợp đồng và chỉ dẫn kỹ thuật).

Khi có thay đổi khối lượng công việc trong các trường hợp nêu trên, các Bên sẽ thống nhất lập Phụ lục Hợp đồng trước khi triển khai thực hiện.

4.4 Trong trường hợp có sự thay đổi khối lượng công việc như quy định tại **Khoản 4.3 Điều 4** Hợp đồng này:

- Đối với khối lượng công việc phát sinh có đơn giá trong Hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong Hợp đồng.
- Đối với khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá trong Hợp đồng thì hai Bên sẽ thỏa thuận trên cơ sở đơn giá thị trường tại thời điểm phát sinh hoặc tại thời điểm ký kết Phụ lục Hợp đồng cho khối lượng phát sinh.
- Nếu biện pháp thi công của Bên B làm phát sinh tăng chi phí thì Bên B phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh, kể cả trường hợp Bên A đã chấp thuận biện pháp thi công này.

ĐIỀU 5: TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN – QUYẾT TOÁN

5.1. Tiến độ thanh toán.

- (i) **Tạm ứng:** Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B **15%** giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là: **2.207.751.233** đồng (*hai tỷ hai trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, hai trăm ba mươi ba đồng*) sau khi Hợp Đồng được ký kết. Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên A thu hồi ngay từ lần thanh toán tạm đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt **80%** giá trị Hợp đồng. Tiền tạm ứng sẽ được giảm trừ trong các đợt thanh toán.
- (ii) **Thanh toán tạm đợt 1:** Sau khi Bên B thi công đạt **50%** khối lượng công việc thi công lắp đặt đường ống chữa cháy, đường ống hệ thống báo cháy, đường ống thông gió, hệ thống chống sét **theo giai đoạn 1 Phụ lục 03 - Tiến độ thi công** thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **85%** giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu (bao gồm khấu trừ tạm ứng).
- (iii) **Thanh toán tạm đợt 2:** Sau khi Bên B thi công hoàn thành **100%** khối lượng công việc thi công lắp đặt đường ống chữa cháy, đường ống hệ thống báo cháy, đường ống thông gió, hệ thống chống sét **theo giai đoạn 1 Phụ lục 03 - Tiến độ thi công** thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền bằng **85%** giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu (bao gồm khấu trừ tạm ứng).
- (iv) **Thanh toán tạm đợt 3:** Sau khi Bên B nhập đủ **100%** giá trị thiết bị vào công trình và lắp đặt hoàn thành **50%** số lượng thiết bị thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền bằng **50%** của **85%** giá trị khối lượng thiết bị được nghiệm thu (bao gồm khấu trừ tạm ứng).
- (v) **Thanh toán tạm đợt 4:** Sau khi Bên B hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị toàn bộ hệ thống **theo giai đoạn 2 Phụ lục 03** thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền bằng **50%** của **85%** giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu (bao gồm khấu trừ tạm ứng).
- (vi) **Thanh quyết toán:** Sau khi toàn bộ Hạng mục/ Công trình thuộc Phạm vi công việc của Hợp Đồng được nghiệm thu hoàn thành và Bảng Quyết toán Hợp đồng được Bên A phê duyệt, Bên B sẽ được thanh toán đến **95%** giá trị Quyết toán đồng thời khấu trừ các khoản tiền đã thanh toán tạm.

- (vii) Thanh toán tiền giữ lại (để đảm bảo bảo hành): Sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành được Chủ đầu tư, Bên A xác nhận hoặc sau khi Bên B cung cấp Thư bảo lãnh tiền giữ lại theo quy định tại **Điều 6** Hợp đồng này, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền bằng 5% giá trị Quyết toán Hợp đồng.

5.2. Đồng tiền và hình thức thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5.3. Hồ sơ thanh toán.

- (i) Thư đề nghị thanh toán;
- (ii) Hóa đơn thuế giá trị gia tăng tương ứng với đợt thanh toán;
- (iii) Hồ sơ tương ứng với đợt Tạm ứng:
 - + Thư bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại **Điều 6** Hợp đồng này.
 - + Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại **Điều 6** Hợp đồng này.
 - + Biên bản bàn giao mặt bằng có xác nhận giữa 02 Bên
- (iv) Các hồ sơ sau đây tương ứng với từng đợt thanh toán tạm:
 - + Bảng tính giá trị công việc được nghiệm thu của đợt thanh toán;
 - + Bảng tính khối lượng công việc được nghiệm thu của đợt thanh toán;
 - + Các Biên bản nghiệm thu công việc của đợt thanh toán (theo mẫu Bên A, được Chủ đầu tư chấp thuận).
 - + Bản vẽ hoàn công các công việc được nghiệm thu thuộc đợt thanh toán;
 - + Chứng nhận chất lượng hàng hoá của nhà sản xuất (CQ) - bản sao y công ty của đơn vị nhập khẩu.
 - + Chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) - bản sao y công ty của đơn vị nhập khẩu.
 - + Vận đơn đường biển (Bill of lading) - bản sao y công ty của đơn vị nhập khẩu.
 - + Danh mục thiết bị (Packing list) - bản sao y công ty của đơn vị nhập khẩu.
 - + Biên bản vi phạm Hợp đồng (nếu có vi phạm hợp đồng) được đại diện pháp luật của hai bên ký đóng dấu về việc liên quan đến các nội dung vi phạm Hợp đồng như: Tiến độ, thiết bị, nhân lực, An toàn lao động,...
 - + Sổ nhật ký công trường cho thời gian thuộc đợt thanh toán được Chỉ huy trưởng công trình của 02 bên xác nhận từng ngày (khối lượng thực hiện, số lượng công nhân trên công trình so với cam kết nhân lực, tiến độ thực hiện,...) và được đóng dấu giáp lai của 02 Bên.
- (v) Các hồ sơ sau đây tương ứng với đợt Quyết toán:
 - + Bảng Quyết toán Hợp đồng được Chủ đầu tư, Bên A phê duyệt.
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình có xác nhận của Chủ đầu tư, Bên A (theo mẫu Bên A).
 - + Bản vẽ hoàn công được Chủ đầu tư, Bên A phê duyệt;

- + Hồ sơ chất lượng của Hạng mục/ Công trình (theo mẫu Bên A) ;
- + Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- + Giấy chấp thuận nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy do Cơ Quan Phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền cấp;
- + Biên bản vi phạm Hợp đồng (nếu có vi phạm hợp đồng) được đại diện pháp luật của hai bên ký đóng dấu về việc liên quan đến các nội dung vi phạm Hợp đồng như: Tiến độ, thiết bị, nhân lực, An toàn lao động,...

(vi) Hồ sơ tương ứng với đợt Thanh toán tiền giữ lại:

- + Biên bản xác nhận Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành có xác nhận của Chủ đầu tư, Bên A (theo mẫu Bên A); hoặc
- + Thư bảo lãnh tiền giữ lại theo quy định tại **Điều 6**

5.4 Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán giá trị Hợp đồng bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên B nêu phần đầu Hợp đồng.

5.5 Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

5.6 Thời hạn tạm ứng, thanh toán:

Kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như quy định tại **Điều 5.1** và **Điều 5.3** nêu trên thì:

- ✓ Bên A thực hiện tạm ứng cho bên B trong vòng **20** (hai mươi) ngày làm việc;
- ✓ Bên A thực hiện thanh toán cho bên B trong vòng **15** (mười lăm) ngày làm việc;
- ✓ Bên A thực hiện quyết toán cho bên B trong vòng **60** (sáu mươi) ngày làm việc;

ĐIỀU 6: BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG VÀ BẢO ĐẢM TIỀN GIỮ LẠI

6.1. Các loại bảo lãnh được phát hành bởi ngân hàng : Bên B, trên cơ sở Hợp đồng này phải yêu cầu một ngân hàng có uy tín được thành lập tại Việt Nam phát hành các loại bảo lãnh sau: (i) Bảo lãnh tạm ứng; (ii) Bảo lãnh đảm bảo tiền giữ lại; (iii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

6.2. Nội dung của bảo lãnh: Nội dung của bảo lãnh do ngân hàng phát hành theo mẫu của Bên A và phải có giá trị cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang được Bên A đồng ý và xác nhận vào mẫu bảo lãnh. Trong trường hợp cần thiết, Bên A có thể phát hành riêng một mẫu bảo lãnh chung để Bên B sử dụng và yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh theo mẫu đó.

6.2.1 Bảo đảm tiền tạm ứng:

- (i) Bên B cung cấp Thư bảo lãnh tạm ứng cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ ngày hai Bên ký kết Hợp đồng để bảo đảm số tiền mà Bên A tạm ứng cho Bên B trong suốt thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này. Thư bảo lãnh tạm ứng phải theo mẫu và được phát hành bởi Ngân hàng được Bên A chấp thuận.
- (ii) Giá trị Thư bảo lãnh tạm ứng bằng Số tiền tạm ứng quy định tại Điểm (i), **Điều 5.1**.
- (iii) Thời gian có hiệu lực của Thư bảo đảm tạm ứng tính từ ngày phát hành cho đến ngày số tiền tạm ứng được thu hồi hết cộng thêm 15 ngày.

- (iv) Giá trị bảo lãnh tạm ứng sẽ được thu hồi dần theo quy định tại Điểm (ii), **Điều 5.1.**
- (v) Nếu vào thời điểm 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh tạm ứng mà toàn bộ Số tiền tạm ứng còn chưa được thu hồi hết, Bên B phải gia hạn thời hạn Thư bảo lãnh tạm ứng cho tới khi Số tiền tạm ứng được thu hồi hết.
- (vi) Vào thời điểm trước 15 ngày hết hạn Thư bảo lãnh tạm ứng bên B phải gửi Thư bảo lãnh tạm ứng đã được gia hạn cho Bên A, từ ngày thứ 14 cho đến khi hết hạn Thư bảo lãnh mà Bên B không gửi Thư bảo lãnh được gia hạn thời gian thì bên A mặc nhiên có quyền thu hồi giá trị Thư bảo lãnh tạm ứng.
- (vii) Giá trị bảo lãnh tương ứng với thời hạn gia hạn đề cập tại Điểm (v) **Khoản 6.2.1** này bằng giá trị số tiền tạm ứng còn chưa được thu hồi.
- (viii) Trong trường hợp thời gian thực hiện Hợp đồng được gia hạn, Bên B phải gia hạn thời hạn Thư bảo lãnh tạm ứng tương ứng thời gian Hợp đồng được gia hạn và giá trị bảo lãnh khi đó sẽ áp dụng theo Điểm (v) **Khoản 6.2.1** này.
- (ix) Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn thì toàn bộ số tiền tạm ứng chưa được thu hồi phải được hoàn trả cho Bên A sau khi trừ đi chi phí các hạng mục mà Bên B đã thực hiện. Thời gian thanh toán trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ Ngày chấm dứt theo Thư thông báo của Bên A.
- (x) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết thì Bên B phải cung cấp đầy đủ chứng thư bảo lãnh tạm ứng (nếu có tạm ứng) cho Bên A. Trường hợp quá 15 ngày mà Bên B chưa cung cấp đầy đủ chứng thư bảo lãnh tạm ứng cho Bên A thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B phải chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng cho Bên A.
- (xi) Bên A có quyền từ chối thanh toán cho Bên B trong trường hợp Bên B không gia hạn chứng thư tạm ứng khi thời gian hiệu lực chứng thư kéo dài cho đến khi Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng hoặc thời gian gia hạn chứng thư không liên tục.

6.2.2 Thư Bảo lãnh tiền giữ lại (để đảm bảo bảo hành):

- (i) Thư bảo lãnh tiền giữ lại phải theo mẫu và được phát hành bởi Ngân hàng được Bên A chấp thuận;
- (ii) Số tiền được bảo lãnh bằng 5% giá trị quyết toán;
- (iii) Thời hạn bảo lãnh là 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao toàn bộ Hạng mục theo hợp đồng đã ký đưa vào sử dụng;
- (iv) Hiệu lực của Thư bảo lãnh bằng Thời hạn bảo lãnh cộng thêm 15 ngày;
- (v) Nếu vào thời điểm 15 ngày trước ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh tiền giữ lại mà Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ bảo hành thì Thư bảo lãnh tiền giữ lại phải được gia hạn đến ngày sẽ do hai Bên thỏa thuận.

6.2.3. Thư Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

- (i) Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng phải theo mẫu và được phát hành bởi Ngân hàng được Bên A chấp thuận;
- (ii) Số tiền được bảo lãnh bằng 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng;
- (iii) Thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng tính từ ngày phát hành cho đến hết thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 15 (mười lăm) ngày.

- (iv) Hiệu lực của Thư bảo lãnh bằng Thời hạn bảo lãnh cộng thêm 15 ngày;
- (v) Nếu vào thời điểm 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh mà Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng thì Thư bảo lãnh phải được gia hạn đến ngày sẽ do hai Bên thoả thuận.
- (vi) Vào thời điểm trước 15 ngày hết hạn Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng bên B phải gửi Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng đã được gia hạn cho Bên A, từ ngày thứ 14 cho đến khi hết hạn Thư bảo lãnh mà Bên B không gửi Thư bảo lãnh được gia hạn thời gian thì bên A mặc nhiên có quyền thu hồi giá trị Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- (vii) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết thì Bên B phải cung cấp đầy đủ chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Trường hợp quá 15 ngày mà Bên B chưa cung cấp đầy đủ chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B phải chịu phạt 5% tổng giá trị hợp đồng cho Bên A.
- (viii) Bên A có quyền thu hồi 5% tổng giá trị Hợp đồng của thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng hoặc thực hiện hợp đồng chậm tiến độ như đã cam kết với Bên A.

ĐIỀU 7: NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH/HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

7.1. Sau khi các công việc của từng hạng mục công trình theo Hợp đồng thi công được thi công xong thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu hạng mục công trình/công trình. Kế hoạch nghiệm thu được Bên B thông báo cho Bên A tuân theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ và các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và tuân thủ các quy định được ban hành của Bên A.

7.2. Bên B thông báo cho Bên A để nghiệm thu công trình/hạng mục công trình không muộn hơn 07 ngày trước khi công trình/hạng mục công trình được nghiệm thu và sẵn sàng để bàn giao.

7.3. Sau khi công trình/hạng mục công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai Bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình/hạng mục công trình theo Hợp đồng.

7.4. Nếu có những việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình/ hạng mục công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình/ hạng mục công trình. Ngày xác nhận những công việc nhỏ còn tồn đọng và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình/hạng mục công trình nói trên được xác nhận là ngày bàn giao công trình/hạng mục công trình thực tế.

7.5. Bằng trách nhiệm và kinh phí của mình Bên B phải thực hiện các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Nhà tư vấn và Bên A yêu cầu. Trường hợp Bên B thi công không đạt yêu cầu kỹ thuật được nghiệm thu thì Bên B phải chịu trách nhiệm xử lý đạt yêu cầu của hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công.

7.6. Sau khi đã ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó được nêu trong Biên bản.

ĐIỀU 8: BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

8.1. Sau ngày bàn giao toàn bộ công trình, Bên B phải thực hiện các nghĩa vụ bảo hành toàn bộ công trình theo các nội dung sau : khắc phục, sửa chữa, thay thế hư hỏng, khiếm khuyết, có chất lượng không đảm bảo hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường mà không phải do lỗi của Bên A hoặc Bên thứ ba gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên B.

8.2. Thời hạn bảo hành công trình: Bên B có trách nhiệm bảo hành các Hạng mục công trình trong thời gian **12 tháng** tính từ ngày bàn giao Hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

8.3. Hình thức bảo hành : Bên B sẽ nộp cho Bên A Thư bảo lãnh bảo hành công trình đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

8.4. Trong thời gian bảo hành Công trình, Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá **02 (hai)** ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư, Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này. Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B.

ĐIỀU 9: BẢO HIỂM CÔNG TRÌNH

9.1. Chủ đầu tư của Bên A có trách nhiệm mua bảo hiểm công trình theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Việc mua bảo hiểm của Bên A không làm giảm trách nhiệm hoặc miễn trách nhiệm cho Bên B trong trường hợp Bên B có lỗi gây ra thiệt hại.

9.2. Bên B phải mua bảo hiểm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn: bảo hiểm cho thiết bị thi công, bảo hiểm cho nhân lực của Bên B trước Ngày khởi công 03 ngày đến hết thời hạn bảo hành công trình;

9.3. Bên B phải nộp cho Bên A Giấy chứng nhận bảo hiểm nêu tại Điều này khi Bên A yêu cầu. Khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với Công trình mà Bên B có thể được bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm xây dựng công trình, Bên B phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Bên B không thực hiện những thủ tục theo Hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp Bên B được bồi thường thì Bên B phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư của Bên A và đơn vị bảo hiểm.

ĐIỀU 10: VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, ĐƯỜNG VÀO CÔNG TRÌNH

10.1. Vận chuyển hàng hóa

- Bên B phải thông báo cho Nhà tư vấn hoặc Bên A không ít hơn 03 ngày đối với mọi thiết bị và hàng hóa phục vụ thi công hạng mục phần thô, bê tông cốt thép và không ít hơn 21 ngày, trước ngày mà các thiết bị hoặc hạng mục chính của hàng hóa khác sẽ được giao đến công trường.
- Bên B phải chịu trách nhiệm đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, tiếp nhận, bốc dỡ, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng cần thiết khác cho công trình.

- Bên B phải bồi thường và đảm bảo cho Bên A không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do việc vận chuyển hàng hóa, và sẽ đàm phán và trả cho mọi khiếu nại này sinh do việc vận chuyển chúng.
- Bên B không được vận chuyển hàng hóa bị cấm hoặc không liên quan đến công việc của Bên B vào công trường.

10.2. Đường vào công trường

10.2.1 Bên B được coi là đã thỏa mãn về sự thích hợp và có sẵn của các tuyến đường vào công trường. Bên B phải có các nỗ lực hợp lý để tránh làm cho mọi cầu hoặc đường khỏi bị hư hỏng do phương tiện giao thông vận tải hoặc nhân lực của Bên B gây ra. Các nỗ lực này bao gồm cả việc sử dụng các loại xe và tuyến đường thích hợp.

10.2.2 Trừ trường hợp được quy định khác trong mỗi Hợp đồng thi công:

- (i) Bên B (trong quan hệ giữa các Bên) chịu trách nhiệm về bất kỳ việc bảo trì nào có thể được đòi hỏi cho việc Bên B sử dụng các tuyến đường vào.
- (ii) Bên B phải làm các biển báo hoặc chỉ dẫn cần thiết dọc theo đường vào và xin được mọi cấp phép cần thiết của các nhà chức trách có thẩm quyền về việc sử dụng các tuyến đường, biển báo và chỉ dẫn.

ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

11.1. Trách nhiệm của bên A:

- Tạo điều kiện cho Bên B thi công thuận lợi, cử cán bộ có đủ trách nhiệm, quyền hạn giám sát vật liệu và kỹ thuật thi công.
- Bàn giao toàn bộ những văn bản liên quan tới việc thực hiện công việc, 01 bộ hồ sơ bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt cho Bên B.
- Bàn giao mặt bằng, mốc cao độ, toạ độ công trình và thống nhất kỹ thuật trước khi thi công công trình cho Bên B thi công đúng tiến độ qui định.
- Phổ biến nội quy công trường cho Bên B.
- Bên A cử đại diện thay mặt cho Bên A trong công tác giám sát thi công trong suốt thời gian thực hiện công việc theo hợp đồng này. Chỉ định đại diện (bằng văn bản) thay mặt Bên A để giải quyết tất cả công việc có liên quan tới việc thực hiện hợp đồng này.
- Phê duyệt và thông qua biện pháp thi công, an toàn lao động và tiến độ chi tiết do Bên B lập.
- Khi có phát sinh do thay đổi thiết kế, do điều kiện địa chất hoặc những nguyên nhân khác, Bên A có trách nhiệm xác nhận những thay đổi đó bằng văn bản để Bên B có thể thi công được liên tục.
- Bên A (hoặc Chủ đầu tư của Bên A) có quyền vào các cơ sở của Bên B để kiểm tra quá trình chế tạo các vật liệu và thiết bị phục vụ cho việc thực hiện Hợp đồng.

11.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hoạt động hành vi cá nhân của mình.

- Gửi danh sách cán bộ kỹ thuật phụ trách cho bên A.
- Cử cán bộ Kỹ thuật có mặt trực tiếp trên công trường trong suốt thời gian làm việc và chịu trách nhiệm chính toàn bộ tiến độ, kỹ thuật thi công cũng như phối hợp với Bên A tham dự các cuộc họp giao ban và các cuộc họp bàn biện pháp thi công trên công trường.
- Bên B phải mua bảo hiểm con người, bảo hiểm thiết bị, máy móc phục vụ công tác thi công.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm thí nghiệm, kiểm định vật liệu theo yêu cầu của Bên A và chủ đầu tư (nếu cần).
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và thiết bị trong quá trình thi công. Chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật và phí tổn nếu để xảy ra tai nạn lao động.
- Thực hiện đúng nội quy công trường, nội quy an toàn lao động do Bên A quy định.
- Cung cấp đầy đủ, chính xác các Chứng chỉ, Giấy kiểm định Kỹ thuật, An toàn các thiết bị đưa vào công trường, bằng cấp, giấy khám sức khoẻ công nhân trực tiếp điều khiển thiết bị. Công nhân Bên B tham gia thi công trong công trường phải được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động như: đồng phục, mũ bảo hộ, giày hoặc ủng tuý theo công việc, thẻ đeo...
- Vật tư, thiết bị phải được trình mẫu, đầy đủ chứng chỉ xuất xứ, kiểm định vật liệu (CO, CQ) và kiểm tra thực tế trước khi lắp đặt.
- Trường hợp Bên A phát hiện Bên B cung cấp thiết bị và vật tư không đúng chủng loại, chất lượng tiêu chuẩn và quy cách của sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp thì Bên B phải chịu một khoản tiền phạt tương ứng với **10%** (Mười phần trăm) giá trị khối lượng của hạng mục mà thi công bằng vật tư đó. Và cung cấp thiết bị và vật tư đúng chủng loại đồng thời chịu toàn bộ chi phí cho việc lắp đặt lại.
- Trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng (nếu Bên B vi phạm về tiến độ thi công, chất lượng sản phẩm, kỹ thuật thi công,...), Bên B phải bồi thường theo hợp đồng và đồng thời bên B phải chịu toàn bộ chi phí để Bên A tiến hành chọn lựa nhà thầu khác để làm phần việc của Bên B còn dang dở và khắc phục những hậu quả do lỗi bên B gây ra.
- Các vật tư thiết bị thi công tại công trình, Bên B phải kê khai trước khi đưa vào Công trình.
- Tổ chức thi công đúng thiết kế, bản vẽ thi công chi tiết, mẫu sản phẩm, mẫu vật tư đã được Bên A duyệt và xác nhận theo nội dung công việc và chất lượng qui định của Hợp đồng.
- Bên B thi công vật liệu đúng quy cách, chủng loại, màu sắc, số lượng, thi công đạt kỹ thuật, mỹ thuật, đúng thiết kế theo yêu cầu của Chủ Đầu tư, Bên A và theo hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng do Bên A quy định. Bên B phải chịu mọi chi phí nếu trong quá trình thi công để xảy ra sự cố hoặc thi công không đảm bảo chất lượng phải sửa chữa, gia cố, làm lại.
- Bên B sẽ phải thông báo cho Bên A biết khi mà công việc được hoàn thành và sẵn sàng cho việc kiểm tra. Nếu sự kiểm tra của Bên A xác định công việc đã được hoàn thành, Bên A sẽ cấp phát giấy chứng nhận hoàn thành cho Bên B. Nếu Bên A thông báo cho Bên

B về một số công việc cần làm thêm hoặc cần sửa và hoàn thành trước khi phát hành giấy chứng nhận hoàn thành, Bên B sẽ thực hiện các hạng mục cần làm thêm hoặc cần sửa chữa ngay.

- Chịu trách nhiệm thử nghiệm, hướng dẫn sử dụng cho Chủ Đầu tư và Bên A.
- Chịu trách nhiệm bảo hành công trình từ khi nhận được thông tin từ Bên A. Sửa chữa kịp thời và chịu chi phí (nếu có) trong thời gian bảo hành công trình.
- Chi phí tiêu thụ điện, nước do Bên B trả.
- Thi công đúng tiến độ quy định tại theo phụ lục đính kèm của hợp đồng.
- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà Nước về bảo vệ môi trường.
- Phải có cán bộ phụ trách an toàn khi làm việc trên công trường.
- Trong quá trình thi công nếu có sự cố xảy ra các vấn đề ảnh hưởng đến các công trình xung quanh và an toàn con người thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu có phát sinh chi phí thì Bên B phải tự chịu chi trả.
- Tự chịu các chi phí phát sinh trong trường hợp không được Chủ đầu tư nghiệm thu.
- Bên B phải đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra tai nạn ngoài ý muốn trong quá trình thi công thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B phải có trách nhiệm và nghĩa vụ về vấn đề lương và chế độ cho công nhân của mình. Mọi tranh chấp về vấn đề này phải do tự Bên B giải quyết không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và Bên A.
- Bên B phải giữ bí mật mọi thông tin có được liên quan đến Hợp đồng, trừ các trường hợp phải tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng cần thiết để thực hiện công việc theo Hợp đồng.
- Bên B phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong khoảng thời gian 02 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên B không trả lời thì được coi như Bên B đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên A.
- Bên B phải đảm bảo an ninh, giao thông và các vấn đề khác để Bệnh viện và nhà dân xung quanh hoạt động bình thường trong giai đoạn thi công.
- Hệ thống Phòng cháy chữa cháy phải được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ thi công được duyệt và phương thức nghiệm thu theo tiêu chuẩn của cơ quan Phòng cháy chữa cháy. Bên B phải chịu mọi chi phí điều chỉnh và không phát sinh tăng ngoài hợp đồng trường hợp do lỗi của Bên B.
- Nếu công trình không đảm bảo chất lượng hoặc không được Chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng trường hợp do lỗi của Bên B thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm để hệ thống được nghiệm thu.

ĐIỀU 12: AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO HIỂM CÔNG NHÂN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ.

12.1. An toàn lao động và bảo hiểm công nhân.

- Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, chịu trách nhiệm an toàn lao động về con người và máy móc thiết bị. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường mọi vấn đề liên quan đến an toàn lao động mà lỗi do Nhân lực của Bên B hoặc quá trình thi công không đảm bảo an toàn của Bên B gây ra.
- Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm tai nạn đối với nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.
- Nếu Bên B chưa mua bảo hiểm của công nhân thì trước khi Bên B tiến hành thi công 03 ngày, Bên B phải gửi danh sách công nhân (đính kèm Chứng minh nhân dân photo) cho Bên A để Bên A tiến hành mua bảo hiểm cho công nhân của bên B (số tiền này sẽ được trừ vào đợt thanh toán khối lượng đầu tiên). Bên A chỉ cho phép những công nhân đã mua bảo hiểm tai nạn mới được vào thi công tại công trình.
- Bên B phải tuân thủ các quy định an toàn lao động của Bên A đề ra. Nếu Bên B vi phạm các quy chế An toàn lao động của Bên A, Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Bên A đề ra, chi tiết đính kèm **Phụ lục 02: Quy định tuân thủ về an toàn và vệ sinh công trình.**

12.2. Bảo vệ môi trường.

- Bên B thi công phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.
- Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

12.3. Phòng chống cháy nổ.

- Các bên tham gia thi công phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.
- Nếu có cháy, nổ xảy ra trên công trình thì xem xét trách nhiệm của các Bên có liên quan nếu Bên nào sai thì Bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho các bên bị hại.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KIỆN VỀ CÔNG TRƯỜNG

13.1. Bên B được coi là đã kiểm tra và xem xét Công trường, khu vực xung quanh Công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn trước khi nộp Hồ sơ dự thầu, bao gồm:

- (i) Địa hình và hiện trạng của Công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất Công trình;
- (ii) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- (iii) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành Công trình và sửa chữa sai sót.
- (iv) Các quy định của pháp luật về lao động;

- (v) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.
- (vi) Bên B được coi là đã thoả mãn về tính đúng và đủ của điều kiện Công trường để xác định giá Hợp đồng.
- (vii) Nếu Bên B gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Bên B cho là không lường trước được, thì Bên B phải thông báo cho Chủ đầu tư, Bên A biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư, Bên A có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Bên B coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Bên B phải tiếp tục thi công xây dựng Công trình, sử dụng các biện pháp thoả đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư, Bên A có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì áp dụng theo “Điều 15: Rủi ro và bất khả kháng” của Điều kiện chung này.

ĐIỀU 14: ĐIỆN, NƯỚC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG

14.1 Điện, nước trên công trường.

- Bên B phải tự chịu chi phí điện, nước sử dụng trên công trình.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp nguồn điện, nước đủ điều kiện thi công, Bên B tự chịu chi phí đấu nối và dẫn nguồn điện nước đến nơi sử dụng.

14.2 An ninh công trường.

- Trước khi Bên B tiến hành thi công thì Bên B phải thông báo bằng văn bản số người tham gia thực hiện thi công để Bên A thuận tiện quản lý;
- Bên B phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;
- Bên B có trách nhiệm và phối hợp cùng với cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề an ninh, trật tự xảy ra trong hoặc ngoài công trường có ảnh hưởng đến hoạt động thi công hoặc công việc của Bên B bằng chi phí của mình

14.3 Hành vi gây rối.

- Bên B phải luôn luôn có mọi biện pháp phòng ngừa thích hợp để phòng ngừa bất kỳ hành động phi pháp, gây rối hoặc làm mất trật tự nào gây ra do hoặc giữa các nhân viên của Bên B và để bảo vệ sự yên bình cho con người và tài sản ở trên và gần công trường.

14.4 Cung cấp nước, thực phẩm

- Bên B có xem xét điều kiện tại địa phương và bằng chi phí của mình cung cấp đầy đủ nước uống an toàn, thực phẩm và nước sử dụng khách (sinh hoạt và sản xuất) trên công trường cho nhân sự của Bên B.

14.5 Bảo vệ môi trường

- Bên B phải thực hiện những bước hợp lý nhằm bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài công trường) và hạn chế hư hại, ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và những hậu quả khác do hoạt động của Bên B gây ra.

- Bên B phải luôn luôn có biện pháp phòng ngừa cần thiết để bảo vệ nhân sự của Bên B trên công trường khỏi côn trùng và sâu bọ gây hại, và để giảm mọi nguy hại cho sức khỏe của họ. Bên B phải tuân thủ những quy định của cơ quan y tế địa phương, bao gồm cả việc sử dụng thuốc diệt côn trùng.
- Bên B phải bảo đảm rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Bên B gây ra không vượt quá giới hạn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

14.6 Rượu, cần, ma túy, vũ khí, chất nổ

- Bên B và nhân sự của Bên B sẽ không được sử dụng, tàng trữ, trao đổi hoặc mua bán rượu, cần, ma túy, chất kích thích, vũ khí, chất nổ hoặc các loại hóa chất có tính chất tương tự trước khi đến làm việc tại công trường hoặc tại công trường.

ĐIỀU 15: RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

15.1 Rủi ro và bất khả kháng:

- Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.
- Bất khả kháng là một sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của hai Bên như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh (có tuyên bố hay không có tuyên bố), dịch bệnh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mà không do hành vi vi phạm pháp luật.

15.2 Hậu quả của các rủi ro: Nếu và trong chừng mực nào đó, mọi rủi ro được nêu tại điểm (i) Điều 15.1 Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho Công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên B thì Bên B phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư, Bên A và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư, Bên A yêu cầu.

15.3 Trách nhiệm của Bên B đối với rủi ro

- Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm Công trình và hàng hoá, vật tư, thiết bị từ Ngày khởi công cho đến ngày phát hành Biên bản nghiệm thu và bàn giao Công trình đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, các Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hàng tháng hoặc Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình không được xem là cơ sở chuyển giao trách nhiệm từ Bên B cho Chủ đầu tư và Bên A, trừ khi Biên bản đó có ghi rõ là trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của Công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư và Bên A thì hạng mục đó sẽ được chuyển cho Chủ đầu tư và Bên A.
- Sau khi Chủ đầu tư, Bên A nhận bàn giao theo Biên bản nghiệm thu và bàn giao Công trình đưa vào sử dụng, Bên B vẫn có trách nhiệm bảo đảm đối với bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong được nêu trong Biên bản nghiệm thu và bàn giao Công trình đưa vào sử dụng cho đến khi các công việc này được hoàn thành.
- Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho Công trình, vật tư thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Bên B đang chịu trách nhiệm được nêu trong "**Khoản 15.3 Trách nhiệm của Bên B đối với rủi ro**" của Hợp đồng này, Bên B sẽ phải sửa chữa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Bên B, để Công trình, vật tư thiết bị và tài liệu của Bên B được hoàn thành đúng với Hợp đồng.

- (iv) Bên B phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi Biên bản nghiệm thu và bàn giao Công trình đưa vào sử dụng đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó nếu nguyên nhân được xác định thuộc trách nhiệm của Bên B.

ĐIỀU 16: BỒI THƯỜNG RỦI RO

16.1 Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ Dự án, các nhân viên của Chủ Dự án đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- (i) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết, của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ Dự án, các nhân viên của Chủ Dự án, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;
- (ii) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:
 - Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót;
 - Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

16.2 Chủ đầu tư và Bên A phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên B, các nhân viên của Bên B đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hay chết được quy cho sự cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư và Bên A, các nhân viên của Chủ đầu tư và Bên A.

16.3 Thông báo về bất khả kháng:

- (i) Nếu một Bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải:
 - Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ mà không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
 - Gửi thông báo cho Bên còn lại về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở cùng các biện pháp khắc phục. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.
- (ii) Bên bị ảnh hưởng bất khả kháng, khi đã tiến hành đầy đủ các công việc nêu trên, sẽ được miễn trừ trách nhiệm pháp lý từ việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng.

16.4 Các hậu quả của bất khả kháng:

- Nếu Bên B bị cản trở hoặc chậm trễ thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng mà đã tuân thủ tất cả các nghĩa vụ theo quy định tại **“Khoản 16.3 Thông báo về bất khả kháng”** của Hợp đồng này, Bên B sẽ có quyền đề nghị gia hạn thời gian hoàn thành bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên kia

bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình, và được hai Bên cùng nhau xác nhận bằng văn bản của Hợp đồng này.

ĐIỀU 17: THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO

17.1 Mọi thông tin, thông báo của một Bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng phải được gửi đến cho Bên kia thông qua địa chỉ liên lạc nêu tại phần thông tin của Bên A và Bên B.

17.2 Hình thức thông tin: dữ liệu bằng văn bản, dữ liệu điện tử, fax. Nếu thông tin bằng dữ liệu điện tử hoặc fax, sẽ phải được xác nhận bằng văn bản bởi Đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

17.3 Thông tin được xem là đã được gửi kể từ ngày Bên nhận nhận được thông tin. Hoặc được xác định là ngày thứ 03 (ba) kể từ ngày gửi thư qua bưu điện căn cứ trên phiếu gửi thư và dấu bưu điện.

ĐIỀU 18: CAM KẾT VÀ KHẲNG ĐỊNH CỦA BÊN B

- Bên B không hứa hẹn, đề nghị hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các khoản chi trả bằng tiền hoặc tương đương tiền cho bất kỳ nhân viên nào của Bên A với bất kỳ lý do gì, nhằm đối lấy việc Bên B có được và duy trì Hợp đồng này.

- Bên B sẽ thông báo ngay lập tức cho Bên A khi có bất kỳ nhân viên nào nhân danh hoặc đại diện cho Bên A, gợi ý hoặc đề nghị với Bên B về các khoản chi trả hoặc bất kỳ vật gì có giá trị nhằm đối lấy Bên B có được và duy trì Hợp đồng này.

- Bên B (Đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền, toàn bộ nhân viên của bên B) cam kết giữ bí mật thông tin Hợp đồng, dự án thuộc Hợp đồng mà Bên B ký kết với Bên A và không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng cho Bên thứ ba (Trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước) hoặc dùng thông tin Hợp đồng có được gây ảnh hưởng đến uy tín, quyền lợi của Bên A.

- Hai Bên nhất trí rằng nếu Bên B vi phạm các khẳng định và cam kết tại Điều này thì Bên A có quyền, nhưng không bắt buộc đơn phương chấm dứt hợp đồng và áp dụng khoản phạt vi phạm Hợp đồng không quá 12% tổng giá trị hợp đồng mà bên B ký kết với bên A, đồng thời có quyền thu hồi 100% giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (nếu có) và yêu cầu Bên B bồi thường mọi thiệt hại phát sinh gây ra cho Bên A.

- Hai bên cam kết các quy định tại Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực kể cả khi Hợp đồng này hết hiệu lực.

ĐIỀU 19: CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên có quyền thỏa thuận về sửa đổi bổ sung hợp đồng. Sự thỏa thuận đó phải được lập thành văn bản và được xem như là một phụ lục của hợp đồng và có giá trị pháp lý như hợp đồng đã được ký.

- Theo phụ lục hợp đồng đính kèm.

Trường hợp Bên B có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền và bồi thường cho Bên A (nếu có) thì trong vòng 15 ngày (kể từ ngày Bên A gửi công văn yêu cầu cho Bên B). Nếu quá thời gian trên thì Bên B phải chịu lãi suất là 0,3% (không phải ba phần trăm) cho mỗi ngày trả chậm nhân với số tiền Bên B phải hoàn trả và bồi thường cho Bên A. Tổng số các lần phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Bên A có quyền đình chỉ hoặc từ chối thực hiện hợp đồng trong các trường hợp:
 - Bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng.
 - Công trình thi công không đảm bảo chất lượng quy định và không thể sửa chữa khắc phục.
 - Không đảm bảo tiến độ thi công gây thiệt hại lớn cho Bên A, gây mất an toàn nghiêm trọng về người và thiết bị trong quá trình thi công đồng thời Bên B sẽ phải chịu các chi phí phát sinh mà Bên A phải gánh chịu do phải thuê nhà thầu phụ khác hoàn tất công việc của hợp đồng và tiền phạt của chủ đầu tư đối với Bên A do việc thực hiện công việc của hợp đồng này gây ra.
 - Bên B phải tuân thủ các quy định an toàn lao động của Bên A đề ra. Nếu Bên B vi phạm các quy chế An toàn lao động của Bên A, Bên B sẽ bị phạt theo quy định của Bên A đề ra, chi tiết đính kèm **Phụ lục 02: Quy định tuân thủ về an toàn và vệ sinh công trình.**
 - Nếu hệ thống phòng cháy chữa cháy không đảm bảo chất lượng trong từng giai đoạn thi công, không được Chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu thì Bên B phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B. Và Bên B phải bồi thường thêm cho Bên A toàn bộ giá trị của hạng mục đó và tất cả các chi phí phát sinh để khắc phục hạng mục đó.
- Bên B có quyền tạm dừng công việc hoặc chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp:
 - Bên A bị phá sản hoặc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm dừng hoạt động.

ĐIỀU 20: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

20.1 Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm tiến độ:

20.2 Bồi thường thiệt hại và phạt do vi phạm tiến độ:

(i) Căn cứ Phụ lục 02: TIẾN ĐỘ THI CÔNG

(ii) Trong Trường hợp tổng số ngày chậm tiến độ của các giai đoạn ở bất kỳ thời điểm nào không vượt quá 10 ngày, nếu vượt quá 10 ngày thì ngoài khoản bồi thường do chậm trễ tiến độ như nêu trên, Bên A có quyền:

- ✓ Thuê một Nhà thầu khác vào hỗ trợ Bên B, và toàn bộ chi phí phát sinh do việc thực hiện này sẽ được Bên A khấu trừ ngay vào đợt thanh toán khối lượng đó của Bên B; hoặc
- ✓ Bổ sung thêm các đội khoán để hỗ trợ Bên B, và toàn bộ chi phí phát sinh do việc thực hiện này sẽ được Bên A khấu trừ ngay vào đợt thanh toán khối lượng đó của Bên B; hoặc
- ✓ Trường hợp Bên B nợ lương của các đội khoán, công nhân, kỹ thuật của Bên B trên công trình quá 30 ngày thì Bên A có quyền thay mặt Bên B làm việc với các đội khoán, công nhân, kỹ thuật của Bên B trên công trình về việc thanh toán các khoản chi phí liên quan và toàn bộ chi phí này sẽ được Bên A khấu trừ ngay vào đợt thanh toán khối lượng đó của Bên B; hoặc

- ✓ Chấm dứt hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi phí tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu khác, chi phí thực hiện thanh lý hợp đồng, chi phí khác (nếu có),...); Bên B phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán cho Bên B (sau khi đã khấu trừ phần chi phí được Bên A đồng ý nghiệm thu hạng mục), đồng thời Bên B phải chịu mức phạt bằng 12% (Mười hai phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng và bồi thường các thiệt hại khác (nếu có).

20.3 Phạt vi phạm về chất lượng Công trình: Ngoài việc Bên B phải chịu chi phí khắc phục về chất lượng, Bên B phải chịu mức phạt 12% giá trị khối lượng công việc kém chất lượng và bồi thường các chi phí thiệt hại khác (nếu có).

20.4 Phạt và bồi thường vi phạm về việc không hoàn thành nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy với cơ quan có thẩm quyền: Trường hợp Bên B đã hoàn thành thi công lắp đặt toàn bộ hệ thống Phòng cháy chữa cháy của dự án nhưng không cung cấp được cho Bên A giấy chấp thuận nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy đưa vào sử dụng do Cơ quan Phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền cấp trước ngày 30/07/2020 thì Bên B phải hoàn lại toàn bộ chi phí mà Bên A đã thanh toán cho Bên B. Toàn bộ khối lượng đường ống vật tư thiết bị Bên B đã thi công lắp đặt tại công trình thuộc quyền sở hữu Bên A.

20.5 Phạt chậm thanh toán: Trường hợp Bên A quá hạn thanh toán theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này thì Bên A phải thanh toán lãi suất không kỳ hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại thời điểm chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán cho những ngày chậm thanh toán.

ĐIỀU 21: TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG:

- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
- Bất cứ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền hoặc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thịnh Trí bằng phương thức hòa giải và phán quyết của Tòa án có thẩm quyền hoặc Trung tâm Trọng tài Thương mại Thịnh Trí sẽ là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 22: QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

22.1 Quyết toán Hợp đồng: Trong vòng 07 ngày sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao Công trình, Bên B sẽ trình cho Bên A, Chủ đầu tư 05 bộ hồ sơ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B;

- Hồ sơ hoàn thành công trình;
- Các tài liệu khác theo quy định pháp luật và theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

22.2 Thanh lý Hợp đồng: Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt theo **Điều 11.2** hợp đồng này.

22.3 Chấm dứt trách nhiệm của Bên A: Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng và hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Bên B.

ĐIỀU 23: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng, cũng như trong các phụ lục của hợp đồng (nếu có).
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký được quy định tại **Điều 2** và thời gian thanh lý hợp đồng được quy định tại **Điều 22** kể từ ngày hợp đồng được thực hiện hoàn tất. Kể từ ngày hai bên ký vào biên bản thanh lý thì hiệu lực hợp đồng chấm dứt. Tuy nhiên trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên được xác nhận trong biên bản thanh lý vẫn có hiệu lực pháp lý cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



LÊ NHÀN

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THUẬN THUYỀN

(Mẫu chứng thư bảo lãnh này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng)

MẪU CHỨNG THƯ BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

Kính gửi: Công ty....., ngày ____ tháng ____ năm ____

(sau đây gọi là Bên nhận bảo lãnh)

Căn cứ thỏa thuận Hợp đồng số : [Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng] (sau đây gọi là “Hợp đồng”)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu phụ] (sau đây gọi là Bên được bảo lãnh) phải nộp cho Bên nhận bảo lãnh một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Bên được bảo lãnh phải xem xét trước, thanh toán cho Bên nhận bảo lãnh khi Bên nhận bảo lãnh có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày [Theo hợp đồng]

Sau thời hạn hiệu lực, Chứng thư bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng trước sẽ tự động vô hiệu và không có giá trị dù được hoàn trả lại cho chúng tôi hay không.

Chứng thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản gốc duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

727
T
Y
I
A
N
Y
D
U
D
A
N

Y
]

(Mẫu chứng thư bảo lãnh này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Kính gửi: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____
[ghi tên Chủ đầu tư]
(sau đây gọi là Bên nhận bảo lãnh)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Bên được bảo lãnh) là Bên được bảo lãnh đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và đã ký kết hợp đồng dịch vụ số : [Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hợp đồng, Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận bảo lãnh thư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Bên được bảo lãnh với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu trong hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên nhận bảo lãnh bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên nhận bảo lãnh thông báo Bên được bảo lãnh vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo bên A xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định trong hợp đồng.

**CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH**

Số: 357 /PC07-Đ2

Về việc nghiệm thu về PCCC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng
các Công trình Dân dụng và Công nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 353/TD-PCCC ngày 08/3/2018 của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (PC&CC) Thành phố Hồ Chí Minh và số 36/TD-PCCC ngày 10/01/2020 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 362/DDCN-BĐH1 ngày 19/4/2021 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp.

Người đại diện là Ông/bà: Lê Văn Dũng. Chức vụ: Phó Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 13/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Xây dựng mới Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô đất ký hiệu YT-4 thuộc Cụm Y tế Tân Kiên, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn vị thi công xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nguyễn Hoàng và Công ty TNHH Thiết bị Minh Tâm.

Đơn vị thi công PCCC: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng.

Quy mô công trình gồm: 01 tầng hầm, 06 tầng, tầng sân thượng, tầng mái.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;

- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, màn nước ngăn cháy Drencher, hệ thống chữa cháy tự động bằng khí FM-200, bình chữa cháy;

- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống chống sét đánh thẳng; hệ thống bảo vệ chống khói cho công trình.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

2. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

3. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

4. Văn bản này là một trong những căn cứ để cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: VT, Đ2.



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----X-----

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 78 /2019/TCXD

GÓI THẦU : Thi công xây dựng.

THUỘC DỰ ÁN: Xây dựng mới trường tiểu học Tân Phú

ĐỊA ĐIỂM : Phường Tân Phú, quận 7-TP.HCM

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN 7

VÀ

**LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
BẢO TƯỜNG VÀ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----X-----

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 78 /2019/TCXD

GÓI THẦU : Thi công xây dựng.

THUỘC DỰ ÁN: Xây dựng mới trường tiểu học Tân Phú

ĐỊA ĐIỂM : Phường Tân Phú, quận 7-TP.HCM

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN 7

VÀ

LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẢO

TƯỜNG VÀ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

PHẦN 1- CÁC CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội khóa XI;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động Đầu tư xây dựng; Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý xử dụng nhà và công sở;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc vốn Nhà Nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25/05/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ngân đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 của Ủy ban Nhân dân quận 7 về việc ban hành Qui định về tổ chức và phân công thực hiện công tác quản lý các Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 04/03/2019 của Ủy ban Nhân dân quận 7 về việc thành lập Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú, phường Tân Phú, Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 4634/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách thành phố;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-QLDA ngày 21/11/2019 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực quận 7 về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng công trình Xây dựng mới trường Tiểu học Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-QLDA ngày 25/11/2019 của Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực quận 7 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng thuộc công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 22/11/2019 giữa Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu vực quận 7 và Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Bảo Tường và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thiên Đăng;

Căn cứ Bảng giá hợp đồng gói thầu Thi công xây dựng thuộc công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú do Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Bảo Tường và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thiên Đăng lập được Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực quận 7 duyệt ngày 25/11/2019,

PHẦN 2- CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận 7. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1.- CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

- Tên giao dịch: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN 7**
- Người đại diện: Ông **TRẦN MINH ĐIỆN** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ : Số 7 đường Tân Phú, phường Tân Phú, quận 7-TP. Hồ Chí Minh .
- Điện thoại : 028.37.850.559 - Fax: 028.37.850.559
- Tài khoản : **9552.2.7675517** - Tại: Kho bạc Nhà nước TP.HCM
- Thành lập theo quyết định số: 622/QĐ-UB ngày 04/03/2019 của UBND Quận 7.

2.- NHÀ THẦU (Bên B):

- Tên giao dịch : **LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẢO TƯỜNG VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG.**

Đại diện liên danh :

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẢO TƯỜNG**

- Người đại diện : Ông **NGUYỄN PHÚC BẢO NGHIÊM** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ : 53B đường 318 Chánh Hưng, Phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.22417471- 38504077 - Fax: 028.38504097
- Tài khoản : 1681 0000 551 999 tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Chi nhánh Bến Thành - TP HCM

- Mã số thuế : 0304711887

- Mã NDKT : 1701

- Mã Chương: 754

- Cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304711887 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/11/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/05/2017.

Thành viên liên danh :

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG**

- Đại diện : Ông **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** - Chức vụ : **Tổng Giám đốc**



- Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Q 1, Tp.HCM
- Điện thoại : 028.3995 2989
- Tài khoản : 150 220 839 Tại Ngân hàng Á Châu - Tp HCM
- Mã số thuế : 0 3 1 2 0 6 7 2 7 1
- Mã NDKT : 1701 - Mã Chương: 754
- Cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312067271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/09/2018.

II. NỘI DUNG:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công gói thầu Thi công xây dựng thuộc công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú như sau:

ĐIỀU 1 : CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI.

- Chủ đầu tư là **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC Q7.**
- Nhà thầu là **LIÊN DANH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẢO TƯỜNG VÀ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG**
- Đại diện Chủ đầu tư: Ông **TRẦN MINH ĐIỆN** là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.
- Đại diện Nhà thầu: Ông **NGUYỄN PHÚC BẢO NGHIÊM (Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư xây dựng thương mại Bảo Tường)** là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- Nhà tư vấn: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG N.A.D** là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng để thực hiện tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.
- Tư vấn thiết kế: Công ty CP Tư vấn và đầu tư Bình Chánh là đơn vị tư vấn thực hiện việc lập thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình.
- Nhà thầu phụ là nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu (Nếu có).
- Dự án là **Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú.**
- Hợp đồng là văn bản ký kết giữa Chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên nhưng phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà thầu;
- Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho đấu thầu rộng rãi bao gồm các yêu cầu cho một gói thầu làm căn cứ pháp lý để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu nhằm lựa chọn nhà thầu trúng thầu; là căn cứ cho việc thương thảo hợp đồng;
- Hồ sơ dự thầu của nhà thầu là đơn dự thầu được ký bởi Nhà thầu và tất cả các văn bản khác mà nhà thầu đệ trình được đưa vào trong hợp đồng theo qui định;
- Chỉ dẫn kỹ thuật (thuyết minh kỹ thuật) là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được qui định cho công trình và bất kỳ sửa đổi bổ sung cho các chỉ tiêu tiêu chuẩn kỹ thuật đó.
- Bản vẽ thiết kế là tất cả bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu hoặc do nhà thầu nộp đã được Chủ đầu tư chấp thuận;

- Bảng tiên lượng là bảng kê chi tiết đã định giá và hoàn chỉnh về khối lượng các hạng mục công việc cấu thành một phần nội dung của Hồ sơ thầu;
- Ngày khởi công là ngày được thông báo theo khoản 7.1 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].
- Biên bản nghiệm thu là biên bản được phát hành theo Điều 6 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng].
- Thời hạn hoàn thành là thời gian để hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình bao gồm cả sự kéo dài thời gian được tính từ ngày khởi công;
- Thiết bị nhà thầu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, thiết bị của nhà thầu không bao gồm các công trình tạm, thiết bị của chủ đầu tư (nếu có), thiết bị, vật liệu và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một công trình chính;
- Công trình chính là các công trình mà nhà thầu thi công theo hợp đồng;
- Hạng mục công trình là công trình chính đơn lẻ được nêu trong hợp đồng;
- Công trình tạm là tất cả các công trình phục vụ thi công công trình chính;
- Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Thay đổi là sự thay đổi điều chỉnh phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

ĐIỀU 2 : HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN.

1.1 - Hồ sơ hợp đồng:

Hồ sơ hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Hồ sơ thiết kế được duyệt (thuyết minh và bản vẽ);
- Hồ sơ mời thầu và các phụ lục kèm theo;
- Hồ sơ dự thầu và các phụ lục kèm theo;
- Bảng giá hợp đồng do Bên B lập được bên A duyệt;
- Quyết định phân công Ban chỉ huy công trường ;
- Bảng tiến độ thi công chi tiết của Bên B được bên A duyệt;
- Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản, biên bản thương thảo hợp đồng;
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B;
- Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của Bên B (Nếu có);
- Các văn bản thỏa thuận hợp đồng, phụ lục, trong quá trình thực hiện (nếu có);
- Các tài liệu khác.

1.2 - Thứ tự ưu tiên của tài liệu:

Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp các bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được qui định như sau:

- Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Tiến độ thi công; bảng giá hợp đồng, tạm ứng thanh toán, ... ;
- Hồ sơ dự thầu của nhà thầu;
- Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế. (Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư);

- Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản, biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng;
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng và các bảo lãnh khác;
- Các tài liệu khác.

ĐIỀU 3 : CÁC QUI ĐỊNH CHUNG.

3.1 - Luật và ngôn ngữ:

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt.

3.2 - Nhượng lại:

Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo hợp đồng. Tuy nhiên, các bên:

- Có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần hợp đồng với sự thỏa thuận trước của phía bên kia theo sự suy xét thận trọng và duy nhất của phía bên đó.
- Có thể dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức Tài chính.

3.3 - Việc bảo quản và cung cấp tài liệu:

Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu cất giữ cẩn thận, trừ khi và cho tới khi được Chủ đầu tư tiếp nhận. Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 06 bộ bản sao mỗi bộ tài liệu của nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ trên công trường một bản sao Hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng.

Nếu một bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng thi công công trình, thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

3.4 - Việc bảo mật:

Ngoại trừ trường hợp cần thiết để thực hiện theo nghĩa vụ hoặc tuân theo các qui định của pháp luật, cả hai bên đều phải xem các chi tiết của Hợp đồng là bí mật và của riêng mình. Nhà thầu không được xuất bản hay để lộ bất kỳ chi tiết nào của công trình trên mọi sách báo thương mại hoặc kỹ thuật hoặc một nơi nào khác mà không có sự thỏa thuận trước đó của Chủ đầu tư.

3.5 - Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của nhà thầu:

Giữa các bên với nhau, Nhà thầu giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu được xem như cấp cho Chủ đầu tư một giấy phép có thể chuyển nhượng không có thời gian chấm dứt, không độc quyền, không phải trả tiền bản vẽ sao chụp, sử dụng và thông tin các tài liệu của Nhà thầu. Trường hợp, Nhà thầu không đồng ý thì Chủ đầu tư không được sử dụng, sao chụp tài liệu của Nhà thầu hoặc thông tin cho bên thứ ba vì mục đích khác với những mục đích cho phép.

3.6 - Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư:

Giữa các bên Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ về hồ sơ mời thầu và các tài liệu khác của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể bằng chi phí của mình, sao chụp sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì mục đích của hợp đồng. Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc thông tin những tài liệu đó cho bên thứ ba, trừ khi điều đó là cần thiết vì mục đích của hợp đồng.

3.7 - Tuân thủ pháp luật:

Nhà thầu khi thực hiện hợp đồng, phải tuân thủ pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các bên phải:

- Chủ đầu tư phải đảm bảo điều kiện khởi công công trình theo qui định của pháp luật.
- Nhà thầu phải thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và phê chuẩn, theo qui định của pháp luật liên quan đến thi công xây dựng, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót. Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư những hậu quả do sai sót vì không tuân thủ pháp luật của mình gây ra.

ĐIỀU 4 : BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

4.1. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thống nhất sử dụng bằng Chứng thư bảo đảm của Ngân hàng.

- Chứng thư phải được cung cấp bởi Ngân hàng nơi nhà thầu mở tài khoản giao dịch tại hợp đồng này.

4.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : Bằng **3%** giá trị của hợp đồng tương đương với số tiền **1.115.470.560 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ một trăm mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm sáu mươi đồng). Trong đó, Công ty CP Đầu tư xây dựng thương mại Bảo Tường là thành viên đại diện Liên danh thực hiện toàn bộ giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho cả Liên danh.

- Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng xây lắp trong vòng **07** ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng được bắt đầu kể từ ngày phát hành kéo dài cho đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.

- Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

- Trường hợp nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ thực hiện hợp đồng thì bên giao thầu có quyền thu hồi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu phải gửi Bảo đảm thực hiện hợp đồng không quá **07** ngày kể từ ký hợp đồng. Bảo đảm thực hiện phải do một pháp nhân hoặc thể nhân cấp được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải bảo đảm rằng Bảo đảm thực hiện có giá trị và có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa xong các sai sót. Nếu các điều khoản của Bảo đảm thực hiện nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì Nhà thầu sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo đảm thực hiện cho tới khi công việc đã hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư không được đòi thanh toán tiền về Bảo đảm thực hiện ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư được quyền hưởng theo Hợp đồng trong trường hợp:

+ Nhà thầu không gia hạn được hiệu lực của Bảo đảm thực hiện. Trong trường hợp đó Chủ đầu tư có thể đòi toàn bộ số tiền của Bảo đảm thực hiện.

+ Nhà thầu không trả cho Chủ đầu tư các khoản nợ tạm ứng hợp đồng trong vòng **10** ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả.

+ Nhà thầu không sửa chữa những sai sót trong vòng **15** ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa sai sót.

+ Trường hợp cho phép Chủ đầu tư được chấm dứt hợp đồng.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được giải tỏa khi Chủ đầu tư nhận được biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và nhận được Bảo đảm thực hiện bảo hành công trình.

ĐIỀU 5 : NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC.

Nhà thầu sẽ thực hiện việc Thi công xây dựng thuộc dự án Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú được mô tả trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư trên cơ sở giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán theo điều 8 của hợp đồng này. Các công việc thi công và sửa chữa mọi sai sót thuộc trách nhiệm của Nhà thầu được gọi chung là công việc sẽ được thực hiện phù hợp

với các yêu cầu của hợp đồng và đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư một cách hợp lý, với mục đích cuối cùng là cung cấp cho chủ đầu tư một công trình hoàn chỉnh, an toàn và vận hành một cách hiệu quả được Chủ đầu tư chấp thuận, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ:

- Thi công xây dựng công trình như được mô tả trong hồ sơ mời thầu và hồ sơ thiết kế của Chủ đầu tư;

- Cung cấp hoặc thu xếp để cung cấp tất cả các lao động, quản lý, thiết bị và vật tư cần thiết để thực hiện công việc ngoại trừ trường hợp đặc biệt được qui định trong hợp đồng;

- Thiết lập các qui trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho chủ đầu tư đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực tế của công việc một cách độc lập;

- Thi công xây dựng tất cả các công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện công việc cho đến khi chúng được đưa ra khỏi công trường hoặc hoàn trả theo yêu cầu của hợp đồng;

- Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức, quản lý và giám sát nhà thầu phụ và lao động trên công trường phục vụ cho công việc, đảm bảo rằng họ được chỉ dẫn về phương pháp làm việc thích hợp và an toàn lao động;

- Cung cấp, quản lý và qui định việc đi lại trong khu vực công trường; việc đến và đi từ công trường một cách an toàn và có trật tự đối với nhân lực của nhà thầu bao gồm: lao động tại hiện trường, nhân viên quản lý và giám sát, nhân viên quản lý công trường, nhân sự của các nhà cung cấp, nhà thầu phụ;

- Cung cấp tất cả các thiết bị và dịch vụ khác cần thiết để đạt được nghiệm thu bàn giao công trình theo hợp đồng;

- Luôn luôn thực hiện công việc một cách an toàn.

Bất kỳ hoạt động nào không được nêu rõ tại điều này nhưng có thể suy diễn từ hợp đồng là cần thiết để hoàn thành công việc thì nhà thầu sẽ thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi như là đã tính trong giá hợp đồng, trừ khi có qui định khác trong hợp đồng.

ĐIỀU 6 : CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ NGHIỆM THU, BÀN GIAO.

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ mời thầu phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan; nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

6.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư:

Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu để kiểm tra;

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu;

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã

xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy. Khi đó Chủ đầu tư sẽ tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không đòi hỏi phải làm như vậy.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 6.1 nêu trên.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao ...

c) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư là (Tên của người đại diện Chủ đầu tư)
- Đại diện Nhà thầu là (Tên của người đại diện Nhà thầu)
- Đại diện Nhà tư vấn là (Tên của người đại diện Nhà tư vấn)
- Các thành phần khác liên quan (nếu có)

d) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành (Theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do các bên thống nhất trên cơ sở quy định của nhà nước)

- Kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu ...

6.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình:

Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, công trình đáp ứng yêu cầu của hợp đồng thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư để tiến hành nghiệm thu công trình.

Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu công trình trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, Nhà thầu có thể đề nghị nghiệm thu theo hạng mục.

Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.

6.5. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót:

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải:

Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót:

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể:

Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo Hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, theo Hợp đồng Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

6.6. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành:

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

ĐIỀU 7 : THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

7.1. Ngày khởi công, thời gian thực hiện Hợp đồng:

Ngày khởi công công trình theo ngày quy định trong quyết định khởi công.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình (từ ngày khởi công, Chủ đầu tư đã bàn giao cho nhà thầu đầy đủ mặt bằng, cao độ, tim mốc của công trình) và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án.

7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng:

Nhà thầu sẽ tiến hành thi công xây dựng công trình theo ngày quy định trong quyết định khởi công và sẽ thực hiện đúng thời hạn không được chậm trễ.

Thời gian thực hiện hợp đồng : Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành bảo hành, thanh lý hợp đồng

Thời gian thi công là thời gian phù hợp với tiến độ dự thầu của nhà thầu (kể từ ngày trong quyết định khởi công đến khi toàn bộ công trình được bên A nghiệm thu hoàn thành theo qui định của chủ đầu tư).

Tiến độ thực hiện: **300 ngày (kể cả ngày nghỉ ngày lễ)** tính từ ngày theo ngày quy định trong quyết định khởi công. Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình, có nghĩa là hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong hợp đồng để được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Trong trường hợp có điều chỉnh nội dung thực hiện của hợp đồng, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu trong vòng 07 ngày để hai bên thống nhất nội dung điều chỉnh, nhà thầu tiến hành điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết và Quyết định phân công Ban chỉ huy công trường để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu. Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi tuần thi công của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với Hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 03 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của Hợp đồng.

Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 7.3. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

7.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành:

Nhà thầu được gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra.

7.4. Khắc phục tiến độ chậm trễ:

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 7.3, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian yêu cầu.

Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận và thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư phải báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

ĐIỀU 8: GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG.

8.1. Hình thức hợp đồng và giá hợp đồng: Áp dụng theo hình thức đơn giá cố định.

Tổng giá trị hợp đồng theo bảng giá hợp đồng được bên A phê duyệt (Bao gồm thuế VAT) là: **37.182.352.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ một trăm tám mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Trong đó:

• Công ty Cổ phần ĐTXD TM Bảo Tường	: 30.507.528.640 đồng.
✓ Chi phí xây lắp	: 30.347.528.640 đồng.
✓ Chi phí hạng mục chung	: 160.000.000 đồng.
• Công ty Cổ phần ĐTXD Thiên Đăng	: 6.674.823.360 đồng.
✓ Chi phí xây lắp	: 5.495.566.135 đồng.
✓ Chi phí thiết bị xây lắp	: 1.179.257.225 đồng.

Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cho việc thực hiện hoàn chỉnh, đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của công trình theo thiết kế được duyệt; các chi phí phục vụ thi công của bên B; các chi phí kiểm tra, hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán; các chi phí khác trong thời gian thi công (đi lại, giao tế, giải trình...); các chi phí chuyển giao công nghệ cho bên A;

- Hai bên thống nhất giá trị thanh lý của Hợp đồng là giá trị chi phí trong quyết toán vốn dự án hoàn thành và kết quả kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

8.2. Tạm ứng và thanh toán:

Việc tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư phải tuân thủ theo qui định hiện hành của nhà nước và phù hợp kế hoạch vốn được bố trí trong năm cho công trình;

8.2.1 Tạm ứng hợp đồng:

Khi hợp đồng có hiệu lực và có Quyết định khởi công xây dựng công trình, bên A tiến hành làm thủ tục tạm ứng cho bên B trên cơ sở kế hoạch vốn được ghi:

- Mức tạm ứng: Sau khi nhà thầu nộp bảo lãnh tiền tạm ứng và các hồ sơ hợp lệ khác thì chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 25% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là : **9.295.588.000 đồng** (Chín tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng).

- Khối lượng thanh toán tương đương giá trị tạm ứng trên sẽ không được điều chỉnh giá theo qui định (nếu có).

- Việc thu hồi vốn tạm ứng: Bên A bắt đầu thu hồi ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp và sẽ được thu hồi hết khi bên A nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ dựa trên % (phần trăm) giá trị thanh toán.

- Bảo lãnh tiền tạm ứng: Nhà thầu phải nộp cho bên giao thầu chứng thư cung cấp bởi Ngân hàng nơi nhà thầu mở tài khoản giao dịch tại hợp đồng này bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng;

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu.

- Bên B phải hoàn trả ngay cho bên A chi phí tạm ứng trong các trường hợp:

- + Chậm trễ tiến độ thi công, có giá trị khối lượng công việc bị chậm trễ bằng chi phí tạm ứng chưa thu hồi.
- + Trong mọi trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng.

8.2.2. Điều kiện thanh toán:

- Thanh toán theo đơn giá cố định: Trên cơ sở kế hoạch vốn được ghi, bên A thanh toán cho bên B các khối lượng công việc hoàn thành theo đơn giá hợp đồng và khối lượng thực tế thi công hoàn thành nghiệm thu theo đúng yêu cầu của hồ sơ thi công được duyệt.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo khối lượng thi công hoàn thành được nghiệm thu của các bộ phận hoặc hạng mục công trình khi có kế hoạch vốn.

- Các bộ phận và hạng mục thanh toán phải phù hợp với thực tế nghiệm thu và Bảng giá hợp đồng được bên A phê duyệt.

8.2.3. Kế hoạch thanh toán:

- Bên B có trách nhiệm báo cáo khối lượng hoàn thành đề nghị giai đoạn thanh toán cho bên A theo từng đợt hoàn thành như sau:

- Đợt 1: Khi nhà thầu có khối lượng công việc, hạng mục hoàn thành (sản phẩm hoàn thành) đạt tối thiểu 10% giá trị của hợp đồng;

- Các đợt tiếp theo: Khi nhà thầu có khối lượng công việc, hạng mục hoàn thành (sản phẩm hoàn thành) theo điểm dừng kỹ thuật, cũng như các đợt thanh toán tiếp theo đến khi hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng.

8.2.4. Khối lượng thanh toán:

- Trường hợp khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện để hoàn thành ít hơn khối lượng công việc nêu trong hợp đồng, nhà thầu chỉ được thanh toán cho phần khối lượng thực tế đã thực hiện;

- Trường hợp khối lượng thực tế mà nhà thầu đã thực hiện để hoàn thành nhiều hơn khối lượng công việc nêu trong hợp đồng thì nhà thầu được thanh toán cho phần chênh lệch khối lượng công việc với đơn giá không thay đổi nêu trong hợp đồng.

8.2.5. Hình thức và thời hạn thanh toán:

- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền đồng Việt nam, theo hình thức chuyển khoản.
- Bên B chịu trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán theo hướng dẫn tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của chính phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; báo cáo trực tiếp cho đơn vị Tư vấn giám sát và bên A .

- Thời hạn thẩm tra hồ sơ khối lượng thanh toán đợt: không quá 05 ngày. Thời hạn thẩm tra hồ sơ khối lượng quyết toán hoàn thành: không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo qui định.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của bên B đã được kiểm tra và xác nhận, bên A phải hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát vốn thẩm tra thanh toán.

Khi hoàn thành toàn bộ khối lượng công trình theo hợp đồng. Hai bên tiến hành bàn giao hồ sơ, nghiệm thu, quyết toán và bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị , quyết toán và giữ lại 5% chi phí bảo hành công trình được trích nộp vào tài khoản của bên A số **6240 2010 01853** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng-Tp. Hồ Chí Minh. Tiền bảo hành sẽ được trả cho bên B khi kết thúc thời gian bảo hành công trình. Nhà thầu sẽ được nhận lại số tiền bảo hành ngay sau khi nộp chứng thư bảo đảm của Ngân hàng nơi giao dịch tài khoản tại hợp đồng này.

Bên A chỉ thanh toán cho bên B sau khi đã nhận đủ hồ sơ quản lý chất lượng phù hợp. Nếu bên B không gửi cho bên A hồ sơ thanh toán hợp lệ thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm về thanh toán hợp đồng đúng thời hạn.

8.2.6. Hồ sơ thanh toán được quy định bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có). Biên bản xác nhận khối lượng này là xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, công việc của công trình phù hợp với thiết kế mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (mẫu 3a-TT số 08/TT-BTC ngày 18/01/2016);

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (mẫu 4-TT số 08/TT-BTC ngày 18/01/2016);

8.3. Quyết toán và thanh lý hợp đồng:

8.3.1. Quyết toán hợp đồng:

Quyết toán hợp đồng là việc xác định tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng xây dựng mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ quyết toán hợp đồng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng và giá hợp đồng. Nội dung của hồ sơ quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng, bao gồm các tài liệu sau:

Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;

Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;

Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu;

Hồ sơ quản lý chất lượng, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng;

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc, cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có), các nhà thầu phải thực hiện quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định, hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan cung cấp cho chủ đầu tư.

Nếu nhà thầu cố ý kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình thì sẽ bị phạt theo Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

8.3.2. Thanh lý hợp đồng:

Hợp đồng xây dựng được thanh lý trong trường hợp:

- a) Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- b) Hợp đồng xây dựng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo quy định của pháp luật.

Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (huỷ bỏ) theo điểm b khoản 1 Điều này;

ĐIỀU 9 : ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG.

Giá hợp đồng theo đơn giá cố định :

- a) Đối với khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc thực hiện từ 21% trở đi các bên có thể thoả thuận đơn giá mới cho khối lượng tăng thêm.
- b) Đối với khối lượng công việc phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong Hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thoả thuận tại mục d khoản này.
- c) Khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì đơn giá mới được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thoả thuận trong Hợp đồng.
- d) Khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng và được phép của cấp quyết định đầu tư thì bên B lập dự toán bổ sung và phụ lục hợp đồng bổ sung. Dự toán bổ sung được lập theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thoả thuận trong Hợp đồng.

ĐIỀU 10 : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG.

10.1. Quyền và nghĩa vụ chung:

Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng xây dựng do các bên thoả thuận trong hợp đồng và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư, Nhà thầu thi công phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết về quyền và trách nhiệm của người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng. Khi các bên thay đổi người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản. Riêng trường hợp bên Nhận thầu thay đổi người đại diện để quản lý thực hiện hợp đồng, nhân sự chủ chốt thì phải được sự chấp thuận của bên Giao thầu.

10.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng:

10.2.1. Quyền của nhà thầu thi công xây dựng:

- Được quyền đề xuất với bên giao thầu về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối và không thực hiện những công việc ngoài phạm vi của hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của bên giao thầu; thời gian đơn vị thi công tạm ngưng công việc chờ quyết định của Chủ đầu tư sẽ được tính vào thời gian hoàn thành công trình.

- Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;

- Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng; được quyền đòi bồi thường thiệt hại khi bên giao thầu chậm bàn giao mặt bằng và các thiệt hại khác do lỗi của bên giao thầu gây ra;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

10.2.2. Nghĩa vụ của bên nhận thầu thi công xây dựng:

a- Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

b- Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu: Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

c- Hợp tác:

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá Hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư.

d- Định vị các mốc:

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 19 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

e- Điều kiện về công trường:

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên, và đã được thoả mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót;
- d) Các quy định của pháp luật về lao động;
- e) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác;

Nhà thầu được coi là đã thoả mãn về tính đúng và đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thoả đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó, và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì áp dụng theo Điều 17 của Hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

f- Đường đi và phương tiện:

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có để phục vụ công tác thi công, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu rủi ro và kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

- a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;
- b) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

g- Vận chuyển vật tư thiết bị:

Trừ khi có quy định khác:

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 03 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

h- Thiết bị Nhà thầu:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

i- Hoạt động của Nhà thầu trên công trường:

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng ... ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

k- Các vấn đề khác có liên quan:

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện

hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 19 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;
- Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- Ghi nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Thử nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn và tiêu chuẩn;
- Quản lý người lao động trên công trường, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh;
- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.
- Lập biện pháp tổ chức thi công, lập hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, lập hồ sơ quyết toán Hợp đồng, tham gia nghiệm thu công trình;
- Có trách nhiệm cung cấp hóa đơn GTGT khi nhận đủ số tiền theo thanh toán, quyết toán hợp đồng và lập biên bản thanh lý hợp đồng;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận. Sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công;
- Phối hợp với các nhà thầu khác cùng thực hiện trên công trường;
- Định kỳ báo cáo với bên giao thầu về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình;
- Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác;
- Hoàn trả mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng;
- Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định;
- Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày làm việc, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

10.3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

10.3.1. Quyền của Chủ đầu tư:

- Tạm ngừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc, cơ sở gia công chế tạo của bên nhận thầu nhưng không được làm cản trở hoạt động bình thường của bên nhận thầu;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10.3.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- Xin giấy phép xây dựng theo quy định;
- Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

- Cử và thông báo bằng văn bản cho bên nhận thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;
- Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- Thanh toán cho bên nhận thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;
- Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình;
- Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của nhà thầu thi công;
- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng thời hạn theo quy định;
- Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 11 : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG.

11.1. Quyền của Nhà tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD):

Nhà tư vấn giám sát thi công xây dựng là Người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho NTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi Hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong Hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) NTVGSTCXD không có quyền giám sát bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng, hay cho một bên nào;

b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

11.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD:

Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình (nếu không thuê tư vấn giám sát thi công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư).

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Kiểm tra và xác khối lượng cho đơn vị thi công trong vòng **3 ngày** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán của đơn vị thi công.

11.3. Thay thế NTVGSTCXD:

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn 03 ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

ĐIỀU 12 : AN TOÀN LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ.

12.1. An toàn lao động:



- a) Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.
- b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.
- c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- đ) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.
- e) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

12.2. Bảo vệ môi trường:

- a) Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.
- b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.
- d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

12.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

ĐIỀU 13 : ĐIỆN, NƯỚC VÀ AN NINH CÔNG TRƯỜNG.

13.1. Điện, nước trên công trường:

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

13.2. An ninh công trường:

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

ĐIỀU 14 : TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

14.1. Hợp đồng xây dựng được tạm ngừng trong các trường hợp sau:

- Bên giao thầu quyết định ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng khi bên nhận thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết;

- Bên nhận thầu thực hiện quyền tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng xây dựng khi bên giao thầu không thanh toán cho bên nhận thầu quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Trước khi một bên tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng, thì phải báo cho bên kia biết bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng thực hiện; bên giao thầu, bên nhận thầu phải có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng.

14.2. Chấm dứt hợp đồng xây dựng:

14.2.1. Các tình huống được chấm dứt hợp đồng, quyền được chấm dứt; trình tự thủ tục chấm dứt, mức đền bù thiệt hại do chấm dứt phải được các bên thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng.

14.2.2. Mỗi bên có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại trong các trường hợp quy định tại các khoản 14.2.7 và 14.2.8 Điều này.

14.2.3. Trường hợp đã tạm ngừng mà bên vi phạm không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian các bên đã thống nhất mà không có lý do chính đáng thì bên tạm ngừng có quyền chấm dứt hợp đồng.

14.2.4. Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng xây dựng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

14.2.5. Trước khi một bên chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không ít hơn hai mươi một (21) ngày và trong đó phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Nếu bên chấm dứt hợp đồng không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

14.2.6. Hợp đồng xây dựng không còn hiệu lực kể từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng trong khoảng thời gian theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng. Ngoài thời gian này nếu một bên không làm các thủ tục thanh lý hợp đồng thì bên kia được toàn quyền quyết định việc thanh lý hợp đồng.

14.2.7. Nhà thầu thi công có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhà thầu thi công bị phá sản hoặc chuyển nhượng lợi ích của hợp đồng xây dựng cho chủ nợ của mình mà không có sự chấp thuận của bên giao thầu.

- Nhà thầu thi công từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, trừ trường hợp được phép của bên giao thầu.

14.2.8. Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bị phá sản hoặc giải thể.

- Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của bên giao thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Chủ đầu tư không thanh toán cho bên nhận thầu sau 45 ngày kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

14.2.9. Sau hai (02) ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng xây dựng, Nhà thầu thi công phải di chuyển toàn bộ vật tư, nhân lực, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc sở hữu của mình ra khỏi công trường, nếu sau khoảng thời gian này bên nhận thầu chưa thực hiện việc di chuyển thì bên giao thầu có quyền xử lý đối với các tài sản này.

ĐIỀU 15 : BẢO HIỂM VÀ BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH.

1. Bảo hiểm:

- Bảo hiểm công trình xây dựng do Chủ đầu tư mua;
- Nhà thầu thi công phải thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm thiết bị, bảo hiểm đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.

2. Bảo hành:

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thời hạn bảo hành công trình là 12 tháng.
- Mức tiền cam kết bảo hành công trình là 5% giá trị của quyết toán hợp đồng.
- Nhà thầu thi công chỉ được hoàn trả hoặc giải tỏa số tiền bảo đảm bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành;
- Trong thời hạn bảo hành, nhà thầu thi công phải thực hiện việc bảo hành trong vòng hai mốt (21) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa chữa của Chủ đầu tư; trong khoảng thời gian này, nếu nhà thầu thi công không tiến hành bảo hành thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

ĐIỀU 16 : RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG.

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng. Trong hợp đồng phải có nội dung quy định trách nhiệm của các bên về việc xử lý rủi ro khi xảy ra của mỗi bên; trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng như: động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

3. Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

4. Trong hợp đồng các bên phải thỏa thuận về việc xử lý bất khả kháng như: thông báo về bất khả kháng; trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng; chấm dứt và thanh toán hợp đồng xây dựng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có).

ĐIỀU 17 : THƯỞNG HỢP ĐỒNG, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG.

1. Mức thưởng không vượt quá 12 % giá trị phần hợp đồng làm lợi và mức phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nguồn tiền thưởng lấy từ Ngân sách Nhà nước được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt vi phạm:

- a. Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của bên A gây ra: xử phạt 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm thời hạn thực hiện. Ngoài ra, bên B còn phải bồi thường khoản chi phí giám sát thi công và chi phí quản lý của bên A cho những ngày chậm trễ để bên A trả cho công tác giám sát thi công và công tác Quản lý dự án. Cách tính như sau:

- Tiền bồi thường chi phí giám sát:

- + Chi phí giám sát bình quân một ngày = (Chi phí giám sát trong dự toán được duyệt)/(Thời gian thi công được công nhận trong thông báo trúng thầu).

- + Tiền bồi thường chi phí Giám sát = (Chi phí giám sát bình quân 01 ngày) x (số ngày chậm trễ)
- Tiền bồi thường chi phí quản lý:
 - + Chi phí quản lý bình quân một ngày của bên A = (chi phí quản lý trong dự toán được duyệt)/(Thời gian thi công được công nhận trong thông báo trúng thầu).
 - + Tiền bồi thường chi phí quản lý = (Chi phí quản lý bình quân 01 ngày) x (số ngày chậm trễ).
- b. Bên B vi phạm chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường thì xử phạt:
 - Bên B phải chịu mọi phí tổn liên quan để kiểm tra, khắc phục sự cố và thi công lại phần khối lượng công trình do mình thực hiện bị vi phạm cũng như các khối lượng có thể bị liên đới ảnh hưởng.
 - Nhà thầu còn phải chịu phạt 12% giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể bị truy tố trước pháp luật.

Khi vi phạm hợp đồng, các bên liên quan phải chịu xử lý theo qui định tại Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động Đầu tư xây dựng; Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

ĐIỀU 18 : KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP.

18.1. Khiếu nại: Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ.

18.2. Xử lý các tranh chấp:

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng **45 ngày** kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý tranh chấp theo các quy tắc, qui định của pháp luật Việt nam. Quyết định của Tòa án Tp. Hồ Chí Minh là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với các bên.

18.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 19 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

19.1 - Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

19.2 - Hợp đồng này được lập thành 12 bản tiếng Việt có giá trị như nhau; Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 06 bản.

19.3 - Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

<p>ĐẠI DIỆN BÊN A</p> <p>Giám đốc</p>  <p>Trần Minh Điện</p>	<p>ĐẠI DIỆN LIÊN DANH</p> <p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Nguyễn Phúc Bảo Nghiêm</p>	<p>THÀNH VIÊN LIÊN DANH</p> <p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Nguyễn Thuận Thuyên</p>
--	---	--

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

17 - tiểu học - 1967 - 1967
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 828 /PC07-Đ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2020

Về việc nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7.

Theo đề nghị tại Văn bản ngày 05/11/2020 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC & CNCH) lập ngày 18/11/2020, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7.

Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7 đối với công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú xây dựng tại phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, lối thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Xây dựng mới Trường tiểu học Tân Phú trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7 thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
4. Công trình chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an Quận 7;
- Lưu: VT, Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Huỳnh Quang Tâm

NĂNG LỰC CUNG ỨNG VẬT TƯ

MÁY PHÁT ĐIỆN & ĐIỆN - ĐIỆN NHẹ - THIẾT BỊ VỆ SINH

-----♣-----

I. Công trình: Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (2013)

Hạng mục: Cung ứng thiết bị **điện – nước** cải tạo, xây dựng một số hạng mục khuôn viên trường

Địa điểm: 275 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Tp. HCM

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

II. Công trình: TT nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc (2014)

Hạng mục: Cung ứng **máy phát điện** 20KVA (Cummins)

Địa điểm: Số 2E Khu phố 2 Tô Ngọc Vân, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

III. Công trình: Nhà Văn Hóa Lao Động Khu Công Nghệ Cao Quận 9 (2016)

Hạng mục: Cung Cấp **tủ điện – đèn và điện nhẹ & thiết bị vệ sinh**

Địa điểm: Lô S- VH, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao Quận 9, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

IV. Công trình: TT nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc (2016)

Hạng mục: Cung ứng **máy phát điện** 250KVA (Cummins)

Địa điểm: Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp. HCM

+ Hợp đồng kinh tế

+ Thanh lý hợp đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(Số: 0208-13/HĐTT)

(V/v cung cấp thiết bị cho hệ thống điện)

**Công trình: CẢI TẠO, XD MỘT SỐ HẠNG MỤC TRONG KHUÔN VIÊN TRƯỜNG THPT
NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự và Nghị Quyết số 45/2005 QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ Luật Dân Sự và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của QH khóa IX kỳ họp thứ 4;

Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2013, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

- Địa chỉ : 40 Hoàng Việt – P.4 - Q. Tân Bình – TP.HCM
- Điện thoại : 3991 0958 Fax : 3991 0960
- Đại diện là Ông : Ông **LÊ THÀNH NHƠN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Người giao dịch : Ông **NGUYỄN HUY ĐỊNH** Chức vụ: Đội Trưởng Đội XL 15
- Mã số thuế : 0301465263
- Tài khoản số : 13010000000423 Tại NH Đầu tư và Phát Triển VN–CN Sở Giao dịch 2

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

- Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Q1, TP. HCM.
- Điện thoại : 08 36 100 868 Fax : 08 38 200 645
- Đại diện là Ông : **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Mã số thuế : 0312067271
- Tài khoản số : 150 220 839 Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng Tp HCM

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU I : NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG:

- 1.1 Bên A giao cho Bên B cung cấp thiết bị (Theo bảng chi tiết khối lượng thiết bị đính kèm) cho hệ thống điện tại công trình: **CẢI TẠO, XD MỘT SỐ HẠNG MỤC TRONG KHUÔN VIÊN TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI** tại số 275 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3, Hồ Chí Minh

- 1.2 **Tổng trị giá hợp đồng: 795.027.310 đồng.** (Đã bao gồm thuế VAT).

(Viết bằng chữ: Bảy trăm chín mươi lăm triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm mười đồng)

ĐIỀU II : TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

BÊN A:

- 2.1 Bàn giao mặt bằng để Bên B tập kết vật tư.
- 2.2 Quyết toán hợp đồng theo đúng thời hạn và phương thức đã quy định trong hợp đồng.
- 2.3 Nếu Bên A muốn thay đổi quy cách, chủng loại vật tư, thiết bị nào thì phải thông báo cho Bên B bằng văn bản.
- 2.4 Cử người có trách nhiệm giám sát, bàn giao về chất lượng và số lượng vật tư, thiết bị tại công trình.

BÊN B:



- 2.5 Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, chất lượng thiết bị theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên.
- 2.6 Nếu Bên B muốn thay đổi quy cách, chủng loại vật tư, thiết bị nào đều phải được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản.
- 2.7 Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) của thiết bị.
- 2.8 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hóa đơn, chứng từ và nguồn gốc vật tư đầu vào khi xuất cho bên A
- 2.9 Bên B cung cấp cho bên A bằng hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng của các thiết bị chính trong hệ thống .

ĐIỀU III : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo nhu cầu và khả năng của hai bên.
Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B chia thành 02 (hai) đợt như sau:

- Đợt 1:** 40% tổng giá trị hợp đồng khi Bên B giao vật tư đến tại công trình tương đương 50% khối lượng vật tư đồng thời bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A (thời hạn thanh toán chậm nhất 60 ngày).
- Đợt 2:** 60% tổng giá trị hợp đồng sau khi Bên B giao đủ số vật tư còn lại đến công trình, hai bên tiến hành xác nhận khối lượng, Bên B xuất đủ hóa đơn GTGT cho bên A, chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ).

Nếu Bên A thanh toán trễ hạn theo điều khoản quy định thì Bên A phải chịu lãi suất quá hạn theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm đó nhưng không được quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày trễ hạn.

ĐIỀU IV : CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ:

- 4.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành thiết bị cho Bên A trong thời gian 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Mọi hư hỏng trở ngại do chất lượng thiết bị gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm thay thế sửa chữa hoàn chỉnh miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
- 4.2 Bên B không có trách nhiệm bảo hành trong trường hợp:
- Sử dụng không đúng theo sự hướng dẫn kỹ thuật của Bên B.
 - Sử dụng không đúng chức năng của thiết bị.
 - Thiên tai, sự cố khác

ĐIỀU V : CAM KẾT CHUNG:

- 5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng, nếu có gì thay đổi, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.
- 5.2 Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết (có lập biên bản).
- 5.3 Trong trường hợp hai bên không tự ý giải quyết được, sẽ thống nhất đưa vụ việc đến Tòa Kinh tế TP. HCM để giải quyết. Quyết định của Tòa Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sẽ là quyết định cuối cùng.
- 5.4 Các chi phí về kiểm tra, giám định do bên có lỗi chịu.
- 5.5 Khi hai bên thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình thì hợp đồng xem như được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản cùng nhau thực hiện.



KS. Lê Thành Nhơn



BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**Công trình:** *Cải tạo, xây dựng một số hạng mục trong khuôn viên trường THPT**Nguyễn Thị Minh Khai***Hạng mục:** *Cung cấp thiết bị cho hệ thống điện.***Địa điểm:** *275 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM*

- Căn cứ hợp đồng số 0208-13/HĐTT ký ngày 02 tháng 08 năm 2013 giữa Công ty TNHH SX - TM - XD Hưng Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiện Đăng

Hôm nay ngày 25 tháng 11 năm 2014 chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : 40 Hoàng Việt , Phường 4, Quận Tân Bình , TPHCM

Điện thoại : 08 3991 0958

Đại diện Ông : **Huỳnh Hùng Việt**

Chức vụ: Giám đốc

Người giao dịch Ông **Hồ Ngọc Văn**

Chức vụ: Đội trưởng đội XL

Mã số thuế : **0301465263**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TpHCM

Điện thoại : 08 3995 2989

Đại diện Ông: **Nguyễn Thuận Thuyền** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế : **0312067271**

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã thi công hoàn thành khối lượng công việc theo đúng bảng khối lượng đính kèm hợp đồng số 0208-13/HĐTT ký ngày 02 tháng 08 năm 2013

2/ Giá trị quyết toán :

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1	0208-13/HĐTT	0000098	09/11/2014	795.027.310 VND
	CỘNG (A)			795.027.310 VND
2	ĐÃ THANH TOÁN		15/11/2014	795.027.310 VND
	CỘNG (B)			795.027.310 VND
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0VND

Hợp đồng 0208-13/HĐTT ký ngày 02 tháng 08 năm 2013 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày 09/11/2015

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thuận Thuyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

(Số: 0109-13/HĐTT)

(V/v cung cấp thiết bị cho hệ thống nước sinh hoạt)

**Công trình: CẢI TẠO, XD MỘT SỐ HẠNG MỤC TRONG KHUÔN VIÊN TRƯỜNG THPT
NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự và Nghị Quyết số 45/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ Luật Dân Sự và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của QH khóa IX kỳ họp thứ 4;

Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 9 năm 2013, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

- Địa chỉ : 40 Hoàng Việt – P.4 - Q. Tân Bình – TP.HCM
- Điện thoại : 3991 0958 Fax : 3991 0960
- Đại diện là Ông : Ông **LÊ THÀNH NHƠN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Người giao dịch : Ông **NGUYỄN HUY ĐỊNH** Chức vụ: Đội Trưởng Đội XL 15
- Mã số thuế : 0301465263
- Tài khoản số : 1301000000423 Tại NH Đầu tư và Phát Triển VN–CN Sở Giao dịch 2

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

- Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Q1, TP. HCM.
- Điện thoại : 08 36 100 868 Fax : 08 38 200 645
- Đại diện là Ông : **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Mã số thuế : 0312067271
- Tài khoản số : 150 220 839 Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng Tp HCM

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU I : NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG:

- 1.1** Bên A giao cho Bên B cung cấp thiết bị (Theo bảng chi tiết khối lượng thiết bị đính kèm) cho hệ thống nước sinh hoạt tại công trình: **CẢI TẠO, XD MỘT SỐ HẠNG MỤC TRONG KHUÔN VIÊN TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI tại số 275 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3, Hồ Chí Minh**

- 1.2 Tổng trị giá hợp đồng: 182.813.244 đồng.** (Đã bao gồm thuế VAT).

(Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng)

ĐIỀU II : TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

BÊN A:

- 2.1** Bàn giao mặt bằng để Bên B tập kết vật tư.
- 2.2** Quyết toán hợp đồng theo đúng thời hạn và phương thức đã quy định trong hợp đồng.
- 2.3** Nếu Bên A muốn thay đổi quy cách, chủng loại vật tư, thiết bị nào thì phải thông báo cho Bên B bằng văn bản.
- 2.4** Cử người có trách nhiệm giám sát, bàn giao về chất lượng và số lượng vật tư, thiết bị tại công trình.



BÊN B:

- 2.5 Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, chất lượng thiết bị theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên.
- 2.6 Nếu Bên B muốn thay đổi quy cách, chủng loại vật tư, thiết bị nào đều phải được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản.
- 2.7 Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) của thiết bị.
- 2.8 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hóa đơn, chứng từ và nguồn gốc vật tư đầu vào khi xuất cho bên A
- 2.9 Bên B cung cấp cho bên A bảng hướng dẫn kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng của các thiết bị chính trong hệ thống.

ĐIỀU III : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản theo hình thức sau:

Sau khi đối chiếu xác nhận giữa hai bên, Bên B xuất hoá đơn GTGT cho Bên A đồng thời bên A có trách nhiệm thanh toán dứt điểm tiền giao hàng theo khối lượng đã đối chiếu cho Bên B (chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hoá đơn).

Trường hợp Bên A không thanh toán đúng theo thoả thuận của hợp đồng thì Bên B có quyền ngừng cung cấp hàng mà không phải chịu bất cứ khoản phí nào cho Bên A.

Giá trị thanh toán là khối lượng thực tế giao nhận tại công trường nhân với đơn giá theo hợp đồng

ĐIỀU IV : CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ:

4.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành thiết bị cho Bên A trong thời gian 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Mọi hư hỏng trở ngại do chất lượng thiết bị gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm thay thế sửa chữa hoàn chỉnh miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.

4.2 Bên B không có trách nhiệm bảo hành trong trường hợp:

- Sử dụng không đúng theo sự hướng dẫn kỹ thuật của Bên B.
- Sử dụng không đúng chức năng của thiết bị.
- Thiên tai, sự cố khác

ĐIỀU V : CAM KẾT CHUNG:

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng, nếu có gì thay đổi, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác.

5.2 Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết (có lập biên bản).

5.3 Trong trường hợp hai bên không tự ý giải quyết được, sẽ thống nhất đưa vụ việc đến Tòa Kinh tế TP. HCM để giải quyết. Quyết định của Tòa Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sẽ là quyết định cuối cùng.

5.4 Các chi phí về kiểm tra, giám định do bên có lỗi chịu.

5.5 Khi hai bên thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình thì hợp đồng xem như được thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản cùng nhau thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thuận Thuận

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIỆN ĐĂNG
Số: 0109-13/HĐTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- oOo -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Cải tạo, xây dựng một số hạng mục trong khuôn viên trường THPT
Nguyễn Thị Minh Khai

Hạng mục: Cung cấp thiết bị cho hệ thống nước sinh hoạt.

Địa điểm: 275 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

- Căn cứ hợp đồng số 0109-13/HĐTT ký ngày 12 tháng 09 năm 2013 giữa Công ty TNHH SX - TM - XD Hưng Việt và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng

Hôm nay ngày 25 tháng 11 năm 2014 chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : 40 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, TPHCM

Điện thoại : 08 3991 0958

Đại diện Ông: Huỳnh Hùng Việt

Chức vụ: Giám đốc

Người giao dịch Ông Hồ Ngọc Văn

Chức vụ: Đội trưởng đội XL

Mã số thuế : 0301465263

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, P.Tân Định, Quận 1, TPHCM

Điện thoại : 08 3995 2989

Đại diện Ông: Nguyễn Thuận Thuyền Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế : 0312067271

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã thi công hoàn thành khối lượng công việc theo đúng bảng khối lượng đính kèm hợp đồng số 0109-13/HĐTT ký ngày 12 tháng 09 năm 2013

2/ Giá trị quyết toán:

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1	0109-13/HĐTT	000099	09/11/2014	182.813.244 VNĐ
	CỘNG (A)			182.813.244 VNĐ
2	ĐÃ THANH TOÁN		15/11/2014	182.813.244 VNĐ
	CỘNG (B)			182.813.244 VNĐ
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0VNĐ

Hợp đồng 0109-13/HĐTT ký ngày 12 tháng 09 năm 2013 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày 09/11/2015

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B
Nguyễn Thuận Thuyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 01-9/HĐVT-ĐTN/2014

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự Nước CHXHCN VN và Nghị quyết số 45/2005-QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật dân sự và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước CHXHCNVN, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày... 05... tháng ...9... năm 2014, chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt – P.4 – Q. Tân Bình - TP.HCM
Điện thoại : 39910958 Fax : 39910960
Mã số thuế : 0301 465 263
Số tài khoản : 13010000000423 Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN – CN Sở Giao dịch 2
Người đại diện : Ông **LÊ THÀNH NHON** Chức vụ : **Tổng Giám Đốc**
Người giao dịch: Ông **HỒ NGỌC VĂN** Chức vụ: **Đội trưởng Đội Xây Lắp 6**



BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP, Tầng 8 số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Q.1, Tp. HCM
Điện thoại : 08 36 100 868 Fax : 08 38 200 645
Tài khoản : 150220839 Tại Ngân Hàng Á Châu chi nhánh Phan Đình Phùng
Mã số thuế : 0312067271
Người đại diện : Ông **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ : **Tổng Giám Đốc**

Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC GIAO DỊCH:

Bên B đồng ý cung cấp máy phát điện cho Bên A:

STT	TÊN SẢN PHẨM	DVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
01	Máy phát điện 20KVA (Cummins)	Bộ			
Bao gồm thuế VAT 10%					

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng

ĐIỀU 2 : PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN:

- Bên B giao cho Bên A đúng quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật và máy mới 100%.
- Địa chỉ giao hàng tại công trình Trung tâm nuôi dưỡng và bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc – Số 3E khu phố 2 – Đường Tô Ngọc Vân – Phường Thạnh Xuân – Quận 12.
- Giao hàng trong vòng 25 ngày.

ĐIỀU 3 : ĐIỀU KIỆN LẮP ĐẶT SẢN PHẨM VÀ BẢO HÀNH:

- Bên B bảo hành về chất lượng máy trong vòng 12 tháng kể từ ngày bàn giao máy.
- Bên B lắp đặt và chạy thử tại nơi giao máy.
- Bên B có trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng máy cho nhân viên của Bên A.
- Khi bàn giao máy, Bên B có trách nhiệm cung cấp hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật, các chỉ tiêu kỹ thuật, chất lượng của máy cho Bên A. Bên B cung cấp hướng dẫn bảo dưỡng máy định kỳ, các phương pháp giám định chất lượng máy.
- Khi xảy ra sự cố bảo hành. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A. Sau khi nhận được thông báo, Bên A sẽ cử nhân viên bảo hành (trong vòng 48 giờ) xuống nơi xảy ra sự cố kiểm tra và giám định, căn cứ theo giấy bảo hành sản phẩm:
 - Nếu lỗi do do Bên B:
 - + Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc bảo hành sản phẩm
 - + Mọi chi phí khác như: ăn, ở của nhân viên bảo hành, vận chuyển thiết bị bảo hành do Bên A chịu
 - Nếu do lỗi Bên A:
 - + Bên A chịu toàn bộ mọi chi phí liên quan đến việc bảo hành sản phẩm.
 - + Bên B có trách nhiệm cử nhân viên bảo hành hỗ trợ Bên A.
 - Sau thời gian bảo hành Bên B phải có trách nhiệm xử lý các sự cố, thay thế các phụ kiện, linh kiện của máy cho Bên A (tất cả chi phí do Bên A chịu).

ĐIỀU 4 : PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Lần 1: Tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng
- Số tiền là 409.500.000 đồng (Bốn trăm lẻ chín triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn)

- Lần 2: Bên A thanh toán 70% số tiền còn lại là 955.500.000 (Chín trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn), sau khi giao nhận máy và thanh lý hợp đồng, Bên B xuất hoá đơn đầy đủ cho Bên A.
- Thời gian giao hàng: Trong vòng 25 ngày kể từ ngày Bên A tạm ứng lần đầu cho bên B
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

ĐIỀU 5 : PHẠT HỢP ĐỒNG:

- Phạt giao hàng chậm: Nếu Bên B giao hàng chậm hơn thời gian quy định thì bị phạt 1% giá trị giao hàng chậm cho một ngày giao chậm.
- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A thanh toán chậm hơn thời hạn quy định thì bị phạt theo lãi suất cho vay của Ngân hàng trên giá trị tiền trả chậm cho mỗi ngày thanh toán chậm.

ĐIỀU 6 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng. Nếu có khó khăn trở ngại, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết, những bất đồng giữa hai bên trước hết được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp các bên không tự giải quyết được sẽ do Toà án các cấp đứng ra giải quyết theo Pháp luật hiện hành, án phí sẽ do bên có lỗi chịu. Phán quyết của Toà án Kinh Tế là bắt buộc đối với cả hai bên.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Sau khi Bên A thanh toán hết cho Bên B thì hợp đồng tự động thanh lý.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.



BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thanh Lộc

Hạng mục: Cung cấp tổ hợp máy phát điện

Địa điểm: Quận 12, TpHCM

- Căn cứ hợp đồng số : 01-9 /HĐVT- XDTN/2014 ký ngày 05 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty CP Đầu tư xây dựng Thanh Niên và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng

Hôm nay ngày tháng năm 2015 chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : 40 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình , TPHCM
Điện thoại : 08 3991 0958
Do Ông : **Lê Thành Nhơn** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện Ông : **Hồ Ngọc Văn,** Chức vụ: Đội trưởng ĐXL số 6
Mã số thuế : **0301465263**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TpHCM
Điện thoại : 08 3995 2989
Do Ông : **Nguyễn Thuận Thuyên** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã số thuế : **0312067271**

1/ Khối lượng công việc: Bên B đã hoàn thành nội dung công việc theo điều I của hợp đồng số 01-9 /HĐVT- XDTN /2014 ký ngày 05 tháng 9 năm 2014 .

2/ Giá trị quyết toán :

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1		0000120	17/10/2014	1.365.000.000 VND
	CỘNG (A)			1.365.000.000 VND
2	ĐÃ THANH TOÁN (B)		17/09/2014	409.500.000 VNĐ
			13/11/2014	355.500.000 VNĐ
			23/01/2015	93.000.000 VNĐ
			04/05/2015	507.000.000 VNĐ
	CỘNG (B)			1.365.000.000 VND
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0 VND

Hợp đồng số 01-9 /HĐVT- XDTN/2014 ký ngày 05 tháng 9 năm 2014 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày: 17/10/2015.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Thuận Thuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2016

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 2507.3/HDKT-NTC.01/TN-XL25)

(Hạng mục : Cung cấp thiết bị vệ sinh)

Công trình: NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9

- Căn cứ Luật Dân sự được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật Thương mại – Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006).
- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 06 năm 2011 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;
- Căn cứ luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 - Quốc Hội ban hành ngày 18/06/2014 áp dụng ngày 01/01/2015;
- Căn cứ Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 15/06/2015): Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Căn cứ Nghị Định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/07/2015): Về quản lý chất lượng về bảo trì công trình xây dựng
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.



BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Người đại diện : Ông **LÊ THÀNH NHƠN** Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Người giao dịch : Ông **NGUYỄN QUỐC HỌC** Chức vụ : Đội trưởng Đội XL25
(theo giấy ủy quyền Số. 8-8.1.10-XTN.10016 ngày 08/08/2016.....)
Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại : (08) 3991 0958 Fax : 3991 0960
Mã số thuế : 0301465263
Số tài khoản : 1301000000423 Tại NHĐT & PT VN – CN Sở Giao dịch 2

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Người đại diện : Ông **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng Tầng 8 , Số 85 Nguyễn Hữu Cầu , P.Tân Định , Q.1, Tp.HCM
Điện thoại : (08) 361.00.868 Fax : 3995 3027
Mã số thuế : 0312067271
Tài Khoản : 150 220 839 Tại Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG : Bên A giao cho bên B cung cấp gói thiết bị vệ sinh tại công trình: **NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9** theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm theo hợp đồng

- Tổng giá trị hợp đồng là: 307.488.025 đồng (Bằng chữ : Ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn không trăm hai mươi lăm đồng)

- Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT 10%.
- Giá trị thanh toán theo khối lượng thực tế bàn giao tại công trình.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bên B nhận tạm ứng đợt 1

ĐIỀU II: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tạm ứng đợt 1: 40% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký HĐ.
- Thanh toán đợt cuối: bằng giá trị quyết toán trừ phần đã thanh toán tạm ứng ở đợt 1 sau khi bên B lắp đặt xong thiết bị được bên A và bên B nghiệm thu khối lượng và bên B cung cấp cho bên A đầy đủ các hóa đơn, chứng từ hợp lệ, kèm theo chứng thư bảo lãnh ngân hàng 5% (năm phần trăm) giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng (năm) ngày kèm theo hồ sơ vật liệu của thiết bị

ĐIỀU III: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- Sau khi Bên A tạm ứng 40% giá trị hợp đồng, trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc bên B sẽ bàn giao thiết bị.
- Địa điểm giao hàng: Công trình NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG – KHU CÔNG NGHỆ CAO Q9

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM BÊN A:

- Hỗ trợ kho để bên B bàn giao thiết bị xuống công trình. Cử đại diện kiểm tra hàng hóa đầu vào;
- Thực hiện việc thanh toán cho bên B đúng theo điều II phương thức thanh toán của hợp đồng.

ĐIỀU V: TRÁCH NHIỆM BÊN B:

- Báo trước thời gian bàn giao vật tư xuống công trình ít nhất là 01 (một) ngày.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc đầu vào, cung cấp chứng từ Coliên quan đến nguồn gốc của thiết bị khi đưa xuống công trình. Bảo hành thiết bị 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu quyết toán.
- Xuất hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính

ĐIỀU VI: PHẠT HỢP ĐỒNG:

Các bên sẽ bị phạt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Cung cấp hàng hóa không đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, cung cấp hàng hóa không đúng chủng loại và chất lượng đã cam kết, nếu vi phạm phạt 1%(một phần trăm) giá trị hợp đồng/1 ngày chậm.
- Trường hợp bên B cung cấp hàng hóa chậm tiến độ bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng
- Nếu bên A vi phạm điều II phương thức thanh toán thì bên A phải chịu phạt theo lãi suất ngân hàng trong vòng 15 ngày, quá hạn 15 ngày thì chịu phạt 1%(một phần trăm) giá trị hợp đồng/1 ngày chậm thanh toán

ĐIỀU VII: CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH

- Sản phẩm được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất.

ĐIỀU VIII: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải có sự đồng ý của hai bên.
- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Mọi vấn đề bất lợi phát sinh, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết (tất cả mọi thương lượng giải quyết đều phải có lập biên bản kèm theo).

4652
NG T
PHÁ
XÂY
NH N
Y-TR.H

- Nếu trong quá trình thực hiện có khó khăn, trở ngại thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì đưa ra tòa án kinh tế Tp. HCM giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng hai bên phải thi hành.
- Hợp đồng trên được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thuận Thuận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 08 tháng 08 năm 2016

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Số: 2507.4/HDKT-NTC.01/TN-XL25)

(Hạng mục : Cung cấp tủ điện – đèn chiếu sáng & điện nhẹ)

Công trình: NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9

- Căn cứ Luật Dân sự được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật Thương mại – Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006).
- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 07 năm 2013 của Bộ Xây Dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 06 năm 2011 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;
- Căn cứ luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 - Quốc Hội ban hành ngày 18/06/2014 áp dụng ngày 01/01/2015;
- Căn cứ Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 15/06/2015): Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Căn cứ Nghị Định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/07/2015): Về quản lý chất lượng về bảo trì công trình xây dựng
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Người đại diện : Ông **LÊ THÀNH NHƠN** Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Người giao dịch : Ông **NGUYỄN QUỐC HỌC** Chức vụ : Đội trưởng Đội XL25
(theo giấy ủy quyền Số.....07-8.1.110 - XD.TN/2016 ngày 08/8/2016.....)
Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại : (08) 3991 0958 Fax : 3991 0960
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 6 5 2 6 3
Số tài khoản : 13010000000423 Tại NH ĐT & PT VN – CN Sở Giao dịch 2

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Người đại diện : Ông **NGUYỄN THUẬN THUYỀN** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng Tầng 8 , Số 85 Nguyễn Hữu Cầu , P.Tân Định , Q.1TPHCM
Điện thoại : (08) 361.00.868 Fax : 3995 3027
Mã số thuế : 0 3 1 2 0 6 7 2 7 1
Tài Khoản : 150 220 839 Tại Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG : Bên A giao cho bên B cung cấp gói thiết bị tủ điện – đèn chiếu sáng & điện nhẹ tại công trình: **NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG KHU CÔNG NGHỆ CAO QUẬN 9** theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm theo hợp đồng

- Tổng giá trị hợp đồng là: 1.081.261.793 đồng (Bằng chữ : Một tỷ, không trăm tám mươi một triệu, hai trăm sáu mươi một ngàn, bảy trăm chín mươi ba đồng)
- Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT 10%.
- Giá trị thanh toán theo khối lượng thực tế bàn giao tại công trình .

ĐIỀU II: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- **Tạm ứng đợt 1:** 40% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký HĐ
- **Thanh toán đợt cuối:** bằng giá trị quyết toán trừ phần đã thanh toán tạm ứng ở đợt 1 sau khi bên B lắp đặt xong thiết bị được bên A và bên B nghiệm thu khối lượng và bên B cung cấp cho bên A đầy đủ các hóa đơn, chứng từ hợp lệ, kèm theo chứng thư bảo lãnh ngân hàng bằng 5% (năm phần trăm) giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng (năm) ngày

ĐIỀU III: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

- Sau khi Bên B nhận được tạm ứng 40% giá trị hợp đồng, trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc bên B sẽ bàn giao các loại đèn và thiết bị điện nhẹ;
- **Riêng phần tủ điện khi nhận được tạm ứng đợt 1 trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau bên B sẽ bàn giao thiết bị;**
- Địa điểm giao hàng: Công trình NHÀ VĂN HÓA LAO ĐỘNG – KHU CÔNG NGHỆ CAO Q9

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

BÊN A

- Hỗ trợ kho để bên B bàn giao thiết bị xuống công trình. Cử đại diện kiểm tra hàng hóa đầu vào;
- Thực hiện việc thanh toán cho bên B đúng theo điều II phương thức thanh toán của hợp đồng.

BÊN B

- Báo trước thời gian bàn giao vật tư xuống công trình ít nhất là 01 (một) ngày.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc đầu vào, cung cấp chứng từ liên quan đến nguồn gốc của thiết bị khi đưa xuống công trình. Bảo hành thiết bị 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu quyết toán.
- Xuất hóa đơn GTGT hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính

ĐIỀU V: CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH

- Sản phẩm được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất.

ĐIỀU VI: PHẠT HỢP ĐỒNG:

Các bên sẽ bị phạt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Cung cấp hàng hóa không đúng tiến độ làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, cung cấp hàng hóa không đúng chủng loại và chất lượng đã cam kết, nếu vi phạm phạt 1%(một phần trăm) giá trị hợp đồng/ 1 ngày chậm.
- Trường hợp bên B cung cấp hàng hóa chậm tiến độ bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng
- Nếu bên A vi phạm điều II phương thức thanh toán thì bên A phải chịu phạt theo lãi suất ngân hàng trong vòng 15 ngày, quá hạn 15 ngày thì chịu phạt 1%(một phần trăm) giá trị hợp đồng/1 ngày chậm thanh toán

ĐIỀU VII: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của trên. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải có sự đồng ý của hai bên.
- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Mọi vấn đề bất lợi phát sinh, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để thương lượng giải quyết. (Tất cả mọi thương lượng giải quyết đều phải có lập biên bản kèm theo).
- Nếu trong quá trình thực hiện có khó khăn, trở ngại thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì đưa ra tòa án kinh tế Tp. HCM giải quyết. quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng hai bên phải thi hành.

14
Đ
Ổ
T
H
B

- Hợp đồng trên được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thuận Thuận

5:
3'
H
X
H
T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIỆN ĐĂNG
Số: 2507.4 /TLHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- oOo -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Nhà văn hóa lao động – Khu công nghệ cao Quận 9

Hạng mục: Cung cấp thiết bị đèn, tủ điện & điện nhẹ

Địa điểm: Khu công nghệ cao Quận 9

- Căn cứ hợp đồng số 2507.4/HĐKT- NTC.01/TN-XL25 ký ngày 08 tháng 08 năm 2016 ký giữa Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thanh Niên Và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng
- Căn cứ vào thư bảo lãnh bảo hành số: BLBH.PNN.37785.191216 phát hành ngày 19/12/2016 của Ngân hàng Á Châu (ACB)

Hôm nay ngày 30 tháng 12 năm 2016 chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại : 08.39910958

Đại diện Ông: **LÊ THÀNH NHON**

Mã số thuế : **0301465263**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Quận 1, TpHCM

Điện thoại : 08 3995 2989

Đại diện Ông: **NGUYỄN THUẬN THUYỀN**

Mã số thuế : **0312067271**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc theo nội dung hợp đồng số 2507.4/HĐKT- NTC.01/TN-XL25 ký ngày 08 tháng 08 năm 2016

2/ Giá trị quyết toán :

Giá trị hợp đồng : 1.081.261.793 đồng (A)

Giá trị quyết toán : 1.076.474.814 đồng (B)

Giá trị đã tạm ứng : 919.912.615 đồng (C)

Giá trị thanh toán kỳ này (D=B-C) : 165.562.199 đồng (D)

(Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng)

Giá trị bảo hành tương đương 5% giá trị quyết toán hợp đồng là : 53.824.000 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng) đã được bên B làm chứng thư bảo lãnh tại Ngân hàng Á Châu (ACB) và đã giao bản chính của chứng thư bảo lãnh cho bên A

Hợp đồng 2507.4/HĐKT- NTC.01/TN-XL25 ký ngày 08 tháng 08 năm 2016 sẽ được thanh lý ngay khi bên A thanh toán cho bên B số tiền còn lại: 165.562.199 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn một trăm chín mươi chín đồng) và hai bên A & B ký biên bản này.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC

KS. Lê Thành Nhon

ĐẠI DIỆN BÊN B


Nguyễn Thuận Thuyền



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----◇◇◇-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ**Số: 1624/HĐKT- TN- XL6****V/V: Cung cấp và lắp đặt Máy phát điện CUMMINS 250 KVA**

Căn cứ vào Bộ luật dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Luật số: 33/2005 ngày 14 tháng 06 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

Căn cứ vào Luật thương mại của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 36/2005 ngày 14 tháng 06 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.s

- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2016, đại diện hai bên gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THANH NIÊN

Địa chỉ : Số 40 Hoàng Việt – Phường 4 – Quận Tân Bình – TPHCM

Đại diện : Ông NGUYỄN TIN

Chức vụ: Phó tổng Giám đốc

Người giao dịch: Ông HỒ NGỌC VĂN

Chức vụ: Đội trưởng đội xây lắp số 6

Điện thoại : 08.39910958

Mã số thuế : 0301465263

Tài khoản số : 13010000000423 Tại Ngân hàng ĐPTT VN – CN Sở Giao Dịch 2

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP, Tầng 8 số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Q.1, Tp. HCM

Đại diện : NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại : 08 36 100 868

Mã số thuế : 0312067271

Tài khoản số : 150220839 Tại Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng

Sau khi đã xem và thảo luận cụ thể, hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với nội dung như sau:

ĐIỀU 01: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Bên B cung cấp cho Bên A máy phát điện hiệu CUMMINS, số lượng : 01 máy

ĐIỀU 02: SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH VÀ GIÁ BÁN

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)
01	MÁY PHÁT ĐIỆN CUMMINS C250D5 + Model: C250D5 + Động cơ: CUMMINS-6LTAA8.9-G2 + Đầu phát: STAMFORD / UCI 274J + Công suất dự phòng: 250KVA (Tổng hợp máy)	Máy	01	736.363.636	736.363.636



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

	<i>Bao gồm:</i> + Thùng cách âm: tiêu chuẩn + Bồn dầu: tiêu chuẩn + ABB Breaker: tiêu chuẩn <i>Xuất xứ: Nhà máy lắp ráp CUMMINS (USA) chính hãng. OEM China</i>				
02	THUẾ VAT 10%				73.636.364
03	TỔNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ				810.000.000

Tổng giá trị bằng chữ: Tám trăm mười triệu đồng chẵn.

ĐIỀU 03: THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG.

- Bên B giao cho bên A máy phát điện đúng quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật và máy mới 100%
- Thời gian giao hàng: trong vòng 30- 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nhận được thanh toán đợt 01.
- Địa chỉ giao hàng: Công trình Trung tâm bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh – Thủ Đức - TPHCM

ĐIỀU 04: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt và được chia làm 03 đợt như sau:

- Đợt 1: Tạm ứng cho Bên B 40% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng
- Đợt 2: Bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng trong vòng 05 ngày ngay sau khi hai bên nghiệm thu bàn giao máy
- Đợt 3: Thanh toán 10% còn lại ngay sau khi nghiệm thu máy và hóa đơn GTGT của bên B xuất

ĐIỀU 05: ĐIỀU KIỆN LẮP ĐẶT SẢN PHẨM VÀ BẢO HÀNH

- Trong quá trình giao hàng, Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A để Bên A chuẩn bị mặt bằng.
- Khi máy phát điện được đưa tới vị trí đặt máy. Bên A hoàn thành việc lắp đặt hoàn chỉnh
- Sản phẩm được bên B bảo hành 12 tháng tương đương 2.500h kể từ ngày nghiệm thu bàn giao máy
- Trong thời gian bảo hành nếu tổ máy phát điện trục trặc (không do thao tác của con người) thì bên B sẽ cho người xuống kiểm tra khắc phục trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo của bên A

- Sau khi máy phát được lắp đặt hoàn chỉnh, Bên A thông báo cho Bên B để Bên B chuẩn bị các công việc cần thiết trong việc vận hành, thử tải và nghiệm thu máy phát điện.

- Điều kiện bảo hành loại trừ:

- Người sử dụng không tuân thủ theo hướng dẫn kỹ thuật của bên B
- Điều kiện thiên tai bất khả kháng đối với hai bên A&B

ĐIỀU 06: TRÁCH NHIỆM HỢP ĐỒNG:

Trách nhiệm Bên A:

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi trong việc nghiệm thu, thanh toán cho bên B theo các điều khoản trong hợp đồng.



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-8) 3610 0868 (3 lines)

Trách nhiệm Bên B:

- Đảm bảo giao hàng đúng quy cách, phẩm chất, chất lượng, thời gian và địa điểm như cam kết trong hợp đồng
- Bên B có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng cho bên A
- Xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định
- **Giao hồ sơ CO, CQ + Catalogue**
- **Thời gian bảo hành 12 tháng**
- **Thông báo kết quả kiểm định thiết bị**

ĐIỀU 07: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Tất cả những trường hợp xảy ra ngoài khả năng bên A và Bên B như: Động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh ảnh hưởng trực tiếp đến nơi đến hoặc đi của máy, hay những trường hợp thuộc về thiên tai ảnh hưởng đến tàu biển khác sẽ được xem như là những trường hợp bất khả kháng.

7.2. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên thông báo cho nhau về sự kiện bất khả kháng và những hậu quả có ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng. trong trường hợp này, thời gian giao hàng và thời gian thanh toán sẽ được gia hạn thêm tùy theo thỏa thuận của hai bên.

ĐIỀU 08: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra mà các bên không dàn xếp ổn thỏa được, các bên sẽ đưa ra tòa án kinh tế Tp. HCM xét xử, phán quyết cuối cùng của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng để các bên thi hành. Mọi án phí của tòa án là bên thua phải chịu.

ĐIỀU 09: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

9.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và bên B đã nhận được tiền tạm ứng đợt 1, bất kỳ sửa đổi nào trong Hợp đồng chỉ có giá trị khi được ghi thành bằng văn bản và được Đại diện có thẩm quyền của hai bên ký kết.

9.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng, nếu bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Không bên nào được đơn phương tự ý hủy bỏ Hợp đồng nếu không được bên kia chấp thuận.

9.3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, Mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau.



NĂNG LỰC THI CÔNG

TRẠM BIẾN ÁP

-----♠♣♠-----

I. Công trình: Xây dựng mới trạm biến áp 320KVA 15(22)/0.4KV Trường THPT Phường 13 Quận 8, Tp. HCM (2014)

Địa điểm: Bến Bình Đông, Phường 13 Quận 8 Tp. HCM

- + *Hợp đồng kinh tế*
- + *Biên bản nghiệm thu đóng điện*
- + *Thanh lý hợp đồng*

II. Công trình: Xây dựng mới trạm biến áp 160KVA 15(22)/0.4KV Trường Tiểu Học Phường 11 Quận 6, Tp. HCM (2015)

Địa điểm: Phường 11, Quận 6, Tp. HCM

- + *Hợp đồng kinh tế*
- + *Biên bản nghiệm thu đóng điện*
- + *Thanh lý hợp đồng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----oOo-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: 0111-2014 /HĐKT/ HV-TĐ

Hạng mục : Xây dựng mới trạm biến thế 320KVA 15(22)/0.4KV Trường THPT Phường 13, Quận 8, TP.HCM

Địa điểm: Đường Bến Bình Đông, phường 13, Quận 8, TP.HCM

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam do Chủ tịch Nước ký lệnh công bố ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Căn cứ luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2014, chúng tôi gồm :

BÊN A: (BÊN GIAO THẦU) CTY TNHH TM SX XD HÙNG VIỆT

Người đại diện : Ông **Huỳnh Hùng Việt** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : B45 Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8, TPHCM

Điện thoại : (08) 54310630 Fax: (08) 5431 0637

Tài khoản : 141.10.00.006627.6 NH Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0302622021

Bên B: (BÊN NHẬN THẦU) CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Người đại diện : Ông **Nguyễn Thuận Thuyên** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, 85 Nguyễn Hữu Cầu, P Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 08.38200645 Fax: 08.3995 3027

Mã số thuế : 0312067271

Tài khoản : 150 220 839 tại Ngân hàng Á Châu - Tp HCM

Sau khi bàn bạc, thống nhất ý kiến hai bên tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B nhận thầu thực hiện thi công hoàn tất hạng mục “Xây dựng mới trạm biến thế 320kVA 15(22)/0.4kV ” thuộc công trình Trường THPT Phường 13, Quận 8, TP.HCM theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

ĐIỀU 2: TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

- Bên B phải thực hiện theo đúng yêu cầu của bên A và đảm bảo các yêu cầu khác được qui định trong hợp đồng này.
- Tất cả các loại vật liệu và thiết bị do bên B cấp phải đúng chủng loại, xuất xứ, nhà sản xuất đã qui định trong hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Tất cả các trường hợp thay đổi thiết kế hoặc thay đổi chủng loại vật liệu (thị trường không/chưa có) so với bảng khối lượng đã được duyệt, thì bên B có thể đề xuất chuyển đổi tương đương nhưng phải có sự chấp nhận của bên A.
- Công tác nghiệm thu: Bên B sẽ lập kế hoạch nghiệm thu dựa trên tiến độ thi công cụ thể và thông báo bằng văn bản cho bên A trước 03 ngày trước khi công việc hoàn thành.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN & TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Thời gian thực hiện công trình là 75 ngày (bảy mươi lăm ngày) bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ, chủ nhật kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thi công sẽ được gia hạn nếu nguyên nhân gây chậm tiến độ thi công là do trường hợp bất khả kháng, các nguyên nhân khách quan khác, phát sinh khối lượng do thay đổi thiết kế, hoặc công trình bị đình chỉ thi công không do lỗi bên B gây ra. Bên B trong vòng 02 (hai) ngày phải có văn bản chính thức thông báo cho bên A biết lý do và thời gian đình trệ cũng như hướng khắc phục. Sau khi nhận được văn bản của bên B, trong vòng 03(ba) ngày bên A phải có văn bản chính thức. Trong những trường hợp này hai bên A và B phải có văn bản thỏa thuận thống nhất để làm cơ sở điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 4 : ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

- Tuân theo các qui định hiện hành của ngành điện.
- Trong quá trình thi công trên công trình, nếu có bất kỳ những sai sót khiếm khuyết thì Bên B bắt buộc phải cải thiện, sửa chữa kịp thời những hư hại hoặc khiếm khuyết này. Và thời gian này sẽ không được tính trong thời gian hoàn thành công trình.
- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo qui định hiện hành.
- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo tính đồng bộ trong công tác vận hành, đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo qui định hiện hành. Các biên bản nghiệm thu hạng mục công việc, bản vẽ hoàn công được lập đầy đủ.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu khi bên B thi công không đạt yêu cầu về kỹ thuật.
- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo qui định hiện hành của pháp luật.
- Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày bên B thông báo hoặc gửi thư mời nghiệm thu công trình mà bên A không cử người tiến hành nghiệm thu với bên B hoặc bên A không có ý kiến gì, thì công trình được coi như đã nghiệm thu toàn bộ, đây là cơ sở để tính thời gian bảo hành và thanh quyết toán.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT 10%: **780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng).**
- Mọi thay đổi và điều chỉnh phải được thông báo kịp thời cho bên B, không làm ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện và cung cấp vật tư của bên B.
- Tiến độ thực hiện các công việc phát sinh được hai bên thỏa thuận bằng văn bản tại thời điểm phát sinh.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản
- Tiến độ thanh toán:
 - Bên A tạm ứng cho bên B 30 % giá trị hợp đồng ngay khi ký hợp đồng.
 - Bên A tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi Bên B lắp đặt vật tư thiết bị chính.
 - Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị hợp đồng (Toàn bộ phần còn lại) ngay sau khi Bên B cung cấp: biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng, hoá đơn giá trị gia tăng

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH

Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu. Trong thời gian bảo hành mọi chi phí phát sinh sẽ do bên B chịu nếu đó là lỗi của bên B.

ĐIỀU 8: TRANH CHẤP & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan từ việc thực hiện hợp đồng này sẽ được giải quyết trên tinh thần hợp tác, hoà giải thông qua thương lượng.
- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì vấn đề sẽ được trình lên toà án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết này sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc hai bên và bên thua kiện phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết. Trong quá trình xét xử, hai bên vẫn phải duy trì nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trừ phần việc đang có tranh chấp.

ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM BÊN A

- Bàn giao mặt bằng thi công, vị trí công trình cho bên B. Trừ trường hợp bất khả kháng.
- Thông báo cho bên B tiến độ thực hiện các việc liên quan đến công việc của bên B.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình thi công cử người đại diện có đủ quyền hạn điều hành phối hợp chung trên công trường để bên B thuận lợi trong việc tổ chức thi công, đảm bảo tiến độ thi công công trình.
- Cử cán bộ giám sát thường xuyên trên công trình để theo dõi chất lượng thi công, xác định chất lượng vật tư, thiết bị sử dụng trên công trình, phương pháp thi công, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, khối lượng phát sinh để làm cơ sở thanh toán cho bên B.
- Ký duyệt các tài liệu kỹ thuật do bên B cung cấp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận những tài liệu kỹ thuật.
- Bàn giao các tài liệu cần thiết liên quan đến việc thực hiện công việc của bên B.
- Thanh toán cho bên B theo điều 8 của hợp đồng.
- Có quyền đình chỉ thi công nếu bên B thi công không đúng thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, cung cấp không đúng, không đảm bảo chất lượng thiết bị, vật tư.
- Có quyền thay đổi nhân sự của bên B nếu không đáp ứng được yêu cầu của bên A đưa ra. Việc thực hiện thay đổi nhân sự này phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận thông báo của bên A. Mọi chi phí phát sinh và tiến độ chậm trễ do bên B chịu.

ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM BÊN B

- Bên B tự lo tổ chức thực hiện toàn bộ khối lượng công việc được giao.
- Tuân thủ các quy định, quy phạm về xây dựng cơ bản hiện hành.
- Đảm bảo thi công theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt.
- Giữ gìn vệ sinh công trường, an ninh trật tự trong suốt thời gian thi công.
- Sau khi hoàn thành xong công việc hoặc theo yêu cầu của bên A, thì bên B phải thu dọn vệ sinh sạch sẽ và di chuyển toàn bộ vật tư công cụ, dụng cụ thi công ra khỏi khu vực thi công hoặc khuôn viên của bên A.
- Thực hiện các phát sinh (tăng/giảm nếu có) theo yêu cầu của bên A để phù hợp với điều kiện tình hình công trình.
- Tuân thủ đúng thiết kế kỹ thuật và các điều kiện đã nêu ở điều 1 và 2 của hợp đồng.
- Trong trường hợp bên A phát hiện bên B thi công không đảm bảo an toàn lao động, thì bên A có quyền đình chỉ thi công cho đến khi bên B đảm bảo an toàn lao động.
- Lập bảng khối lượng, giá trị và thời gian gia hạn cho các công việc phát sinh gửi cho chủ đầu tư phê duyệt chậm nhất là 05 (năm) ngày sau khi nhận được yêu cầu của bên A có sự kiểm tra của đơn vị tư vấn giám sát.
- Phối hợp chặt chẽ với các Bên khác để hoàn thành tốt công trình, nhằm tiết kiệm vật tư và thời gian cho bên A.
- Lập nhật ký công trình trên công trường, theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện tiến độ thi công. Cử nhân viên chuyên trách cập nhật hàng ngày tình hình thực hiện tiến độ thi công đã hoàn thành. Luôn có biện pháp xử lý tốt các sự cố, các vấn đề kỹ thuật, về vệ sinh môi trường trong công trường. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch, chất lượng công trình và các kiến nghị của Bên A.
- Chấp hành nội dung đã thống nhất trong các cuộc họp giao ban. Tuân thủ sự điều phối của bên A, có trách nhiệm phối hợp tốt với các Bên B khác trên công trường. Bồi thường các thiệt hại gây ra cho chủ đầu tư và các Bên B khác do việc không chấp hành đúng qui định hoặc các biên bản họp giao ban công trình.
- Chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng các công tác hoàn thành. Phải kiểm tra chất lượng công trình theo đúng quy định tại các điều lệ về quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004
- Tuân thủ những nội quy do bên A đề ra. Đảm bảo về an toàn lao động và công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi sinh, môi trường và các hoạt động khác ở công trường theo qui định hiện hành.

- Cùng phối hợp với bên A giải quyết những vướng mắc, trở ngại khó khăn trong suốt quá trình nghiệm thu, thi công, thanh toán, bảo hành công trình.
- Cung cấp cho bên A hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo đúng qui định tài chính của nhà nước.

ĐIỀU 12 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện tốt những điều khoản đã thoả thuận trong bản hợp đồng này.
- Đơn vị thi công chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh công trường, an toàn thiết bị ...
- Các hạng mục tăng, giảm về khối lượng sẽ được hai bên thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản và được người có thẩm quyền của hai bên phê duyệt mới được thực hiện và được coi là cơ sở cho việc thanh quyết toán sau này.
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt khi hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình.
- Các phụ lục kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản và bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Hùng Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B



Thiên Đăng



Số: 1 1 3 6 /BB-PCCL

Quận 5, ngày tháng 04 năm 2015

BIÊN BẢN

V/v nghiệm thu đóng điện công trình “XDM TBA 1x320kVA 15(22)/0,4kV
– Trường THPT P13 Q8”.

Các hạng mục thực hiện trong công trình:

- | | | |
|---|---|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> Cấy mới trạm | <input type="checkbox"/> Di dời trạm | <input type="checkbox"/> TCCS, đổi điện thế |
| <input checked="" type="checkbox"/> Kéo mới lưới TT | <input type="checkbox"/> Di dời lưới TT | <input type="checkbox"/> Cải tạo lưới TT |
| <input type="checkbox"/> Kéo mới lưới HT | <input type="checkbox"/> Di dời lưới HT | <input type="checkbox"/> Cải tạo lưới HT |

Nguồn vốn: Khách hàng.

Địa chỉ xây dựng: Tại 627-629-641-681 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, Tp.HCM.

Thuộc phạm vi quản lý của: Công ty Điện lực Chợ Lớn.

Thông báo khởi công: số 01/TBKC-TĐ ngày 06/03/2015 của Công ty CP Đầu tư xây dựng Thiên
Đăng

Chủ đầu tư: Ban QLĐT XDCT Quận 8 Tp. HCM.

Đơn vị TV Thiết kế: Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh Doanh Điện Lực.

Đơn vị TV Giám sát: Công ty Cổ Phần Đầu tư Kinh Doanh Điện Lực.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH SX TM XD Hưng Việt - Công ty CP Đầu tư xây dựng
Thiên Đăng

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày tháng năm 2015, thành phần tham gia nghiệm
thu đóng điện gồm:

- | | | |
|---|--------------------|-------------------------|
| - Chủ tịch HĐ nghiệm thu : | Ông Lê Văn Đoàn | , Chức vụ: Phó Giám đốc |
| - Đại diện Chủ đầu tư : | Ông Trương Hạ Long | , Chức vụ: Giám đốc |
| - Các thành viên trong hội đồng nghiệm thu gồm: | | |

	<u>Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1. Đ/diện Phòng KTAT	: Ông Trần Văn Thành	Trưởng Phòng
2. Đ/diện Phòng KTAT	: Ông Phạm Hữu Hạnh	Cán bộ An toàn
3. Đ/diện Phòng KTAT	: Ông Vũ Huy Chương	Cán bộ kỹ thuật
4. Đ/diện Phòng KTAT	: Ông Lê Hồng Phát	Cán bộ kỹ thuật
5. Đ/diện Đội QLLĐ	: Ông Phạm Thành Vinh	Đội Trưởng
6. Đ/diện Phòng K.doanh	: Ông Trương Bá thành	Tổ trưởng
7. Đ/diện Phòng KHVT	: Ông Nguyễn Thanh Sơn	Nhân viên
8. Đ/diện Đội QLTH 2	: Ông Nguyễn Minh Thức	Nhân viên
9. Đ/diện Chủ đầu tư	: Ông Trương Hạ Long	Giám đốc
10. Đ/diện Đơn vị thi công :		
Công ty TNHH SX TM XD Hưng Việt:	Ông Huỳnh Hùng Việt	Giám đốc
Công ty CP ĐT XD Thiên Đăng	: Ông Nguyễn Thuận Thuyên	Tổng Giám Đốc
	: Ông Đặng Nam Ninh	Cán bộ kỹ thuật
11. Đ/diện Đơn vị TVGS	: Ông Nguyễn Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
12 Đ/diện Đơn vị TVTK	: Ông Nguyễn Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Căn cứ thư mời nghiệm thu số /TM -PCCL ngày 25 / 04 /2015, Hội đồng nghiệm thu đã xem xét các văn bản, tài liệu nghiệm thu, các văn bản kiểm tra khối lượng, chất lượng công trình và trên cơ sở kiểm tra các hạng mục công trình tại hiện trường, các bên đồng ý lập biên bản nghiệm thu với các nội dung sau

I. Về khối lượng hạng mục chính của công trình:

1) Lưới trung thế:

- Kéo mới 10 mét đơn tuyến dây trung thế 3M25mm², hiệu Thịnh Phát;
- Lắp mới 03 FCO 24kV-100A, ;
- Lắp mới 03 LA 18kV-10KA, ;

2) Trạm biến thế:

- Máy biến thế : 1x320kVA – 15(22)/0,4kV, hiệu Thibidi
- Tên trạm : Trường THPT P13Q8
- Danh số : T19FE101N
- Công suất trạm : 320kVA
- Điện áp vận hành : 15(22)/0,4kV
- Tuyến trung thế : Xóm Cùi - Trạm Phú Định
- Thiết bị đóng cắt bảo vệ:
 - Phía trung thế :
 - + 03 FCO 24kV-100A, ;
 - Phía hạ thế :
 - + MCCB 3 pha 500A - 690VAC, .
- Máy biến thế thuộc tài sản: Khách hàng

3) Hệ thống đo đếm:

Số điện kế của : ☒ một ☐ hai

Điện kế trạm:

- TI hạ thế 500/5A, Số lượng: 03 cái
- Điện kế loại :
- Hiệu: , No:
- Hệ số nhân :
- Chỉ số ban đầu : 00000
- Phiên lộ trình : 16EI090C1-632768
- Vị trí : Đặt tại trạm

4) Nội dung khác:

II. Về số liệu thử nghiệm:

- 1) Máy biến thế: Biên bản số 14319/BB-ETC-CT ngày 05/12/2014 của Công ty Thử nghiệm Điện lực TP.HCM.

NỘI DUNG			MBT 3 pha, công suất 250 kVA
Hiệu máy			THIBIDI
Số máy			142250425
Điện trở cách điện [MΩ]	Cao – Vô		3.000
	Cao – Hạ		3.000
	Hạ – Vô		2.000
Điện trở một chiều [Ω]	Cuộn sơ cấp	AB	17,180
		BC	17,150
		CA	17,110
	Cuộn thứ cấp	R _{a0}	0,00220
		R _{b0}	0,00220
		R _{c0}	0,00220

2) Điện trở tiếp đất của trạm (Ω): đo ngày 09/12/2014 do Công ty Thí nghiệm Điện lực TP.HCM thực hiện, số liệu như sau:

- Có kết nối trung hoà hệ thống : 0,57 (Ω);
- Không kết nối trung hoà hệ thống : 2,68 (Ω);

3) Điện trở cách điện cáp ngầm trung thế lắp mới ($M\Omega$):

Kiểm tra đồng vị pha: Không kiểm tra

☐ Đúng đồng vị pha.

☐ Không đúng đồng vị pha.

III. Nhân xét:

☒ Đạt yêu cầu kỹ thuật.

☐ Không đạt yêu cầu kỹ thuật.

IV. Kết luận của hội đồng nghiệm thu:

☒ Trong quá trình thi công, từng bộ phận công trình đã được tái lập sau khi lắp đặt xong.

☒ Đồng ý cho phép đóng điện lúc giờ phút, các thông số đo được:

- Điện áp pha (1-N/2-N/3-N) [V] : 224/224/224
- Điện áp dây (1-2/2-3/1-3) [V] : 386/386/386

☒ Đồng ý cho phép đưa công trình vào vận hành với một số lưu ý như sau:

- Hội đồng nghiệm thu chỉ nghiệm thu đóng điện công trình để đưa vào vận hành sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện để đóng điện;
- Chủ đầu tư, đơn vị TVTK, đơn vị TVGS và đơn vị thi công phải đảm bảo chất lượng thi công các hạng mục lắp khuất, chất lượng VTTB sử dụng, chất lượng thi công công trình, đúng theo thiết kế được duyệt và các qui định hiện hành.
- Chủ đầu tư không được có bất cứ hành vi vi phạm hoặc xây dựng công trình phụ xâm phạm vào hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

☐ Không đồng ý cho phép đưa công trình vào khai thác (ghi rõ lý do ở phần tồn tại).

☐ Công trình còn các thiếu sót, tồn tại cần phải tiếp tục giải quyết như sau:

.....
.....
.....

Biên bản nghiệm thu kết thúc lúc 0 giờ 3 phút cùng ngày, được đọc rõ cho các thành viên hội đồng nghiệm thu cùng nghe và ký tên.

Các thành viên hội đồng nghiệm thu:

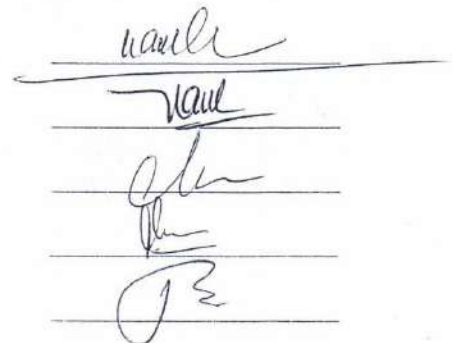
1. Đ/diện Phòng KTAT : Trần Văn Thành

2. Đ/diện Phòng KTAT : Phạm Hữu Hạnh

3. Đ/diện Phòng KTAT : Vũ Huy Chương

4. Đ/diện Phòng KTAT : Lê Hồng Phát

5. Đ/diện Phòng K.doanh : Trương Bá Thành



6. Đ/diện Phòng KHVT : Nguyễn Thanh Sơn

7. Đ/diện Đội QLLĐ : ~~Nguyễn Thanh Sơn~~
Phạm Thanh Vinh

8. Đ/diện Đội QLTH 3 : Nguyễn Minh Thúc

9. Đ/diện Đơn vị thi công : Nguyễn Công Lý

10. Đ/diện Chủ đầu tư

Nguyễn Hữu Lộc

Nguyễn Khắc Tường

Công ty TNHH SX TM XD
Hưng Việt



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hưng Việt

ĐƠN VỊ THI CÔNG
Công ty CPĐT XD
Thiên Đăng



Nguyễn Thuận Thuận



PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NAM NINH

ĐƠN VỊ
TƯ VẤN THIẾT KẾ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Quang

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHỢ LỚN
KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Đoàn

ĐƠN VỊ
KIỂM NGHIỆM GIÁM SÁT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Quang
CHỦ ĐẦU TƯ

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Hội đồng nghiệm thu (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.KTAT, VHC.(12).

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THIỆN ĐĂNG
Số: 0111-2014/TLHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- oOo -----

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Công trình: Trường tiểu học Phường 13 Quận 8

Hạng mục: Thi công trạm biến thế 320KVA15(22)/0.4KV

Địa điểm: Phường 13 Quận 8 TpHCM

- Căn cứ hợp đồng số : 0111-2014/HĐKT-TĐ ký ngày 08 tháng 12 năm 2014 ký giữa Công ty TNHH SX TM XD Hưng Việt và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thiên Đăng
- Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

Hôm nay ngày 03 tháng 06 năm 2015 chúng tôi gồm :

BÊN A : CÔNG TY TNHH SX TM XD HƯNG VIỆT

Địa chỉ : B45 Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8, TPHCM

Điện thoại : 08 5431 0630

Đại diện Ông : **Huỳnh Hùng Việt** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0302622021

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc VP tầng 8, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định, Q. 1, TP.HCM

Điện thoại : 08 3995 2989

Đại diện Ông: **Nguyễn Thuận Thuyền** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế : 0312067271

1/ Khối lượng công việc:

Bên B đã thi công hoàn thành trạm biến thế 320KVA15(22)/0.4KV theo hợp đồng số 0111-2014/HĐKT-TĐ ký ngày 08 tháng 12 năm 2014

2/ Giá trị quyết toán :

STT	Hợp đồng	Số hóa đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền (VND)
1	0111-2014/HĐKT-TĐ	0000128	27/03/2015	780.000.000 VND
	CỘNG (A)			780.000.000 VND
2	ĐÃ THANH TOÁN (B)			780.000.000 VND
SỐ CÒN LẠI PHẢI THANH TOÁN (A-B)				0VND

Bảng chữ: Không đồng

Hợp đồng số: 0111-2014/HĐKT-TĐ ký ngày 08 tháng 12 năm 2014 sẽ được thanh lý ngay khi hai bên A&B ký biên bản này.

Riêng điều khoản bảo hành còn hiệu lực đến hết ngày 27/03/2016.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Huỳnh Hùng Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thuận Thuyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
-----oOo-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: 14/15PN –BQLDTXDCTQ6/HĐKT/2015

Dự án : Xây dựng Trường tiểu học Phường 11 Quận 6, TP.HCM.

Gói thầu : Thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện

Địa điểm : Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 18/6/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 06/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị Định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng,;
- Căn cứ Nghị Định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính Phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị Định 12/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Căn cứ thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 05/08/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/09/2009 của bộ trưởng Bộ xây dựng V/v ban hành Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư XD công trình;
- Căn cứ quyết định Số: 193 /QĐ-QLĐTXDCT ngày 15/06/2015 Về việc điều chỉnh Quyết định số 148/QĐ-QLĐTXDCT ngày 31/7/2014 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 6 về điều chỉnh khoản 8 tại điều 1 của quyết định số 61/QĐ-QLĐTXDCT ngày 31/3/2014 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 6 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình xây dựng Trường Tiểu học Phường 11, quận 6;
- Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-QLĐTXDCT ngày 03/07/2015 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 6 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ngày 01/07/2015 giữa Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 6 và Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Phương Nam về việc thỏa

thuận các điều khoản hợp đồng thi công gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện cho Dự án xây dựng Trường tiểu học Phường 11 Quận 6;

- Căn cứ thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số 45/TB-GĐ ngày 03/07/2015 của Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Gia Định về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện thuộc dự án xây dựng Trường tiểu học Phường 11 Quận 6;

- Căn cứ nhu cầu của Bên A và khả năng của Bên B.

Hôm nay, ngày 14 tháng 07 năm 2015, chúng tôi gồm :

BÊN A: BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẬN 6

Người đại diện : NGUYỄN THẾ MỸ Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 141 Chu Văn An, Phường 2, Quận 6, TP.HCM
Điện thoại : 08 38556248 Fax:
Tài khoản : 8211.27046480 tại Kho bạc Tp.Hồ Chí minh

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

Người đại diện : NGUYỄN THUẬN THUYỀN Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1. TP.HCM
Điện thoại : 08.36100868 Fax: 08.39953027
Mã số thuế : 0312067271
Tài khoản : 150220839
Ngân hàng : Ngân Hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng – TP.HCM

Sau khi bàn bạc, thống nhất ý kiến hai bên tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A giao thầu trọn gói cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện cho Dự án xây dựng Trường tiểu học Phường 11 Quận 6 đến khi nghiệm thu đóng điện bàn giao đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 2: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Các tài liệu theo thứ tự ưu tiên sau đây được coi là một phần của Hợp đồng kinh tế này:

- 2.1 Hợp đồng kinh tế số 14/5/PN –BQLDTXDCTQ6/HĐKT/2015;
- 2.2 Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- 2.3 Quyết định số 220/QĐ-QLĐTXDCT ngày 03/07/2015 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 6 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu.

ĐIỀU 3: TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

- 3.1 Bên B phải thực hiện theo đúng yêu cầu của bên A và đảm bảo các yêu cầu khác được quy định trong hợp đồng này.
- 3.2 Tất cả các loại vật liệu và thiết bị do bên B cấp phải đúng chủng loại, xuất xứ, nhà sản xuất và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- 3.3 Tất cả các trường hợp thay đổi thiết kế hoặc thay đổi chủng loại vật liệu (thị trường không/chưa có) so với bảng khối lượng đã được duyệt, thì bên B có thể đề xuất chuyển đổi tương đương nhưng phải có sự chấp nhận của bên A.
- 3.4 Công tác nghiệm thu: Bên B sẽ lập kế hoạch nghiệm thu dựa trên tiến độ thi công cụ thể và thông báo bằng văn bản cho bên A trước 03 ngày trước khi công việc hoàn thành.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN & TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 4.1 Thời gian thực hiện công trình là 45 (Bốn mươi lăm) ngày (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ, chủ nhật) kể từ khi có lệnh khởi công.
- 4.2 Thời gian thi công sẽ được gia hạn nếu nguyên nhân gây chậm tiến độ thi công là do trường hợp bất khả kháng, các nguyên nhân khách quan khác, phát sinh khối lượng do thay đổi thiết kế, hoặc công trình bị đình chỉ thi công không do lỗi bên B gây ra. Bên B trong vòng 02 (hai) ngày phải có văn bản chính thức thông báo cho bên A biết lý do và thời gian đình trệ cũng như hướng khắc phục. Sau khi nhận được văn bản của bên B, trong vòng 03(ba) ngày bên A phải có văn bản chính thức. Trong những trường hợp này hai bên A và B phải có văn bản thỏa thuận thống nhất để làm cơ sở điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

- 5.1 Tuân theo các qui định hiện hành của ngành điện.
- 5.2 Trong quá trình thi công trên công trình, nếu có bất kỳ những sai sót khiếm khuyết thì Bên B bắt buộc phải cải thiện, sửa chữa kịp thời những hư hại hoặc khiếm khuyết này. Và thời gian này sẽ không được tính trong thời gian hoàn thành công trình.
- 5.3 Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo qui định hiện hành.
- 5.4 Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo tính đồng bộ trong công tác vận hành, đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo qui định hiện hành. Các biên bản nghiệm thu hạng mục công việc, bản vẽ hoàn công được lập đầy đủ.
- 5.5 Bên A có quyền từ chối nghiệm thu khi bên B thi công không đạt yêu cầu về kỹ thuật.
- 5.6 Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo qui định hiện hành của pháp luật.
- 5.7 Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày bên B thông báo hoặc gửi thư mời nghiệm thu công trình mà bên A không cử người tiến hành nghiệm thu với bên B hoặc bên A không có ý kiến gì, thì công trình được coi như đã nghiệm thu toàn bộ, đây là cơ sở để tính thời gian bảo hành và thanh quyết toán.

ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10% cho phạm vi công việc được mô tả ở trên là: **862.336.165 đồng (Tám trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).**

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 7.1 **Phương thức thanh toán:** Thanh toán bằng chuyển khoản
- 7.2 **Tạm ứng hợp đồng:** Bên A tạm ứng cho bên B 10% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng đã được ký kết và bên B cung cấp chứng thư đảm bảo thực hiện hợp đồng là 3% giá trị hợp đồng trước khi hợp đồng được ký kết.
- 7.3 **Tiến độ thanh toán:** Thanh toán 02 đợt như sau:

+ Đợt 1: Bên A thanh toán cho bên B 80% giá trị khối lượng hoàn thành (đã thu hồi tạm ứng 100%) ngay sau khi công trình nghiệm thu đóng điện bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị khối lượng hoàn thành còn lại sau khi công trình được cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu đóng điện bàn giao đưa vào sử dụng công trình
- Chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình trong 12 tháng;
- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên A đúng quy định;

7.4 Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên B đã ghi tại trang 2 của hợp đồng.

7.5 Đồng tiền áp dụng thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

ĐIỀU 8: KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN KHI CÓ PHÁT SINH

8.1 Phần khối lượng phát sinh tăng hay giảm trong quá trình thi công so với khối lượng dự toán được duyệt, do thay đổi thiết kế, phải được bên A chấp thuận bằng văn bản. Bên A phải phê duyệt dự toán phát sinh trước khi bên B thi công để làm cơ sở cho việc quyết toán và thanh toán.

8.2 Các khối lượng phát sinh tăng hay giảm đều phải được thể hiện trên bản vẽ hoàn công và được chủ đầu tư chấp nhận mới có giá trị thanh toán.

8.3 Giá trị thanh toán: bằng giá trị hợp đồng theo điều 6 của hợp đồng này cộng với giá trị khối lượng phát sinh tăng và trừ đi giá trị phát sinh giảm. Trong trường hợp không có khối lượng phát sinh thì giá trị thanh toán là giá trị hợp đồng.

8.4 Giá trị hợp đồng chỉ có thể được điều chỉnh trong trường hợp bên A yêu cầu thay đổi thiết kế như sau:

- Nếu khối lượng công việc phát sinh mà đơn giá đã có trong đơn giá của bảng dự toán chi tiết (Phụ lục 01) thì giá trị phần phát sinh tăng hoặc giảm đó được tính theo đơn giá đó hoặc theo đơn giá thay đổi được qui định pháp luật cho phép.
- Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong hợp đồng thì giá trị phần phát sinh tăng được tính theo đơn giá thỏa thuận giữa hai Bên trước khi thi công.
- Tất cả khối lượng - đơn giá - giá trị thành tiền phát sinh phải được sự chấp thuận của đại diện có thẩm quyền của chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc, các khối lượng phát sinh được tiến hành xây lắp khi chưa có phê duyệt giá trị phát sinh thì xem như không có phát sinh và không được thanh toán.

8.5 Đối với những hạng mục công việc mà Bên B không thể tiếp tục thi công hoặc bỏ dở hoặc chủ đầu tư cắt hợp đồng do bởi các nguyên nhân như không đảm bảo chất lượng, không đảm bảo tiến độ thi công, hoặc do các nguyên nhân khác thì chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị thi công khác để thực hiện. Mọi chi phí thực hiện cho những phần còn lại này được thể hiện trên hồ sơ quyết toán giữa bên A và bên thứ Ba sẽ được khấu trừ vào giá trị hợp đồng này tương đương với khối lượng công việc. Bên thứ Ba là đơn vị thi công khác được thuê bởi bên A. Bên B sẽ hoàn toàn chấp nhận các chi phí đó mà không có bất kỳ sự khiếu kiện nào. Việc thanh toán khối lượng đã thực hiện trước đó sẽ được tiến hành sau khi có sự xác nhận của đơn vị kiểm toán.

ĐIỀU 9: CÁC LOẠI BẢO HÀNH

Thời gian bảo hành công trình là 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu. Trong thời gian bảo hành mọi chi phí phát sinh sẽ do bên B chịu nếu đó là lỗi của bên B.

ĐIỀU 10: TRANH CHẤP & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1 Mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan từ việc thực hiện hợp đồng này sẽ được giải quyết trên tinh thần hợp tác, hoà giải thông qua thương lượng.
- 10.2 Trường hợp thương lượng không có kết quả thì vấn đề sẽ được trình lên toà án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết này sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc hai bên và bên thua kiện phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết. Trong quá trình xét xử, hai bên vẫn phải duy trì nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trừ phần việc đang có tranh chấp.

ĐIỀU 11: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng (thời gian tạm dừng hợp đồng không quá 30 ngày):
Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:
 - Một trong hai Bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình theo hợp đồng.
 - Một trong hai Bên có các hành vi vi phạm các quy định trong hợp đồng.
 - Có sự ngăn cấm của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước.
 - Ảnh hưởng của các điều kiện bất khả kháng.
- 11.2 Hủy bỏ hợp đồng:
Một Bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ hợp đồng mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- 11.3 Chấm dứt hợp đồng:
 - Trường hợp bên B vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng quá 15(mười lăm) ngày không do bất khả kháng mà không có lý do chính đáng hoặc những hạng mục bên B đã thi công lắp đặt nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ/mỹ thuật của bên đã được bên A gửi bằng văn bản nhưng quá 05(năm) ngày mà bên B vẫn không thực hiện hoặc sửa chữa nhưng vẫn không đạt, thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hai bên sẽ tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng. Sau này bên A có văn bản yêu cầu thực hiện các thủ tục thanh lý 03(ba) ngày, bên B phải chuyển toàn bộ nhân lực và thiết bị thi công ra khỏi công trường và bàn giao mặt bằng cho bên A.
 - Sau khi có công văn của bên A thông báo chấm dứt hợp đồng với bên B, thì những phần công việc còn lại mà bên B chưa thực hiện xong hoặc không đạt yêu cầu kỹ thuật của bên B, sẽ được bên A mời đơn vị thầu khác thi công và toàn bộ chi phí thuê đơn vị thi công khác sẽ được khấu trừ vào hợp đồng tương ứng với khối lượng công việc.
 - Hai bên hoàn tất nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.
 - Hai bên thoả thuận trong những trường hợp cụ thể.
- 11.4 Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, nếu gặp phải trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, động đất, bão, lũ lụt, chiến tranh, hoặc sự thay đổi về chính sách, cũng như những quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thi công công trình, bên bị ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng có

trách nhiệm thực hiện nhưng biện pháp hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, ngay sau khi hết sự kiện bất khả kháng, trong thời hạn 03(ba) ngày kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản về những thiệt hại, mất mát đã xảy ra, hai bên chủ động cùng nhau thương lượng để giải quyết việc chấm dứt, tiếp tục hay kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 12: THƯỞNG HỢP ĐỒNG, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

12.1. Thưởng hợp đồng: không

12.2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Đối với Nhà thầu:

+ Chậm tiến độ: tính từ ngày hết hạn hợp đồng, nếu chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu thì phạt 0,01 % trên giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi 1 (một) ngày chậm nhưng tối thiểu là 200.000đồng/1 ngày chậm.

- Tổng mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Khi bên B vi phạm các qui định về quản lý đầu tư, quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng sẽ bị xử phạt theo qui định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

ĐIỀU 13: TRÁCH NHIỆM BÊN A

13.1 Bàn giao mặt bằng thi công, vị trí công trình cho bên B. Trừ trường hợp bất khả kháng.

13.2 Thông báo cho bên B tiến độ thực hiện các việc liên quan đến công việc của bên B.

13.3 Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình thi công cử người đại diện có đủ quyền hạn điều hành phối hợp chung trên công trường để bên B thuận lợi trong việc tổ chức thi công, đảm bảo tiến độ thi công công trình.

13.4 Cử cán bộ giám sát thường xuyên trên công trình để theo dõi chất lượng thi công, xác định chất lượng vật tư, thiết bị sử dụng trên công trình, phương pháp thi công, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, khối lượng phát sinh để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

13.5 Kiểm tra biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của bên B.

13.6 Ký duyệt các tài liệu kỹ thuật do bên B cung cấp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận những tài liệu kỹ thuật.

13.7 Bàn giao các tài liệu cần thiết liên quan đến việc thực hiện công việc của bên B.

13.8 Thanh toán cho bên B theo điều 7 của hợp đồng.

13.9 Nghiệm thu và quyết toán hợp đồng đúng thời hạn quy định.

13.10 Có quyền đình chỉ thi công nếu bên B thi công không đúng thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, cung cấp không đúng, không đảm bảo chất lượng thiết bị, vật tư.

13.11 Có quyền đề nghị thay đổi nhân sự của bên B nếu không đáp ứng được yêu cầu của bên A đưa ra. Việc thực hiện thay đổi nhân sự này phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận thông báo của bên A. Mọi chi phí phát sinh và tiến độ chậm trễ do bên B chịu.

ĐIỀU 14: TRÁCH NHIỆM BÊN B

- 14.1 Bên B tự lo tổ chức thực hiện toàn bộ khối lượng công việc được giao.
- 14.2 Tuân thủ các quy định, quy phạm về xây dựng cơ bản hiện hành.
- 14.3 Đảm bảo thi công theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật và các bản phụ lục đã được hai bên phê duyệt và đính kèm theo hợp đồng này.
- 14.4 Giữ gìn vệ sinh công trường, an ninh trật tự trong suốt thời gian thi công.
- 14.5 Sau khi hoàn thành xong công việc hoặc theo yêu cầu của bên A, thì bên B phải thu dọn vệ sinh sạch sẽ và di chuyển toàn bộ vật tư công cụ, dụng cụ thi công ra khỏi khu vực thi công hoặc khuôn viên của bên A.
- 14.6 Thực hiện các phát sinh (tăng/giảm nếu có) theo yêu cầu của bên A để phù hợp với điều kiện tình hình công trình.
- 14.7 Trong trường hợp bên A phát hiện bên B thi công không đảm bảo an toàn lao động, thì bên A có quyền đình chỉ thi công cho đến khi bên B đảm bảo an toàn lao động.
- 14.8 Lập bảng khối lượng, giá trị và thời gian gia hạn cho các công việc phát sinh gửi cho chủ đầu tư phê duyệt chậm nhất là 05 (năm) ngày sau khi nhận được yêu cầu của bên A có sự kiểm tra của đơn vị tư vấn giám sát.
- 14.9 Phối hợp chặt chẽ với các Bên khác để hoàn thành tốt công trình, nhằm tiết kiệm vật tư và thời gian cho bên A.
- 14.10 Lập nhật ký công trình trên công trường, theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện tiến độ thi công. Cử nhân viên chuyên trách cập nhật hàng ngày tình hình thực hiện tiến độ thi công, lượng nhân công, xe máy, khối lượng đã hoàn thành. Luôn có biện pháp xử lý tốt các sự cố, các vấn đề kỹ thuật, về vệ sinh môi trường trong công trường. Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch, chất lượng công trình và các kiến nghị của Bên A.
- 14.11 Chấp hành nội dung đã thống nhất trong các cuộc họp giao ban. Tuân thủ sự điều phối của bên A, có trách nhiệm phối hợp tốt với các Bên B khác trên công trường. Bồi thường các thiệt hại gây ra cho chủ đầu tư và các Bên B khác do việc không chấp hành đúng qui định hoặc các biên bản họp giao ban công trình.
- 14.12 Chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng các công tác hoàn thành. Phải kiểm tra chất lượng công trình theo đúng quy định tại các điều lệ về quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015.
- 14.13 Tuân thủ những nội quy do bên A đề ra. Đảm bảo về an toàn lao động và công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi sinh, môi trường và các hoạt động khác ở công trường theo qui định hiện hành.
- 14.14 Cùng phối hợp với bên A giải quyết những vướng mắc, trở ngại khó khăn trong suốt quá trình nghiệm thu, thi công, thanh toán, bảo hành công trình.
- 14.15 Cung cấp cho bên A hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo đúng qui định tài chính của nhà nước.




ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 15.1 Hai bên cam kết thực hiện tốt những điều khoản đã thoả thuận trong bản hợp đồng này.
- 15.2 Đơn vị thi công chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh công trường, an toàn thiết bị ...
- 15.3 Các hạng mục tăng, giảm về khối lượng sẽ được hai bên thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản và được người có thẩm quyền của hai bên phê duyệt mới được thực hiện và được coi là cơ sở cho việc thanh quyết toán sau này.
- 15.4 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt khi hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

15.5 Các phụ lục kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

15.6 Hợp đồng này được lập thành 10 bản, bên A giữ 07 bản và bên B giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC 


Nguyễn Thế Mỹ

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC 


Thuận Thuận

C.T.C.P
G
H

Số: 17 /BB-PCBP-KTAT

Quận 6, ngày 31 tháng 8 năm 2015

BIÊN BẢN ĐÓNG ĐIỆN NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: DM TB.T 1x160 kVA, 15-22/0,4 kV, trường tiểu học
Phước 11, Quận 6.

Mã công trình:

Các hạng mục thực hiện trong công trình gồm:

- | | | |
|---|---|--|
| <input checked="" type="checkbox"/> Cây mới trạm. | <input type="checkbox"/> Di dời trạm. | <input type="checkbox"/> TCCS trạm. |
| <input type="checkbox"/> Kéo mới lưới trung thế. | <input type="checkbox"/> Di dời lưới trung thế. | <input type="checkbox"/> Cải tạo lưới trung thế. |
| <input type="checkbox"/> Kéo mới lưới hạ thế. | <input type="checkbox"/> Di dời lưới hạ thế. | <input type="checkbox"/> Cải tạo lưới hạ thế. |

Nguồn vốn: Khách hàng.

Địa chỉ xây dựng: Trường tiểu học Phước 11, Quận 6

Thuộc phạm vi quản lý lưới điện của Công ty Điện Bình Phú.

Đơn vị thiết kế: Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP HCM

Thỏa hiệp BCKTKTTC : số 1277 /PCBP-KTAT, ngày 19/05/2015

Quyết định phê duyệt dự toán : số , ngày

Lệnh công tác /lệnh khởi công : số , ngày

Chủ đầu tư: Ban quản lý DTXD Công trình Quận 6

Đơn vị tiếp nhận: Ban quản lý DTXD Công trình Quận 6

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Phước Nam

Các bên tiến hành đóng điện nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, thành phần gồm:

Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu: Chức vụ: Giám đốc

Đại diện chủ đầu tư: Nguyễn Thế Mỹ Chức vụ: Giám đốc

Các thành viên:

1. Phòng Kỹ Thuật & An Toàn
2. Phòng Kinh doanh
3. Phòng Kế Hoạch & Vật Tư
4. Phòng Tài Chính - Kế Toán
5. Đơn vị thiết kế
6. Đơn vị thi công
7. Đơn vị tiếp nhận
8. Đội Quản lý tổng hợp
9. Đội Quản lý lưới điện

Phạm Thành Nhân

Phan Cẩm Hiệp

Nguyễn Thành Nam

Ngô Quốc Thịnh

Lê Nghĩa

Bùi Ngọc Trường

Trần Văn Hùng

Trần Văn Hùng

Căn cứ giấy mời đóng điện nghiệm thu số: 2475/PCBP-KTAT, ngày 28/8/2015

Hội đồng đã xem xét các văn bản, tài liệu nghiệm thu, các văn bản kiểm tra khối lượng công trình và trên cơ sở kiểm tra các hạng mục công trình tại hiện trường, các bên đồng ý lập biên bản đóng điện nghiệm thu với các nội dung sau:

1. Về khối lượng các hạng mục xây lắp:

1.1. Lưới trung thế:

- Kéo mới 150m cáp ngầm 3M50-24KV-XLPE

1.2. Trạm hạ thế:

a. Tên trạm hiện hữu (nếu TCCS hoặc di dời):

Công suất: KVA. Điện áp vận hành: / (kV).

Danh số

--	--	--	--	--	--	--	--

 ID

--	--	--	--	--	--	--	--

Máy biến thế thuộc tài sản:

Điện lực ☐

Khách hàng ☒

Máy biến thế hiện hữu được:

Thu hồi ☐

Sử dụng lại ☐

b. Tên trạm sau khi lắp đặt mới: Tiểu khu FH

Công suất: 1 x 160 KVA. Điện áp vận hành: 15-22/0,4 (kV).

Danh số

C	1	9	M	L	3	2	8	N
---	---	---	---	---	---	---	---	---

 ID

0	8	1	9	9	3
---	---	---	---	---	---

Thiết bị đóng cắt bảo vệ: - 03 LBE0 24KV-100A hiệu Tuân An

- 03 LA 12KV 10kA hiệu Cooper

- 01 MCCB 3p-250A hiệu LS

Máy biến thế thuộc tài sản:

Điện lực ☐ (Phiếu chỉ định số: /EVN-DLHCM.IV, ngày / /)

Khách hàng ☒ (Chứng từ số: 0013495, ngày 03/08/2015)

1.3. Hệ thống đo đếm: Số điện kế tổng của trạm ☒ một ☐ hai ☐

* Điện kế thứ nhất TI 250 / 5 A, loại HN số lượng 03

TU / V, loại số lượng

Điện kế loại 3 pha 5(6) A 220-380 V, hiệu DTS 22 N° 09012951

Hệ số nhân Chỉ số ban đầu

Phiên lộ trình điện kế thứ nhất

4	9	L	6	2	0	5	6	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---

Mô tả vị trí đặt điện kế: tại trạm

* Điện kế thứ hai TI / A, loại số lượng

TU / V, loại số lượng

Điện kế loại pha A V, hiệu N°

Hệ số nhân Chỉ số ban đầu

Phiên lộ trình điện kế thứ hai

--	--	--	--	--	--	--	--	--

1.4. Lưới hạ thế :

1.5. Các số liệu XDCB khác :

2. Số liệu thử nghiệm tại hiện trường:

2.1. Máy biến thế :

Nội dung		Máy 1	Máy 2	Máy 3
Hiệu máy		Thời đi		
Số máy N ^o		152160130		
Điện trở cách điện (MΩ)	H-V	2000		
	C-V	3000		
	C-H	3000		
Điện trở một chiều (Ω)	H ₁ -H ₂	13,370		
	H ₂ -H ₃	13,390		
	H ₃ -H ₁	13,440		
	X ₀ -X ₁	0,00400		
	X ₀ -X ₂	0,00400		
	X ₀ -X ₃	0,00400		

2.2. Điện trở tiếp đất của trạm :

- Tách khỏi trung hòa của hệ thống 2,03 (Ω)
- Nối vào trung hòa của hệ thống 0,57 (Ω)

2.3. Điện trở cách điện cáp ngầm lắp mới :

- Sợi số 1: (N - 1 / N - 2 / N - 3) : 50 000 / 50 000 / 50 000 (MΩ)
- Sợi số 2: (N - 1 / N - 2 / N - 3) : / / (MΩ)

3. Nhận xét:

Đủ điều kiện đóng điện

4. Kết luận:

☒ Trong quá trình thi công, từng bộ phận công trình đã được tái lập điện sau khi lắp đặt xong.

☒ Đồng ý cho phép đóng điện lúc 15 giờ 30, các thông số đo được:

- Điện áp pha (1/2/3) [V] : 222 / 230 / 231

- Điện áp dây (1-2/2-3/1-3) [V] : 400 / 401 / 401

- Dòng điện pha (1/2/3) [A] : / /

- Kết quả chỉnh định hệ thống đo đếm điện năng:

☒ Đồng ý cho phép đưa công trình vào khai thác.

☐ Không đồng ý đưa công trình vào khai thác (ghi rõ lý do ở phần tồn tại).

☐ Công trình còn thiếu sót tồn tại cần phải tiếp tục giải quyết như sau:

7

Biên bản được lập lúc 15 giờ 45, ngày 31/08/2015 đã đọc rõ cho các thành viên cùng nghe, thống nhất ký tên.

Các thành viên

Ký tên

01. Phòng Kỹ Thuật & An Toàn

02. Phòng Kinh doanh

03. Phòng Kế Hoạch & Vật Tư

04. Phòng Tài Chính - Kế Toán

05. Đơn vị thiết kế

06. Đơn vị thi công

07. Đơn vị tiếp nhận

08. Đội Quản lý tổng hợp

09. Đội Quản lý lưới điện

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thuận Thuận

CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Thế Mỹ

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Gói thầu : Thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện

Công trình: Xây dựng trường Tiểu học Phường 11 Quận 6

Địa điểm: Phường 11, Quận 6, TP.HCM

- Căn cứ hợp đồng số : 1415 /PN-BQLDXTDCTQ6/HĐKT/2015 ký ngày 14 tháng 07 năm 2015; về việc thi công xây dựng và lắp đặt trạm điện giữa Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 6 và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.
- Căn cứ biên bản đóng điện nghiệm thu đưa vào sử dụng 31/08/2015
- Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2015 chúng tôi gồm :

BÊN A :(BÊN GIAO THẦU) BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẬN 6

Địa chỉ : Số 141 Chu Văn An, Phường 2, Quận 6, TPHCM

Điện thoại : 08 38556248

Đại diện Ông : **Nguyễn Thế Mỹ** Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản thanh toán: 8211.2.7046480 tại: KBNN TP.HCM

BÊN B :(BÊN NHẬN THẦU) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT-XD THIÊN ĐĂNG

Địa chỉ : Cao ốc văn phòng tầng 8, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 08 36100868

Đại diện Ông: **Nguyễn Thuận Thuyên** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã số thuế : 0312067271

Tài khoản số : 150220839 tại Ngân hàng Á Châu – CN Phan Đình Phùng TpHCM

Hai bên tiến hành ký thanh lý hợp đồng với các điều khoản sau :

Điều 1: Khối lượng công việc

Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký giữa hai bên A&B

Điều 2: Giá trị quyết toán hợp đồng

- | | |
|--|--------------------|
| 1/ Giá trị hợp đồng | : 862.336.165 đồng |
| 2/ Giá trị phê duyệt quyết toán | : 862.336.165 đồng |
| 3/ Giá trị bên A đã thanh toán bên B | : 862.336.165 đồng |
| 4/ Giá trị bên A chưa thanh toán bên B | : 0 đồng |

(Bằng chữ: Không đồng./.)

Điều 3: Điều khoản chung

Sau khi bên A thanh toán hết cho bên B thì hợp đồng số 1415 /PN-BQLDXTDCTQ6/HĐKT/2015 ký ngày 14 tháng 07 năm 2015 được thanh lý và hết hiệu lực.

Biên bản thanh lý có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 5 bản, bên A giữ 3 (ba) bản, bên B giữ 2(hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Mỹ

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Thuận Thuyên

HỒ SƠ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[02] Mã số thuế: 0312067271

[03] Địa chỉ: Cao ốc văn phòng tầng 8, số 85
Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định

[04] Quận/Huyện:
Quận 1

[05] Tỉnh/Thành phố: Thành
phố Hồ Chí Minh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		24.226.779.771	22.900.387.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		14.768.388.620	12.229.245.483
1. Tiền	111		14.768.388.620	12.229.245.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		6.821.088.148	8.316.810.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.633.675.482	8.146.173.972
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		187.412.666	155.976.211
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	14.660.328
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		2.507.603.486	2.349.697.664
1. Hàng tồn kho	141		2.507.603.486	2.349.697.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		129.699.517	4.634.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		121.355.857	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.343.660	4.634.122
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		316.394.000	124.006.072
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		0	0
- Nguyên giá	222		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		316.394.000	124.006.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		316.394.000	124.006.072
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.543.173.771	23.024.393.852
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		11.255.890.360	9.762.366.015
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		11.255.890.360	9.762.366.015
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.336.498.041	3.739.345.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.951.709.598	2.608.518.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		225.123.182	298.761.241
4. Phải trả người lao động	314		50.793.000	70.586.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		37.817.417	52.384.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.653.949.122	2.992.770.621
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		13.287.283.411	13.262.027.837
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		13.287.283.411	13.262.027.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		13.200.000.000	13.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		87.283.411	62.027.837
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		46.306.748	60.807.056
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.976.663	1.220.781
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.543.173.771	23.024.393.852

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đẳng.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[03] Mã số thuế: 0312067271

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.203.489.380	23.199.748.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		17.203.489.380	23.199.748.397
4. Giá vốn hàng bán	11		13.416.914.290	20.286.569.997
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.786.575.090	2.913.178.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.739.330	559.480
7. Chi phí tài chính	22		180.226.298	119.490.442
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		180.226.298	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.467.472.213	2.551.477.603
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		140.615.909	242.769.835
11. Thu nhập khác	31		0	45.454.545
12. Chi phí khác	32		71.516.064	258.350.084
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(71.516.064)	(212.895.539)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.099.845	29.874.296
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		28.123.182	28.653.515
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.976.663	1.220.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[03] Mã số thuế: 0312067271

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		19.779.527.741	22.942.616.200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.975.259.564)	(17.838.886.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.962.539.197)	(2.023.798.912)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(180.226.298)	(119.490.442)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(65.389.458)	(64.018.492)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		147.215.642	65.141.291
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.485.173.849)	(1.804.140.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.258.155.017	1.157.422.016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(372.279.365)	(75.754.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.738.329	559.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(370.541.036)	(75.195.067)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	26.212.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	(16.800.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.230.350.246	11.108.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.569.171.745)	(9.484.229.379)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		661.178.501	11.035.770.621
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.548.792.482	12.117.997.570
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.219.596.138	111.247.913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		14.768.388.620	12.229.245.483

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.



ISO 9001 : 2008

THIÊN ĐĂNG

8th Floor, Office Building, 85 Nguyen Huu Cau Street,
Tan Dinh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone: +(84-28) 3610 0868 (3 lines)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

Mẫu số: **B 02**
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[03] Mã số thuế: 0312067271

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.146.258.330	17.203.489.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23.146.258.330	17.203.489.380
4. Giá vốn hàng bán	11		19.331.475.116	13.416.914.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.814.783.214	3.786.575.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		175.218	1.739.330
7. Chi phí tài chính	22		537.086.678	180.226.298
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		537.086.678	180.226.298
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.101.068.210	3.467.472.213
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		176.803.544	140.615.909
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		7.900.000	71.516.064
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(7.900.000)	(71.516.064)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		168.903.544	69.099.845
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		24.752.478	28.123.182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		144.151.066	40.976.663
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[02] Mã số thuế: 0312067271

[03] Địa chỉ: Cao ốc văn phòng Tầng 5, Số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao,
[04] Quận/Huyện: Quận 1
[05] Tỉnh/Thành phố: Hồ Chí Minh

[06] Điện thoại: **[07] Fax:** **[08] E-mail:**

BCTC đã được kiểm toán: ☐

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		28.283.931.875	24.226.779.771
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		13.307.089.937	14.768.388.620
1. Tiền	111		13.307.089.937	14.768.388.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		10.259.272.200	6.821.088.148
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		9.719.159.671	6.633.675.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		499.433.922	187.412.666
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		40.678.607	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		4.659.253.701	2.507.603.486
1. Hàng tồn kho	141		4.659.253.701	2.507.603.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		58.316.037	129.699.517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.199.205	121.355.857
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		7.116.832	8.343.660
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		924.912.107	316.394.000
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		813.484.849	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		813.484.849	0
- Nguyên giá	222		827.272.727	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.787.878)	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		111.427.258	316.394.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		111.427.258	316.394.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.208.843.982	24.543.173.771
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		15.777.409.505	11.255.890.360
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310		15.777.409.505	11.255.890.360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.892.172.554	5.336.498.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.258.858.941	1.951.709.598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		24.752.478	225.123.182
4. Phải trả người lao động	314		0	50.793.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		17.685.217	37.817.417
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		4.583.940.315	3.653.949.122
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		13.431.434.477	13.287.283.411
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410		13.431.434.477	13.287.283.411
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		13.200.000.000	13.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		231.434.477	87.283.411
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87.283.411	46.306.748
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		144.151.066	40.976.663
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		29.208.843.982	24.543.173.771

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2021
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN ĐĂNG

[03] Mã số thuế: 0312067271

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.682.549.318	19.779.527.741
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20.457.022.728)	(12.975.259.564)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.945.403.857)	(1.962.539.197)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(537.086.678)	(180.226.298)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(28.123.182)	(65.389.458)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		297.509.195	147.215.642
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.355.488.980)	(2.485.173.849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.343.066.912)	2.258.155.017
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(48.398.182)	(372.279.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		175.218	1.738.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.222.964)	(370.541.036)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		11.471.647.581	8.230.350.246
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.541.656.388)	(7.569.171.745)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		929.991.193	661.178.501
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.461.298.683)	2.548.792.482
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.768.388.620	12.219.596.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		13.307.089.937	14.768.388.620

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2021
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THUẬN THUYỀN

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.



Ký điện tử bởi: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thiên Đăng.

